TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN ---	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---
Số: 1488./2023/BCTN-PTI	*Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2023*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính thưa các Quý vị cổ đông, đối tác cùng toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên (CBNV) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI),

Năm 2023 đánh dấu chặng đường hoạt động 25 năm của PTI, trong đó có 23 năm là công ty hoạt động dưới sự điều hành quản trị của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPOST). Năm 2022, VNPOST thoái vốn và PTI trở thành công ty niêm yết không còn thuộc sở hữu của cổ đông nhà nước. Tuy vậy, chặng đường phát triển 25 năm của PTI đã được kiến tạo bởi văn hóa sẻ chia và tin cậy đồng hành của những người con Bưu tá, nơi kết nối của một đội ngũ gần 3.000 CBNV rất gắn kết, và mối quan hệ hợp tác kinh doanh rộng khắp với VNPOST, các định chế ngân hàng, kênh đối tác, các định chế Môi giới lớn, các đối tác viễn thông và các công ty có nền tảng công nghệ số.

Đại dịch Covid đã xảy ra và kéo theo những chuyển dịch thay đổi trong điều kiện kinh doanh của các công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ, đồng thời với những khó khăn chung của toàn thế giới trong môi trường lạm phát cao và khẩu vị rủi ro của các Công ty tái bảo hiểm cũng đang siết chặt và co hẹp, đã khiến cho PTI lần đầu tiên trong lịch sử hoạt động kết thúc năm tài chính với kết quả lỗ hoạt động, lợi nhuận trước thuế là -343,57 tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh của PTI không chỉ phản ánh rủi ro của Đại dịch Covid, mà còn là hậu quả của quá trình phát triển thúc đẩy theo doanh số, và mô hình quản trị chưa thích ứng được với chuẩn mực của một định chế tài chính trung gian Bảo hiểm. Các điều kiện kinh doanh của một Công ty Bảo hiểm hướng tới thị trường bán lẻ, PTI chưa đáp ứng được các điều kiện về năng lực tiếp cận khách hàng trực tiếp thông qua kênh bán, hay đội ngũ tư vấn bảo hiểm, các giải pháp sản phẩm của PTI nói riêng, và ngành bảo hiểm phi nhân thọ nói chung, vẫn đang tập trung chủ yếu vào cạnh tranh về giá mà chưa kiến tạo được sự lựa chọn hướng đi phù hợp để có thể định vị sự khác biệt và cạnh tranh bền vững.

PTI vẫn tiếp tục định hướng là Công ty Bảo hiểm tập trung vào chiến lược cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ. Công ty hướng tới tầm nhìn của một định chế tài chính bảo hiểm chuẩn mực và tin cậy, với sứ mệnh kiến tạo các giải pháp Bảo hiểm cho mọi nhà, đơn giản và đủ sự lựa chọn cho điều kiện bảo

vệ sức khỏe tài chính, bảo an thịnh vượng và sự phát triển bền vững (HEALTH – WEALTH – GROWTH) của mọi khách hàng, bằng một môi trường có chuẩn mực làm nghề để gắn kết và tạo động lực phát triển cho đội ngũ CBNV PTI, một nền tảng giải pháp công nghệ liên tục được kiện toàn để đáp ứng được điều kiện kinh doanh trong thời đại số, một hệ sinh thái kết nối các đối tác cùng đồng hành giải quyết những bài toán đáp ứng nhu cầu đích thực của khách hàng và thách thức cạnh tranh của ngành bảo hiểm.

Chúng tôi hiểu những thách thức mà PTI cũng như các công ty Bảo hiểm phi nhân thọ đang phải đối diện, hiểu những rủi ro nội tại mà công ty cần đổi mới và kiện toàn, hiểu những cơ hội và trách nhiệm mà chúng tôi được giao phó với sứ mệnh của một công ty Bảo hiểm phi nhân thọ, nơi cung cấp hạ tầng an sinh cho các thành viên trong xã hội. Đội ngũ PTI và Ban lãnh đạo công ty đã thấu hiểu tầm nhìn, sứ mệnh và hệ giá trị chúng tôi hướng tới trên con đường sự nghiệp của mình. Năm 2023, với chủ đề mục tiêu "The way out is in", giải pháp cho PTI là tập trung kiện toàn điều kiện kinh doanh bền vững, thiết lập nền tảng quản trị theo chuẩn mực tốt nhất của các định chế tài chính bảo hiểm, và xây dựng môi trường làm nghề cho tất cả CBNV, nơi mỗi con người có cơ hội đóng góp, cải thiện năng lực của chính bản thân mình thông qua cơ hội làm mới mỗi ngày và phát triển sự nghiệp làm nghề bền vững.

Kết quả hoạt động của PTI năm vừa qua có thể chưa biểu hiện bằng những con số tài chính, nhưng sẽ là một nền móng vững chắc cho sự nghiệp hoạt động của Công ty trong tương lai.

Xin cám ơn các Quý vị cổ đông, các đối tác, đồng nghiệp và các Quý vị khách hàng đã liên tục đồng hành và yểm trợ PTI trong suốt thời gian qua. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục kiện toàn và dấn thân phụng sự để hiện thực hóa được giấc mơ Bảo an sức khỏe và sự thịnh vượng của Người dân Việt Nam.

2. Điểm nhấn/ điểm sáng của PTI trong năm 2022

Đầu năm 2022, cơ cấu cổ đông của PTI đã thay đổi khi Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) thoái vốn thành công toàn bộ khỏi PTI. Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện đã trở thành 1 trong số 5 công ty bảo hiểm phi nhân thọ có thị phần lớn nhất không thuộc sở hữu nhà nước. Theo đó, nhóm cổ đông thuộc tập đoàn IPA- cổ đông sáng lập Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT trở thành cổ đông lớn nhất, Công ty bảo hiểm DB (DB Insurance - Hàn Quốc) là cổ đông lớn thứ hai, và cổ đông tổ chức lớn thứ 3 là Vinare – Công ty Tái bảo hiểm quốc gia đứng đầu thị trường.

Đầu năm 2023, PTI tiếp tục được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính quốc tế AMBest xếp hạng tài chính mức B++ (Tốt), mức xếp hạng tín dụng dài hạn bbb. A.M. Best đặc biệt đánh giá cao PTI thông qua kênh phân phối đa dạng, mạng lưới bán hàng và chăm sóc khách hàng toàn diện.

Về doanh thu PTI tiếp tục tăng trưởng và giữ vững vị trí thứ 3 về thị phần trong tổng số 31 Công ty bảo hiểm Phi nhân thọ trên thị trường năm 2022.

Về kiện toàn năng lực tổ chức hoạt động kinh doanh trong ngành Bảo hiểm phi nhân thọ, Công ty hướng tới tầm nhìn của một định chế tài chính bảo hiểm chuẩn mực và tin cậy, với sứ mệnh kiến tạo các giải pháp Bảo hiểm cho mọi nhà, đơn giản và đủ sự lựa chọn cho điều kiện bảo vệ sức khỏe tài chính, bảo an thịnh vượng và sự phát triển bền vững (HEALTH – WEALTH – GROWTH) của mọi khách hàng.

Song song với việc đề ra tầm nhìn - sứ mệnh mới, công ty thực hiện chuẩn hóa cơ cấu tổ chức theo hướng nâng cao tinh thần làm chủ và chịu trách nhiệm ở tất cả các khâu trong quá trình vận hành mô hình quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất.

II. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện (PTI)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 055051 ngày 17/3/2004 (thay đổi lần 1) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
- Vốn điều lệ: 803.957.090.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 803.957.090.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 95 phố Trần Thái Tông - Phường Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 024 37724466
- Số fax: 024 37724460
- Website: www.pti.com.vn
- Mã cổ phiếu: PTI

2. Chặng đường phát triển

- Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI) tiền thân là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm số 10/TC/GCN ngày 18/06/1998, được Uỷ ban Nhân dân thành phố Hà Nội thành lập theo Giấy phép số 3633/GP-UB ngày 01/8/1998; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055051 ngày 12/8/1998.
- Ngày 01/04/2001, Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000 chính thức có hiệu lực, theo đó Giấy phép kinh doanh bảo hiểm được dùng thay thế Giấy đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Ngày 01/02/2007, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 41A/GP/KDBH cho PTI. Tại Giấy phép này, vốn điều lệ của PTI là 105 tỷ đồng.
- Ngày 25/01/2008, PTI thực hiện tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 283/UBCK-GCN do UBCKNN cấp và được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh vốn số 41A/GPĐC1/KDBH ngày 21/4/2008.
- Ngày 30/03/2010, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh lần 2 số 41A/GPĐC2/KDBH, cho phép PTI thay đổi vốn điều lệ lên 450 tỷ đồng sau khi PTI hoàn thành đợt tăng vốn theo Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 481/UBCK-GCN ngày 24/12/2009 do UBCKNN cấp.
- Ngày 30/06/2010, PTI chính thức đổi tên thành "Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện" theo Giấy phép số 41A/GPĐC4/KDBH của Bộ Tài chính. Các Chi nhánh trực thuộc được chính thức đổi tên thành "Công ty thành viên trực thuộc" theo Giấy phép số 41A/GPĐC6/KDHB ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính.

- Ngày 02/3/2011, PTI chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch chứng khoán "PTI".
- Ngày 6/8/2012, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 41A/ GPDDC8 cho phép PTI thực hiện tăng vốn điều lệ lên 503.957.090.000 đồng.
- Ngày 29/01/2015, Dongbu insurance - doanh nghiệp bảo hiểm đứng thứ 2 Hàn Quốc chính thức trở thành cổ đông chiến lược của PTI, chiếm giữ 37,32% cổ phần của PTI, nâng số vốn điều lệ của PTI lên thành 803.957.090.000 đồng. Kết thúc năm 2015, PTI đứng vị trí số 4 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.
- Năm 2016, PTI có thêm cổ đông lớn là Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT. Đến cuối năm, PTI vươn lên vị trí số 3 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. PTI là doanh nghiệp bảo hiểm đầu tiên thành lập công ty bảo hiểm chuyên biệt, dẫn đầu thị trường về bảo hiểm trực tuyến – PTI Thời Đại số.
- Năm 2021, PTI đứng đầu thị trường về doanh thu bảo hiểm xe cơ giới.

*** Các giải thưởng, thành tựu đạt được**

- Doanh nghiệp có bước tiến vượt bậc trong chính sách nhân sự.
- Thương hiệu quốc gia Việt Nam.
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất tại Việt Nam.
- Huân chương lao động hạng Nhất.
- Cờ thi đua của Chính phủ.
- Ứng dụng công nghệ xuất sắc năm 2018.
- Sao vàng Đất Việt.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
- Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người
- Bảo hiểm xe cơ giới
- Bảo hiểm tài sản kỹ thuật
- Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không
- Bảo hiểm trách nhiệm chung
- Bảo hiểm cháy, nổ
- Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh
- Bảo hiểm vệ tinh
- Bảo hiểm hàng không
- Bảo hiểm tàu
- Kinh doanh tái bảo hiểm: nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét duyệt bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Địa bàn kinh doanh

- Địa bàn hoạt động kinh doanh của PTI trải khắp toàn quốc.
- Từ 11/10/2010, PTI đầu tư trực tiếp sang thị trường Bảo hiểm Lào. PTI góp vốn cùng Ngân hàng phát triển Lào thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Lane Xang (LAP) kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

PTI có cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (xem sơ đồ dưới đây):

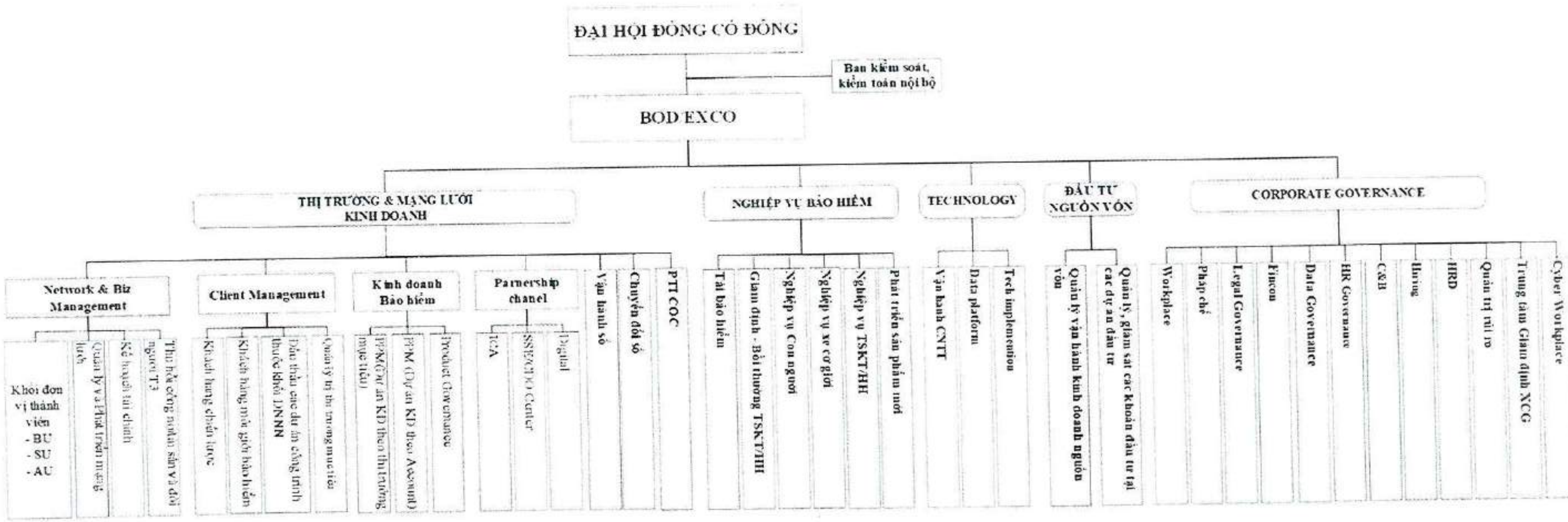
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ
BOD/EXCO
THỊ TRƯỜNG & MẠNG LƯỚI KINH DOANH
NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM
TECHNOLOGY
ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN
CORPORATE GOVERNANCE
Network & Biz Management
Client Management
Kinh doanh Bảo hiểm
Partnership chanel
Vận hành số
Chuyển đổi số
PTI COC
Khối đơn vị thành viên
- BU
- SU
- AU
Quản lý và Phát triển mạng lưới
Kế hoạch tài chính
Thu hồi công nợ/tài sản và đòi người T3
Khách hàng chiến lược
Khách hàng môi giới bảo hiểm
Đấu thầu các dự án công trình thuộc khối DNNN
Quản lý trị thị trường mục tiêu
PPM(Dự án KD theo thị trường mục tiêu)
PPM (Dự án KD theo Account)
Product Governance
ICA
SSE/CDO Center
Digital
Tái bảo hiểm
Giám định - Bồi thường TSKT/HH
Nghiệp vụ Con người
Nghiệp vụ xe cơ giới
Nghiệp vụ TSKT/HH
Phát triển sản phẩm mới
Vận hành CNTT
Data platform
Tech implemention
Quản lý vận hành kinh doanh nguồn vốn
Quản lý, giám sát các khoản đầu tư tại các dự án đầu tư
Workplace
Pháp chế
Legal Governance
Fincon
Data Governance
HR Governance
C&B
Hiring
HRD
Quản trị rủi ro
Trung tâm Giám định XCG
Cyber Workplace

PTI là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan.

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ: Số 95 phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (042) 3772 4466 Fax: (042) 3772 4460/61
- Website: www.pti.com.vn

*** Văn phòng Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Phía Nam**

- Địa chỉ: Tầng 2, số 205 Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0283.2253.8925 Fax: 028.2253 8945

*** Các Công ty thành viên trực thuộc**

(1) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long

Địa chỉ: Tòa nhà Hoa Đăng, số 290 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.35375411 Fax: 024.35375400

(2) Công ty Bảo hiểm Bưu điện thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 11, 285 Cách mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0283. 9104848 Fax: 0283. 9117007

(3) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 5 Tòa nhà Bưu điện Đà Nẵng, 271 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3837 839 Fax: 0236.3837 838

(4) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng

Địa chỉ: Tầng 2 số 5 Nguyễn Tri Phương, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 02253. 530886 Fax: 02253. 530898

(5) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ

Địa chỉ: Số 190E, đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại: 0292. 3751447 Fax: 0292. 3751445

(6) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bắc Trung Bộ

Địa chỉ: Khối Yên Vinh, Phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0238.3598 666 - 0238.3598 555 Fax: 0238. 3598 678

(7) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Phía Bắc

Địa chỉ: Khu đất số 146, Đường Nguyễn Tất Thành, P. Trưng Vương, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 0210.385 9568 Fax: 0210 385 9567

(8) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Tây Nguyên

Địa chỉ: Số 27 Trần Khánh Dư, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk

Điện thoại: 0262. 3955 994 Fax: 0262. 3955 258

(9) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai

Địa chỉ: Tầng 19 số 53-55 Đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3949 966 Fax: 0251.3949 965

(10) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Trung Bộ

Địa chỉ: Số 2 Đường Lê Thành Phương, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0258 356 0555 Fax: 0258 382 8555

(11) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương

Địa chỉ: số 63 đường D9, KDC Chánh Nghĩa, khu 11, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274 3898708 Fax: 0274 3898711

(12) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Quảng Ninh

Địa chỉ: 164 Lê Thánh Tông, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3656 661 Fax: 0203 3656 669

(13) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau

Địa chỉ: Số 3, đường Lưu Tấn Tài, Phường 5, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0290 355 0777 Fax: 0290 355 0666

(14) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định

Địa chỉ: Tầng 4, số 02 đường Trần Thị Kỷ, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0256 381 8818 Fax: 0256 3522 377

(15) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa

Địa chỉ: Tầng 5, số 11 Hạc Thành, phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa

Điện thoại: 0237 371 4234 Fax: 0237 371 4469

(16) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thừa Thiên Huế

Địa chỉ: Thừa đất số 19, tờ bản đồ số 41, khu định cư Bàu Vá giai đoạn 2, phường Đồng Đúc, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 381 5815 Fax: 0234 381 5444

(17) Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang

Địa chỉ: Số 5/2 đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Điện thoại: 0296 395 5678 Fax: 0296 395 5777

(18) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An

Địa chỉ: Số 37-39 đường số 5, phường 6, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

Điện thoại: 0272 352 1464 Fax: 0272 352 1484

(19) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Số 2, đườngNgô Quyền, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại: 02113. 721 388 Fax: 02113. 721 222

(20) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn

Địa chỉ: P2-3, Tầng 3, tòa nhà Dali Tower, Số 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3841 0576 Fax: 028 3841 0577

(21) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh

Địa chỉ: Lô B94 đường Kinh Dương Vương, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0222 3824 667 Fax: 0222 3893 008

(22) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai

Địa chỉ: Số 121, đường Thanh Niên, phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Điện thoại: 0214 823 969 Fax: 0214 823 968

(23) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng

Địa chỉ: Số 306, đường Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0229 389 9446 Fax: 0229 389 1218

(24) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội

Địa chỉ: VP 3-1, Tầng 3, Tòa nhà Comatce Tower, số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243 792 5172 Fax: 0243 792 5173

(25) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành

Địa chỉ: Tầng 4,5 Tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3932 1968 Fax: 028 3932 1969

(26) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đô

Địa chỉ: Tầng 5,6 tòa nhà số 69 Nguyễn Hy Quang, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243 724 5103 Fax: 0243 724 5105

(27) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Hưng

Địa chỉ: Lô 122.BT3-4 Khu Tây, P.Tân Bình, Tp.Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 389 8598 Fax: 0220 389 8880

(28) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang

Địa chỉ: Số 59C, đường 30/4, phường 1, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 0273 3979 188 Fax: 0273 3979 288

(29) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Điện thoại: 0232 385 0111 Fax: 0232 385 0444

(30) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Phú Mỹ Hưng

Địa chỉ: Lầu 7 Tòa nhà Loyal, Số 151 - 151 Bis Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 3820 5111 Fax: 028 3820 5222

(31) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thống Nhất

Địa chỉ: Lầu 2, Chung cư Thủy Lợi 4, 205 Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạch, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 6298 9911 Fax: 028 6298 9922

(32) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vũng Tàu

Địa chỉ: Lầu 2, số 3 Ba Cu, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại: 0254 357 6577 Fax: 0254 357 6578

(33) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Nguyên

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà 09 tầng, phố Tô Ngọc Vân, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0208.385 3888 Fax: 0208.385 8797

(34) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Gia Lai

Địa chỉ:47 Nguyễn Du, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0269 371 9977 Fax: 0269 371 9978

(35) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Thành

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Lạc Hồng số 85 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243 569 0607 Fax: 0243 569 0608

(36) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định

Tầng 3 Tòa nhà ACB - Chi nhánh Nam Định, số 67 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Du, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 0228 3528 075 Fax: 0228 3528 074

(37) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Âu Lạc

Căn số 2 - N7B Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.36895588 Fax: 024.38595588

(38) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tràng An

Tầng 6 Tòa nhà HTP số 434 Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.9726699 Fax: 0243.9766699

(39) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Bắc

Số 14, ngõ 291, tổ 7. Phường Quỳnh Lâm, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Điện thoại: 0218.3858699 Fax: 0218.3858234

(40) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sóc Trăng

Số 62 Trần Bình Trọng, khóm 1, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại: 0299 3815 999 Fax: 0299 3814 999

(41) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Đăng

Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 02253.655688 Fax: 02253.655698

(42) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Bình

Tầng 3, số 328 Đường Lý Thường Kiệt, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Điện thoại: 0227.3839288 Fax: 0299.3814.999

(43) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nam

286 Huỳnh Công Giản, Phường 3, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0276 3783 939 Fax:0276 3763 838

(44) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Tuyên

Tổ 6, Phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại: 0207 3872 696 Fax: 020 7387 2696

(45) Văn phòng Đại diện Giám định bồi thường PTI tại Hà Nội

Tầng 2 nhà nối số 2, Chung cư cao tầng tại ô đất CT3, Khu đô thị mới Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243 .9338989 Fax: 0243 8565 588

(46) Văn phòng Đại diện Giám định bồi thường PTI tại Tp.Hồ Chí Minh

Lầu 2, Số 205 Nguyễn Xí, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 2253 8925 Fax: 028 2253 8945

(47) Công ty Bảo hiểm Thời Đại Số

VP 3-2, Tầng 3 tòa nhà Comatce Tower, số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 0247 300 5678 Fax:

(48) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Gia Định

Tầng 3 tòa nhà Sun Village, số 31-33 Nguyễn Văn Đậu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 3636 0576 Fax: 028 3636 0596

(49) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Kiên Giang

Số 801-803 Đường 3 tháng 2, P.An Hòa, thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: 029 7389 8999 Fax: 029 7389 8789

(50) Văn phòng đại diện Giám định bồi thường PTI tại Thành phố Hải Phòng

Tầng 1, Số 5 Nguyễn Tri Phương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 02253.98.98.88 Fax: 02253.98.98.89

(51) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lạng Sơn

Tầng 1&3 số 20 đường 17/10, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 0205.3868.999 Fax: 0205.3868.999

(52) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Giang

Số 151 đường Hùng Vương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0204 3559 688 Fax:

(53) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Tháp

Số 02-04 đường Đỗ Công Tường, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02773 850 123 Fax:

(54) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Quảng Nam

Số 79 đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.

Điện thoại: 0235 3821 839 Fax:

(55) Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đức

Nhà phố thương mại SH03-01&SH03-02, Đường Mai Chí Thọ, Phường An Lợi Đông, Quận Thủ Đức, Tp. HCM

Điện thoại: 0235 3821 839 Fax:

Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

*** Công ty con của PTI:**

TT	Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	% vốn do PTI đầu tư
1	Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện (Postre)	0102985620 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 21/10/2008	Thương mại & dịch vụ	Bất động sản	97,6%

(1) Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện (Postre)

- Trụ sở chính: Số 95 phố Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP. Hà nội
- Văn phòng giao dịch: Số 95 phố Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (84- 24) 36401296, 36401297; Fax: (84-24) 3640 1295
- Website: www.pre.com.vn
- Vốn điều lệ: 180,73 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp 180,73 tỷ đồng
- Vốn góp của PTI đến thời điểm 31/12/2022: 176,4 tỷ đồng
- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022: Tổng tài sản đến 31/12/2022 đạt 190,265 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 0,763 tỷ đồng. Công ty chưa chia cổ tức do lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2022 vẫn âm.

*** Công ty liên kết của PTI**

TT	Công ty có liên quan	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	% do PTI đầu tư
1	Công ty bảo hiểm đại chúng Lane Xang (Lane Xang)	347/BKH-ĐTTNN	Dịch vụ	Bảo hiểm	50
2	Công ty Cổ phần Kasati	0103028881	Sản xuất, thương mại, dịch vụ	Viễn thông, tin học, điện tử	21,3

(1) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lane Xang (Lane Xang)

- Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà MB Bank, Kaysone Phomvihane Avenue, Thủ đô Viên chăn, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
- Điện thoại: 856.21.265.567; Fax: 856.21.264.789
- Website: www.lanexang.net
- Vốn điều lệ: 2.000.000 USD, tương đương 38,2 tỷ đồng
- Vốn góp của PTI đến thời điểm 31/12/2021: 1.000.000 USD, tương đương 20,1 tỷ đồng.

- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022: Doanh thu đạt 66 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 4,976 tỷ đồng.

(2) Công ty Cổ phần Kasati

- Trụ sở chính: 270A Lý Thường Kiệt P14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3865 5343 Fax: (84-8) 3865 2487
- Website: www.kasati.com.vn
- Vốn điều lệ: 59,92 tỷ đồng
- Vốn góp theo mệnh giá của PTI đến thời điểm 31/12/2021: 14,292 tỷ đồng
- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022: Tổng tài sản đến 31/12/2022 đạt 249 tỷ đồng; doanh thu đạt 286,8 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 12,58 tỷ đồng.

*** Định hướng hoạt động đầu tư**

Chủ trương đầu tư:

- Hoạt động đầu tư đảm bảo an toàn vốn.
- Chuyển dịch nguồn sang hoạt động đầu tư có lãi suất cố định, an toàn nhưng có lãi suất cao hơn tiền gửi.
- Tăng cường kiểm soát rủi ro.

5. Định hướng phát triển

5.1. Tầm nhìn

Xây dựng PTI là một định chế tài chính - bảo hiểm chuẩn mực và tin cậy, đem lại giá trị Bảo vệ an toàn, Bảo an Thịnh vượng và Phát triển bền vững cho những người làm nghề, khách hàng, đối tác và cộng đồng.

5.2. Sứ mệnh

Phụng sự Bảo vệ sức khỏe - Bảo an thịnh vượng của cộng đồng và Cơ hội tiếp cận các giải pháp bảo hiểm toàn diện cho mọi khách hàng bằng Hệ sinh thái dịch vụ bảo hiểm toàn diện, tin cậy và cực kỳ đơn giản.

5.3. Giá trị cốt lõi

- Đạo đức chính trực (Conduct of Integrity)

Thể hiện tính trung thực và sự tuân thủ nội quy, tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức làm nghề chân chính, thượng tôn pháp luật của người PTI. Nghĩa rộng hơn là: cam kết tôn trọng sự thật khách quan, luôn đặt quyền lợi của Công ty lên trên quyền lợi cá nhân.

Chỉ có sự chính trực mới giúp mỗi con người PTI tự tin xây dựng uy tín và các giá trị bền vững cho tập thể.

- Trí tuệ tập thể (Collective Wisdom)

Mỗi cá nhân chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người có kiến thức, kinh nghiệm với thái độ cầu thị; đồng thời tìm hiểu nền tảng trí tuệ tập thể đã được tích lũy qua thời gian để áp dụng hiệu quả trong công việc và hoàn thiện năng lực của tổ chức.

- Hợp tác phụng sự (Collaboration of Services)

Những trải nghiệm của người PTI với mỗi khách hàng là một tài sản quý báu, giúp chúng tôi được học hỏi và hoàn thiện mình. Chúng tôi tôn trọng mọi nhu cầu khác biệt của từng khách hàng và luôn lắng nghe để thấu hiểu nhu cầu và cung cấp những giải pháp bảo hiểm tối ưu cho khách hàng.

- Kết nối giá trị (Connection of Values)

Chúng tôi cùng nhau chia sẻ, đóng góp kinh nghiệm và kiến thức nghề nghiệp để tạo được một dòng sông trí tuệ tập thể. Từ đó, giúp cho mỗi chúng tôi có được nền tảng tri thức nghề nghiệp và sự sáng tạo không ngừng của một tập thể lớn mạnh, đáp ứng được mọi mong đợi của khách hàng.

5.4. Định vị giá trị

Bắt đầu từ năm 2022, PTI tái định vị thương hiệu, từ định vị "Người bạn đích thực" thành sang "Giải pháp bảo hiểm cho mọi nhà". Điều này cũng cho thấy định hướng của PTI là tiếp cận trực tiếp với thị trường khách hàng cá nhân, không phân biệt đối tượng, để cung cấp giải pháp bảo hiểm chứ không phải chỉ để "bán" những sản phẩm bảo hiểm đơn lẻ. Chỉ cần người dân Việt Nam có nhu cầu được bảo vệ thực sự, PTI sẵn sàng cung cấp cơ hội tiếp cận các giải pháp bảo hiểm, bảo vệ họ trước mọi rủi ro, đặc biệt trong điều kiện khách hàng không có khả năng thanh toán. Từ đó, nâng cao ý thức sử dụng sản phẩm bảo hiểm như một biện pháp bảo vệ trước rủi ro tài chính cũng như đóng góp vào việc bảo vệ cộng đồng.

5.5. Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển của PTI được thực thi dựa trên các năng lực cốt lõi

a) Con người

Kể từ 2022, trên cơ sở kế thừa những giá trị văn hóa tốt đẹp đã xây dựng được từ khi thành lập tới nay, PTI bắt xây dựng văn hóa làm việc trên bốn khung năng lực cốt lõi IPAM:

- Insights – Năng lực quan sát, tôn trọng sự thật
- Passion – Năng lực học hỏi, Đam mê hoàn thiện
- Action – Năng lực hành động, Thái độ tích cực
- Mindfulness – Năng lực tập trung, Toàn tâm phụng sự

Những con người có phẩm chất IPAM (Insights – Passion – Action – Mindfulness) đã xây dựng được sức mạnh của một tập thể những con người làm nghề chuyên nghiệp, có khả năng hiểu biết sâu sắc về tầm nhìn, sứ mệnh và hệ giá trị của công ty (Insights – Cái thấy đúng đắn), có năng lực tạo ra sức mạnh sáng tạo từ sự đam mê nghề nghiệp (Passion – Đam mê), năng lực hành động cùng một tập thể tri thức với kinh nghiệm đa dạng (Action – Hành động), và khả năng an trú vững vàng trong mọi điều kiện của thị trường (Mindfulness – An vui với hiện tại).

Trong 24 năm qua, PTI đã đối diện nhiều thời điểm khó khăn, vượt qua nhiều thách thức, cũng đã đạt được những thành công vượt trội. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, người PTI cũng không ngừng cống hiến cho sự an tâm sử dụng dịch vụ của mỗi khách hàng và cho sự trưởng thành của mỗi thành viên trong Công ty. Sự có mặt của mỗi con người tại PTI trong suốt thời gian qua đều đã làm nên PTI ngày hôm nay. Tập thể công ty tiếp tục tiếp nối con đường phụng sự khách hàng, cổ đông và đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam.

b) Công nghệ

Thực hiện sứ mệnh "Phụng sự Bảo vệ sức khỏe - Bảo an thịnh vượng của cộng đồng và Cơ hội tiếp cận các giải pháp bảo hiểm toàn diện cho mọi khách hàng bằng Hệ sinh thái dịch vụ bảo hiểm toàn diện, tin cậy và cực kỳ đơn giản", PTI là công ty luôn đi đầu và đầu tư áp dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực đầu tư tài chính để gia tăng điểm chạm với khách hàng nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Song song đa dạng các sản phẩm về bảo hiểm, hệ sinh thái công nghệ luôn được cập nhật và phát triển nhằm đáp ứng đầy đủ các nhu cầu cung cấp các giải pháp công nghệ đối với các sản phẩm bảo hiểm cho khách hàng với các mục tiêu:

- Cung cấp nền tảng giao dịch đa sản phẩm, khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận thông tin sản phẩm, thao tác và thực hiện giao dịch với PTI.
- Nền tảng quản lý các giải pháp bảo hiểm giúp khách hàng quản lý thông tin về bồi thường, giám định cá nhân khách hàng: Kết nối dễ dàng, báo cáo minh bạch và cảnh báo kịp thời.
- Nền tảng dữ liệu cung cấp thông tin, phân tích cảnh báo kịp thời những rủi ro, tổng hợp đa chiều thông tin tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để hỗ trợ ban lãnh đạo nắm bắt kịp thời cơ hội kinh doanh theo điều kiện thị trường.
- Nền tảng kết nối mở với các đối tác của PTI trên nguyên tắc "Hợp tác – Đồng hành – Phù hợp".
- Số hóa toàn bộ các hoạt động kinh doanh và quản trị của mình.
- Đảm bảo an toàn và an ninh thông tin nhằm bảo vệ khách hàng.

c) Chuỗi giá trị

Chuỗi giá trị dịch vụ bảo hiểm được thiết kế theo tôn chỉ lấy khách hàng là trọng tâm (Customer Centric)

PTI xây dựng mô hình kinh doanh dựa trên chuỗi giá trị với định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, phụng sự bảo an thịnh vượng của khách hàng để đạt được sự hài lòng cuối cùng của khách hàng. Chuỗi giá trị dịch vụ của PTI được thể hiện qua các hoạt động để gia tăng giá trị cho các sản phẩm dịch vụ mà PTI mang tới cho khách hàng:

- Tìm kiếm cơ hội và đóng gói những sản phẩm bảo hiểm chất lượng cho thị trường.
- Kinh doanh rủi ro thông qua đội ngũ con người giàu kinh nghiệm, hiểu thị trường, mang tới cơ hội tiếp cận với các giải pháp bảo hiểm tới mọi khách hàng.
- Thiết kế và đóng gói sản phẩm bảo hiểm phù hợp với các điều kiện tài chính và nhu cầu của từng phân khúc khách hàng.
- Kênh phân phối liên tục mở rộng từ online đến offline cũng như thông qua các mô hình kinh doanh B2B và B2B2C để liên tục tăng cơ hội tiếp cận và đưa sản phẩm tới tay khách hàng. Đây cũng là bước quan trọng nhằm khách hàng dễ dàng tiếp cận được với sản phẩm của PTI cũng như được tiếp cận với các nền tảng dịch vụ hỗ trợ, nền tảng kiến thức và có người bảo vệ đích thực trong suốt quá trình sử dụng dịch vụ bảo hiểm.

5.6. Định hướng hoạt động quản trị

a) Kiện toàn mô hình quản trị tại Tổng công ty & Đơn vị thành viên - Nâng cao năng lực phát triển và vị thế kinh doanh:

- Chuyên biệt hoá các trục quản trị theo chức năng;
- Từng bước số hoá công tác quản trị điều hành hoạt động, xây dựng các công cụ quản trị phù hợp;

- Xây dựng hoàn thiện các chuẩn mực hoạt động và chuẩn mực nhân sự - đào tạo;
- Xây dựng và áp dụng mô hình quản trị mạng lưới kinh doanh mới nhằm tối đa hoá điều kiện kinh doanh trên toàn hệ thống.
- Đầu tư xây dựng sản phẩm chuyên biệt cho thị trường mục tiêu và khách hàng mục tiêu.

b) Đảm bảo các mục tiêu kinh doanh - hiệu quả, tập trung chuyên sâu vào những sản phẩm dịch vụ, kênh bán và khách hàng có hiệu quả;

- Chuẩn hoá và triển khai chính sách kinh doanh mới nhằm tối đa hoá nguồn lực.

c) Xây dựng và phát triển đội ngũ theo mục tiêu thay đổi cả về chất và lượng. Từng bước chuyên nghiệp hoá trong cả tư duy lẫn hành động mỗi nhân sự kinh doanh.

- Chuyển đổi hình ảnh từ người bán hàng thuần tuý (Sales) sang Chuyên gia tư vấn bảo hiểm (CA) cho khách hàng.

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Điều kiện kinh doanh 2022, cơ hội, thách thức – báo cáo về thị trường Bảo hiểm VN 2022

Trong năm 2022, nền kinh tế thế giới gặp nhiều thách thức khi xung đột địa chính trị giữa Ukraine-Nga đã gây ra sự khan hiếm một số hàng hóa cơ bản như lúa mỳ, dầu khí, hay phân bón. Cộng thêm đó là việc chính sách nới lỏng tiền tệ của nhiều nước trên thế giới trong giai đoạn bệnh dịch 2020-2021 đã gây nên lạm phát tăng nóng trên toàn cầu. Việc này dẫn tới một loạt các ngân hàng trung ương, dẫn đầu bởi FED của Mỹ, phải nâng mạnh lãi suất điều hành nhằm kiểm soát lạm phát.

Ở Việt Nam thì sau khi kết thúc giãn cách xã hội vào đầu năm, nền kinh tế đã ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ với tăng trưởng GDP lên tới 8,0% trong 2022, mức tăng mạnh nhất kể từ 2011. Lạm phát được kiểm soát tốt với CPI bình quân tăng ở mức 3,2% so với cùng kỳ, thấp hơn mục tiêu 4,0% của chính phủ. Tuy nhiên, vào cuối năm thì trước áp lực tỷ giá do FED nâng lãi suất, ngân hàng nhà nước (NHNN) cũng đã phải nâng lãi suất điều hành 200 điểm cơ bản. Động thái này đã kéo theo lãi suất huy động và cho vay của các ngân hàng thương mại tăng mạnh theo, gây ảnh hưởng xấu đến sự phục hồi của nền kinh tế.

Trong năm 2022, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ghi nhận mức tăng trưởng tốt nhờ sự phục hồi tích cực của nền kinh tế. Cụ thể, phí bảo hiểm gốc toàn ngành tăng 17% so với cùng kỳ lên 67,7 nghìn tỷ đồng theo dữ liệu ước tính của hiệp hội bảo hiểm (HHBH). Sự phục hồi được thấy rõ ở hầu hết các dòng sản phẩm, có thể kể đến như bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới, và bảo hiểm cháy nổ. Tuy vậy, việc các hoạt động kinh tế và xã hội được bình thường hóa hậu COVID đã dẫn tới tỷ lệ bồi thường tăng mạnh từ nền thấp trong giai đoạn 2020-2021, đặc biệt là ở các mảng bán lẻ bao gồm sức khỏe và xe cơ giới. Bên cạnh đó, trận mưa lũ lớn ở miền Trung vào giai đoạn cuối năm cũng đã gây nên những tổn thất đáng kể cho doanh nghiệp bảo hiểm. Đồng thời, chi phí tái bảo hiểm gia tăng do rủi ro địa chính trị cũng ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ở mảng bảo hiểm công nghiệp và thương mại.

Hoạt động đầu tư trong năm 2022 của ngành bảo hiểm đã gặp nhiều khó khăn. Lãi suất huy động tiền gửi vẫn duy trì ở mức thấp trong 9-10 tháng đầu năm và chỉ tăng mạnh sau khi NHNN tăng lãi suất điều hành. Việc này đã ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả đầu tư do tiền gửi ngân hàng thường chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục của các doanh nghiệp bảo hiểm. Thị trường chứng khoán lao dốc và thị trường trái phiếu đóng băng cũng đã ảnh hưởng xấu đến hoạt động đầu tư của ngành.

Hình 1: Phí bảo hiểm phi nhân thọ đã hồi phục mạnh sau COVID

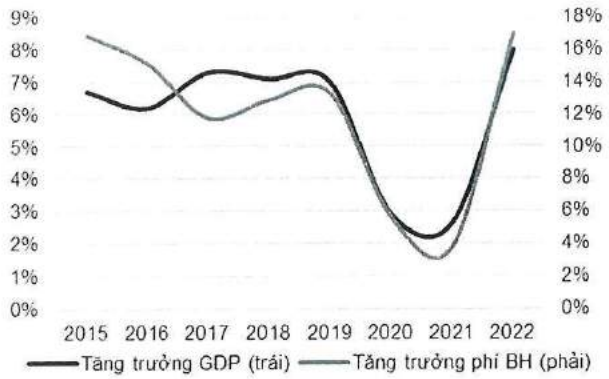

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HHBH

Hình 2: Hầu hết các sản phẩm bảo hiểm lớn đều ghi nhận sự phục hồi tốt (hình thể hiện tăng trưởng phí theo từng sản phẩm)

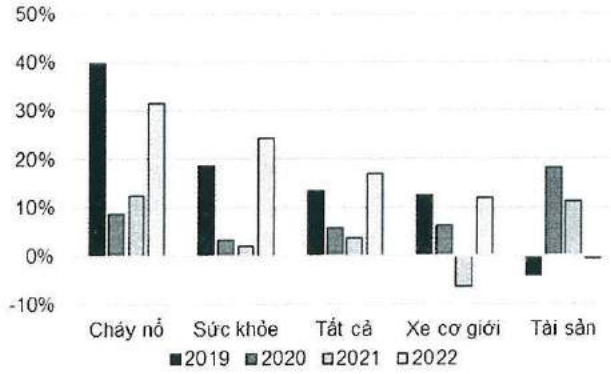

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HHBH

Hình 3: Thị phần top 5 doanh nghiệp bảo hiểm tính theo phí bảo hiểm gốc trong giai đoạn 2021-2022

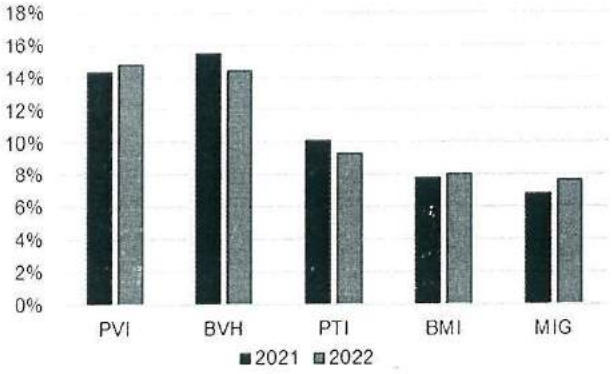

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HHBH

Hình 4: Tỷ lệ bồi thường tăng trở lại trong 2022, đặc biệt ở các mảng bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới

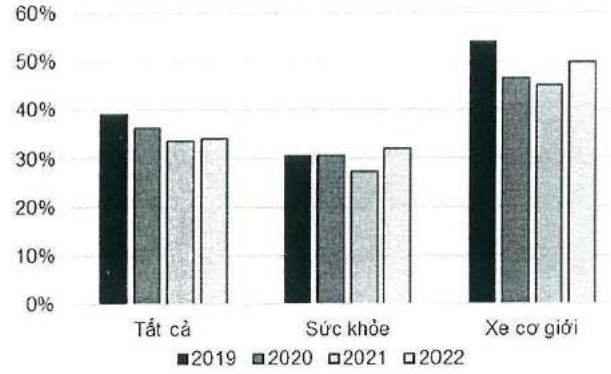

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HHBH

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

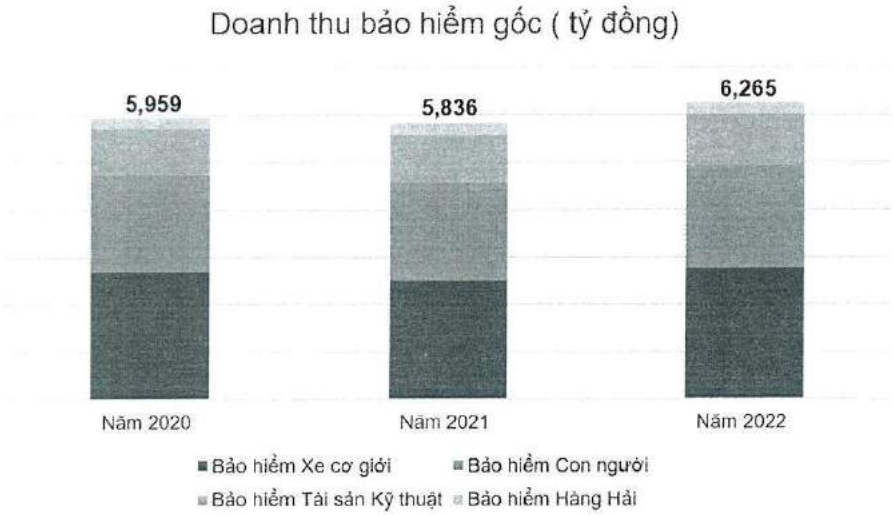

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc năm 2022 đạt 6,266 tỷ đồng, tăng trưởng 7.4% so với năm 2021 và tăng trưởng 5,15% so với năm 2020.

Trong đó:

- Nghiệp vụ Bảo hiểm Xe cơ giới: Tăng trưởng **10,45%** so với cùng kỳ năm 2021, nguyên nhân như sau:

- Số lượng xe ô tô bán ra nhiều hơn cùng kỳ. Từ quý II/2022, phí bảo hiểm vật chất xe của PTI được điều chỉnh tăng 10-15% phí bảo hiểm so với Quý 1/2022 đối với dòng xe dưới 800tr đồng. Mặc khác, áp lực cạnh tranh trong mảng bảo hiểm trách nhiệm dân sự hiện nay khá cạnh tranh, khi các công ty bảo hiểm đều đang thực hiện tăng cơ chế để chiếm vị trí ưu tiên tại các điểm bán.
- Bảo hiểm xe máy tăng trưởng tốt do doanh thu đến từ các kênh bán liên kết, nổi bật là việc hợp tác với Thế giới di động (MWG).

- Nghiệp vụ bảo hiểm Con người: Tăng trưởng 5.2% so với năm 2021. Trong đó loại hình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe tăng trưởng 6.6% do PTI duy trì được thị phần, 80% khách hàng tái tục hợp đồng và thu hút thêm nhiều khách hàng mới. **- Nghiệp vụ Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật:** Tăng trưởng 7.22% so với năm 2021, đây là kết quả có được nhờ nỗ lực của hệ thống mạng lưới kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ trong bối cảnh bảo hiểm tài sản chịu sức ép cạnh tranh về phí rất lớn để lấy dịch vụ tái tục của PTI.

- Nghiệp vụ Bảo hiểm Hàng hải: Tăng trưởng -4,2% do Các đơn vị kinh doanh vùng Miền Bắc vẫn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid đến tháng 4/2022, một số khách hàng lớn sụt giảm doanh thu. Đồng thời, công ty thắt chặt chính sách nhằm quản trị rủi ro ở sản phẩm này.

- Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	254,962,863,336	229,778,272,356	-9.88%
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	39,664,063,873	13,643,402,370	-65.60%
Lãi kinh doanh chứng khoán	37,794,645,424	7,785,500,671	-79.40%
Lãi mua bán trái phiếu, đầu tư dài hạn	32,892,746,573	78,036,188,919	137.24%
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7,771,357,447	8,110,285,115	4.36%
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,367,414,720	98,950,000	-95.82%
Các khoản khác	389,842,927	404,785,312	-11.58%
Tổng cộng	**375,842,934,300**	**337,857,384,743**	**-10.11%**

Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính năm 2022 đạt 337,857 triệu đồng, giảm 10.11% so với năm 2021, trong đó:

- Lãi tiền gửi có kỳ hạn năm 2022 đạt 229,778 triệu đồng tăng trưởng -9,88% so với năm 2021, do lãi suất trung bình của các Ngân hàng trong giai đoạn 2020-2022 giảm vì ảnh hưởng của dịch covid 19.
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư năm 2022 chỉ đạt 13,643.4 triệu đồng, giảm 65.6% so với năm 2021. Giá trị Bất động sản đầu tư năm 2022 giảm do chuyển sang tài sản cố định hữu hình tòa nhà số 95 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và các tài sản đi kèm khác từ việc cho thuê thành Trụ sở Tổng công ty.
- Do Ảnh hưởng từ nhiều biến động trên thị trường tài chính, thị trường chứng khoán ghi nhận xu hướng giảm, chỉ số VN-INDEX vẫn ghi nhận mức giảm mạnh 32,8% trong năm 2022, Lãi từ kinh doanh chứng khoán năm 2022 chỉ đạt 7,786 triệu đồng, giảm 79.1% so với năm 2021. Đây cũng là lý do, PTI tái cấu trúc danh mục đầu tư, nâng tỷ trọng đầu tư dài hạn, lãi mua bán trái phiếu, đầu tư dài hạn ghi nhận tăng trưởng 137.24% so với 2021, đạt 78 tỷ đồng.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện 2022	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Tỷ lệ tăng trưởng so cùng kỳ
Doanh thu bảo hiểm gốc	6.250.000	6.265.962	100.3%	+7.4%
Lợi nhuận trước thuế	260,000	-343.574	-132,14%	-204,75%
Lợi nhuận sau thuế	208,500	-347.376	-166,61%	-234,91%
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%		0%

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đạt 6,266 tỷ đồng, tăng trưởng 7.4%, hoàn thành 100.3% kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế âm, giảm nhiều so với năm trước do hệ quả của các nguyên nhân sau:

- Năm 2022, PTI phát sinh các chi phí liên quan đến chương trình bảo hiểm Vững tâm an số tiền 353.2 tỷ đồng. Tất cả Hợp đồng Bảo hiểm của chương trình Vững Tâm An sẽ hết hiệu lực vào ngày 22/03/2023. Do đó, năm 2023, chương trình Vững Tâm An sẽ không còn khả năng bồi thường cao và ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế.
- Chi phí bồi thường của PTI tăng mạnh so với cùng kỳ: Tổng chi bồi thường bảo hiểm năm 2022 tăng 28% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do năm 2022, Việt Nam đã duy trì trạng thái bình thường mới với dịch bệnh Covid 19 (không còn áp dụng chính sách giãn cách toàn xã hội như cùng kỳ năm trước) do đó người dân sẽ đi khám, chữa bệnh nhiều hơn dẫn đến chi phí bồi thường bảo hiểm chăm sóc sức khỏe tăng lên. Đặc biệt là chi phí bồi thường của dòng sản phẩm chăm sóc sức khỏe. Chi phí bồi thường liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm Xe ô tô cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước (tình hình chung của thị trường do tích tụ sau dịch bệnh).

- Vị thế của PTI trên thị trường bảo hiểm:

- PTI tiếp tục tăng trưởng và giữ vững vị trí thứ 3 về thị phần trong tổng số 31 Công ty bảo hiểm Phi nhân thọ trên thị trường năm 2022.
- Đầu năm 2023, PTI tiếp tục được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính quốc tế AM Best (A.M.Best – là một trong những tổ chức xếp hạng tín nhiệm có uy tín trên thế giới, được Ủy ban Chứng khoán và Hối đoái Mỹ công nhận) xếp hạng tài chính mức B++ (Tốt), mức xếp hạng tín dụng dài hạn bbb. A.M.Best đặc biệt đánh giá cao PTI thông qua kênh phân phối đa dạng, mạng lưới bán hàng và chăm sóc khách hàng toàn diện.

2. Tổ chức và nhân sự

Các thành viên Ban điều hành:

- **Nguyễn Kim Lân - Thành viên EXCO/Tổng giám đốc**

Họ và tên	Nguyễn Kim Lân
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	13/08/1972
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay:	Tổng giám đốc, Thành viên EXCO (Ban lãnh đạo quản trị chiến lược/Ban Tổng giám đốc)
Số cổ phần đang nắm:	0 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

- **Lưu Phương Lan - Thành viên EXCO/Giám đốc điều hành nghiệp vụ bảo hiểm**

Họ và tên	Lưu Phương Lan
Giới tính	Nữ

Ngày tháng năm sinh	25/11/1976
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế
Chức vụ hiện nay:	Giám đốc điều hành chiến lược nghiệp vụ bảo hiểm, Thành viên EXCO
Số cổ phần đang nắm:	0 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

- **Điêu Ngọc Tuấn - Thành viên EXCO/Giám đốc quản trị công ty**

Họ và tên	Điêu Ngọc Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/01/1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ luật học
Chức vụ hiện nay:	Giám đốc quản trị Công ty, Thành viên EXCO
Số cổ phần đang nắm:	0 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

- **Đỗ Quang Khánh - Thành viên BOM**

Họ và tên	Đỗ Quang Khánh
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	11/3/1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban lãnh đạo quản trị tổ chức (BOM)
Số cổ phần đang nắm:	0 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

- **Nghiêm Xuân Thái - Thành viên BOM**

Họ và tên	Nghiêm Xuân Thái
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	23/06/1980
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban lãnh đạo quản trị tổ chức (BOM)
Số cổ phần đang nắm:	0 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

- **Đỗ Phúc Hiệp - Thành viên BOM**

Họ và tên	Đỗ Phúc Hiệp

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	21/06/1976
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản lý kinh tế
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban lãnh đạo Quản trị tổ chức (BOM)
Số cổ phần đang nắm:	0 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

- **Hoàng Thị Yến - Thành viên BOM**

Họ và tên	Hoàng Thị Yến
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	03/06/1982
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quan hệ Quốc tế
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban lãnh đạo Quản trị tổ chức (BOM)
Số cổ phần đang nắm:	0 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

- **Lê Xuân Bách - Kế toán trưởng**

Họ và tên	Lê Xuân Bách
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	29/9/1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay:	Kế toán trưởng Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
Số cổ phần đang nắm:	0 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

- **Những thay đổi trong ban điều hành:**

- Ngày 1/1/2022, bổ nhiệm Ông Đỗ Phúc Hiệp và ông Hoàng Mạnh Huyên, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Ngày 21/4/2022, bổ nhiệm Ông Vũ Chí Huy và ông Cao Bá Huy giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Tổng công ty.
- Ngày 5/10/2022, quyết định thôi giữ chức vụ Phó tổng giám đốc đối với Ông Hoàng Mạnh Huyên, Ông Vũ Chí Huy, Ông Cao Bá Huy.
- Ngày 5/10/2022, quyết định thôi giữ chức vụ Phó tổng giám đốc và bổ nhiệm thành viên Ban điều hành đối với: Ông Nghiêm Xuân Thái, Ông Nguyễn Kim Lân, Ông Đỗ Phúc Hiệp, Bà Lưu Phương Lan, Ông Đoàn Kiên, Ông Đỗ Quang Khánh.
- Ngày 24/10/2022, miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Bùi Xuân Thu và miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng với bà Cao Thu Hiền. Đồng thời, bổ nhiệm ông Nguyễn Kim

Lân làm Tổng Giám đốc thay ông Bùi Xuân Thu và ông Lê Xuân Bách làm Kế toán trưởng thay bà Cao Thu Hiền

- Ngày 25/10/2022, bổ nhiệm Bà Lưu Phương Lan, là thành viên Ban lãnh đạo quản trị chiến lược (EXCO), Giám đốc điều hành nghiệp vụ bảo hiểm.
- Ngày 31/10/2022, Bổ nhiệm Ông Điêu Ngọc Tuấn làm thành viên ban lãnh đạo quản trị chiến lược (EXCO), Giám đốc quản trị công ty.
- Ngày 13/12/2022, Ông Nguyễn Kim Lân chính thức được Bộ tài chính chấp thuận giữ chức danh Tổng giám đốc PTI.

2. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số lao động của PTI tại thời điểm 31/12/2022: 2.632 người, cơ cấu trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trên đại học	122	4,6%
Đại học	1881	71,5%
Cao đẳng, trung cấp	554	21,0%
Lao động phổ thông	75	2,8%
Tổng số	**2.632**	**100,0**

- Những thay đổi về chính sách người lao động:

Tiếp tục duy trì, bổ sung các chính sách phúc lợi nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện chăm sóc sức khỏe thường xuyên và liên tục cho cán bộ nhân viên như bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ… qua đó góp phần nâng cao sự gắn kết người lao động với PTI.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	8,564,759,561,603	8,374,902,655,033	-2.22%
Doanh thu thuần	4,963,702,478,265	5,152,967,384,633	3.81%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	324,473,562,921	-344,675,395,730	-206.23%
Lợi nhuận khác	3,530,577,807	1,101,617,123	-68.80%
Lợi nhuận trước thuế	328,004,140,728	-343,573,778,607	-204.75%
Lợi nhuận sau thuế	257,482,744,480	-347,376,215,059	-234.91%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0.00%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	*1.1488*	*1.1385*	*-0.90%*
+ Hệ số thanh toán nhanh	*1.1485*	*1.1383*	*-0.89%*
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.7454	0.7837	*5.13%*
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2.9284	3.6231	*23.72%*
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài Sản	0.6078	0.6084	*0.09%*
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.0519	(0.0674)	*-229.96%*
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0.1226	(0.1740)	*-242.00%*
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.0315	(0.0410)	*-230.07%*
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.0654	(0.0669)	*-202.32%*

c) Cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	
				31/12/22 so 31/12/21	31/12/22 so 31/12/20
Tiền và tương đương tiền	298,018,898,197	152,508,587,674	239,722,746,305	57.19%	-19.56%
Hàng tồn kho	2,025,501,719	1,861,097,801	1,524,510,711	-18.09%	-24.73%
Tài sản ngắn hạn	6,427,661,280,045	7,327,979,031,849	7,466,558,158,786	1.89%	16.16%
Tài sản dài hạn	1,339,593,958,578	1,236,780,529,754	908,326,496,247	-26.56%	-32.19%
Tổng tài sản	7,767,255,238,623	8,564,759,561,603	8,374,884,655,033	-2.22%	7.82%
Nợ ngắn hạn	5,743,624,709,419	6,378,842,217,489	6,558,209,760,936	2.81%	14.18%
Nợ dài hạn	2,477,692,411	5,694,409,340	5,132,168,885	-9.87%	107.14%

Tổng nợ phải trả	5,746,102,401,830	6,384,536,626,829	6,563,341,929,821	2.80%	14.22%
Vốn chủ sở hữu	2,021,152,836,793	2,180,222,934,774	1,811,542,725,212	-16.91%	-10.37%
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	1.3517	1.3415	1.2760	-4.88%	-5.60%
Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	1.1191	1.1488	1.1385	-0.90%	1.73%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1.1187	1.1485	1.1383	-0.89%	1.75%
Hệ số khả năng thanh toán tức thời	0.0519	0.0239	0.0366	52.89%	-29.55%
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.7398	0.7454	0.7837	5.13%	5.94%

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng tài sản của PTI đạt hơn 8,374 tỷ đồng, giảm nhẹ 2.2% so với đầu năm 2022 và tăng 7,82% so với cuối năm 2020. Trong đó, tiền và tương đương tiền tại thời điểm cuối năm đạt 239.7 tỷ đồng, tăng 87,2 tỷ so với đầu năm, tương ứng với tỷ lệ tăng 57,2%. Các khoản tương đương tiền cuối năm 2022 tăng 100 tỷ so với đầu năm bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và hưởng mức lãi suất 6.0%/năm.

Tổng nợ phải trả của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 6,564 tỷ đồng, tăng gần 180 tỷ đồng so với đầu năm tương ứng với tỷ lệ tăng 2.8%, so với cuối năm 2020, tổng nợ phải trả của Công ty tăng 14.22%. Nợ phải trả tại 31/12/2022 chủ yếu là dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gần 5,279 tỷ đồng, tăng 7.7% so với đầu năm.

Hệ số thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh của Công ty tại 31/12/2022 giảm nhẹ so với đầu năm lần lượt là -0.90% và -0.89% và tăng nhẹ lần lượt 1.73% và 1.75% so với cuối năm 2020.

Như vậy, Cơ cấu tài sản của Công ty luôn được duy trì ở mức ổn định và an toàn, thể hiện sự an toàn tài chính và cam kết của Tổng công ty luôn đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cổ đông và các đối tác khác.

5. Quản trị rủi ro

5.1. Khung quản trị rủi ro của PTI

Khung quản trị rủi ro (QTRR) của PTI được xây dựng tích hợp bao gồm các cấu phần như sau:

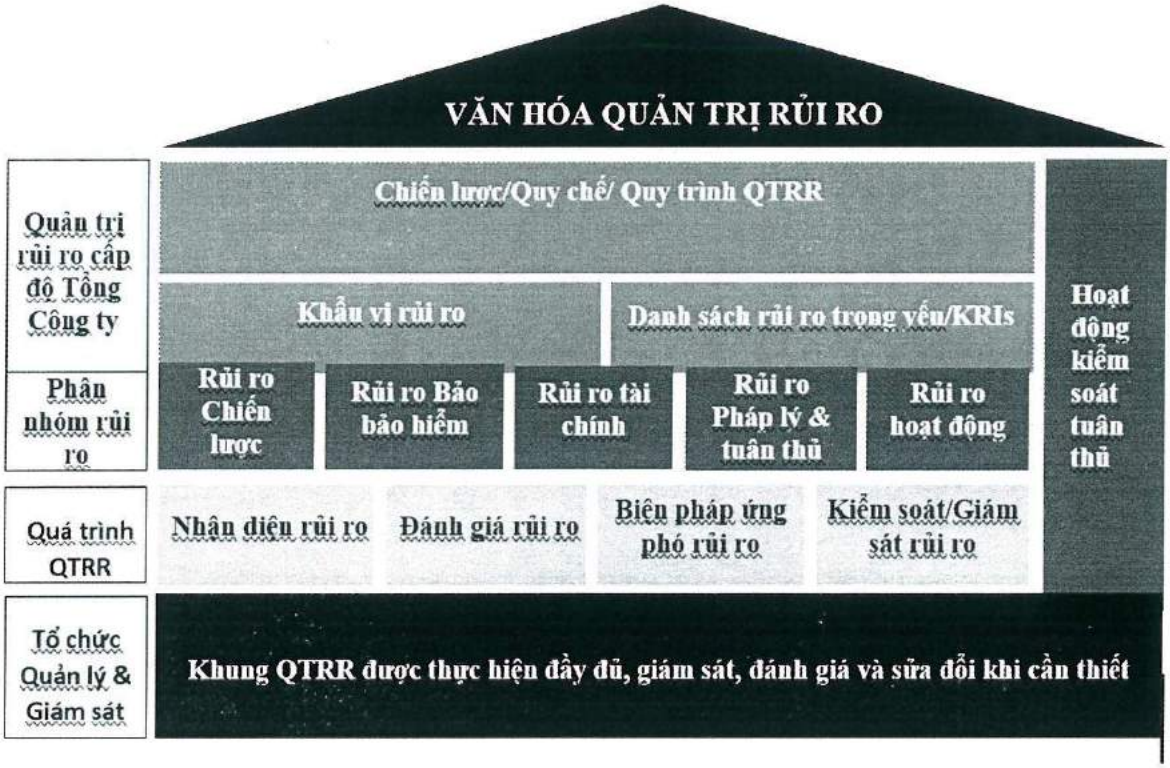

Trong đó:

- Chiến lược, khẩu vị và thông số QTRR: xây dựng từ "Sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược kinh doanh".
- Rủi ro trọng yếu: dựa trên Kế hoạch kinh doanh (mục tiêu, chỉ số KPI, kế hoạch kinh doanh năm) và các công cụ điều kiện thực hiện của các hoạt động của toàn hệ thống.
- Hệ thống đo lường chỉ số rủi ro chính (KRIs): được xây dựng theo 3 ngưỡng thỏa mãn/chú ý/cảnh báo trên các báo cáo quản trị từ báo cáo giám sát bảo hiểm, giám sát hoạt động, giám sát tài chính…

5.2. Phân loại các rủi ro

PTI đang phân loại rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh thành các nhóm cụ thể như sau:

STT	Loại Rủi ro	Mô tả
1	Rủi ro chiến lược	Rủi ro chiến lược là rủi ro liên quan đến định hướng phát triển chung của công ty, như định hướng phát triển sản phẩm không phù hợp, xác định sai thị trường mục tiêu, hoặc các ảnh hưởng bên ngoài (môi trường, kinh tế, chính trị, thị trường, công nghệ) ảnh hưởng toàn diện đến công ty

2	Rủi ro bảo hiểm	Thất thoát tài chính hoặc danh tiếng xuất phát từ sai lệch trong thực hiện hoặc thiết kế quy trình khai thác, thiếu sót trong quản lý nghĩa vụ bồi thường hoặc tái bảo hiểm.
3	Rủi ro về tài chính	Rủi ro về tài chính là rủi ro công ty thất thoát doanh thu, gia tăng chi phí, không bảo toàn được giá trị tài sản của mình do các lỗ hổng trong kiểm soát nội bộ hoặc rủi ro công ty ghi chép sai, trình bày thông tin tài chính không chính xác, và đầy đủ
4	Rủi ro pháp lý & tuân thủ	Rủi ro pháp lý là rủi ro mà Công ty phải đối mặt trong trường hợp vị phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ, vi phạm các quy định nội bộ.
5	Rủi ro hoạt động	Rủi ro hoạt động là rủi ro liên quan đến nguồn lực nội bộ như hệ thống, quy trình, con người, ví dụ như lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, thiếu vốn hoạt động phát sinh từ các khoản chi phí, thất thoát nhân sự chủ chốt hoặc do các nguyên nhân khác.

5.3. Quá trình QTRR

Trên cơ sở phân loại các rủi ro, PTI thực hiện quá trình quản trị rủi ro qua 4 bước:

*** Bước 1. Nhận diện rủi ro**

- Mục đích: nhằm nhận diện các rủi ro có thể xảy ra có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty.
- Cách thực hiện:
  - Cần xác định các yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu của Tổng công ty/bộ phận.
  - Phương pháp nhận diện: Phân tích điều kiện vĩ mô- điều kiện vi mô của ngành, thực hiện các phỏng vấn, bảng câu hỏi, phân tích kịch bản, điều tra sự cố, hội thảo đánh giá, nghiên cứu các quy trình kinh doanh và các yếu tố tác động đến các quy trình đó… để xác định rủi ro.

*** Bước 2. Đánh giá rủi ro**

- Mục đích: nhằm xác định khả năng xảy ra và mức độ tác hại của rủi ro, từ đó tính toán giá trị rủi ro và xác định mức độ ưu tiên và mức độ chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro.
- Cách thực hiện:
  - Xác định rủi ro này có bao nhiêu khả năng trở thành sự thật hoặc xác suất xảy ra rủi ro này là bao nhiêu %
  - Nếu xảy ra rủi ro thì sẽ gây tác hại/ tổn thất đến mức nào

*** Bước 3. Xác định kế hoạch/biện pháp ứng phó rủi ro**

- Mục đích: Xác định các biện pháp, xây dựng kế hoạch hành động và giám sát cụ thể nhằm giảm rủi ro xuống mức có thể chấp nhận được.
- Cách thực hiện:

- Xây dựng các biện pháp kiểm soát phòng ngừa (ngăn chặn, giảm nhẹ rủi ro).
- Xây dựng các biện pháp kiểm soát phát hiện: xây dựng các quy định, quy trình nội bộ, các báo cáo quản trị, các báo cáo phân tích… nhằm chủ động giám sát và phát hiện các rủi ro phát sinh tại bộ phận; Phối hợp với Ban quản trị rủi ro để xây dựng và đề xuất các chỉ số rủi ro, hạn mức rủi ro.
- Xây dựng các biện pháp kiểm soát khắc phục và ứng phó. Kế hoạch ứng phó rủi ro cần quy định rõ chế độ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận liên quan, công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, tần suất, biểu mẫu báo cáo (nếu có).

*** Bước 4. Thực hiện kiểm soát rủi ro**

- Nội dung: Bước này nhằm thực thi các quy định, quy trình, biện pháp kiểm soát và ứng phó rủi ro theo kế hoạch đã xây dựng và phê duyệt tại bước 3. Quy trình này có thể được lặp lại, hoàn thiện cho đến khi rủi ro nằm trong giới hạn chấp nhận được theo khẩu vị rủi ro đã ban hành.
- Cách thực hiện: Thực hiện theo kế hoạch ứng phó đã xây dựng tại bước 3.

5.4. Cơ cấu tổ chức mô hình QTRR

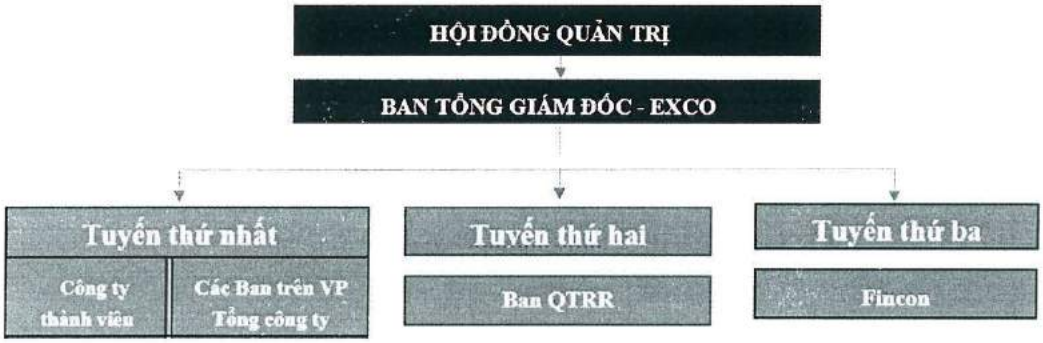

1. **Tuyến bảo vệ thứ nhất:** Bao gồm các đơn vị kinh doanh, các ban nghiệp vụ và các ban hỗ trợ. Các đơn vị/ban này chịu trách nhiệm chủ động nhận diện và kiểm soát rủi ro thông qua các chốt kiểm soát đã được tích hợp vào quy trình kinh doanh của đơn vị/ban và báo cáo định kỳ về Ban QTRR về tình hình kiểm soát và mức độ rủi ro của đơn vị/ban.
   - Tích hợp phương pháp QTRR vào các quy trình, quy chế trong hoạt động kinh doanh
   - Xây dựng các hạn mức kiểm soát.
   - Chịu trách nhiệm đối với hiệu quả QTRR trong hoạt động của đơn vị /Ban.
   - Quản lý và báo cáo theo quy định.
   - Thực hiện các khuyến nghị/kế hoạch hành động nhằm điều chỉnh và cải thiện.
2. **Tuyến bảo vệ thứ hai:** Ban QTRR thực hiện chức năng quản trị rủi ro, kiểm soát tuân thủ nhằm đảm bảo tuyến bảo vệ thứ nhất triển khai và tuân thủ đầy đủ các chính sách và các chốt kiểm soát rủi ro, thực hiện vai trò giám sát độc lập hồ sơ rủi ro của PTI.
   - Xây dựng và triển khai khung QTRR, chính sách, quy trình nhận diện và đánh giá rủi ro.
   - Cung cấp cung cụ, phương pháp và soát xét việc đánh giá rủi ro của tuyến 1.
   - Đề xuất các chuyên đề cần được kiểm tra.

- Tổng hợp và soát xét hoạt động tuân thủ tuyến 1 và hệ thống số liệu toàn công ty. Xây dựng báo cáo QTRR và báo cáo tuân thủ.
- Đề xuất các biện pháp xử lý rủi ro quản trị việc thực hiện các khuyến nghị.

3. **Tuyến bảo vệ thứ 3**: Fincon có trách nhiệm rà soát một cách độc lập khách quan về mức độ đầy đủ tính thích hợp hiệu quả của hệ thống QTRR cũng như đối với các quy trình và các phương pháp đo lường rủi ro đang áp dụng.
   - Kiểm tra về thiết kế các quy trình, quy chế và chốt kiểm soát.
   - Kiểm tra tính hiệu quả của tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ 2.
   - Thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát.
   - Xây dựng báo cáo kiểm toán nội bộ.
   - Theo dõi tiến độ thực hiện các khuyến nghị.

5.5. Quản lý và giám sát hoạt động QTRR

Các biện pháp kiểm soát/giám sát được thực hiện từ hai khâu:

Tiền kiểm	- Chuẩn hóa và số hóa các quy trình, biểu mẫu, sản phẩm và bộ điều kiện/ chính sách vận hành. - Xây dựng các chốt chặn, ngưỡng theo dõi - Xây dựng mô hình cảnh báo
Hậu kiểm	- Chính sách kiểm soát tuân thủ - Hệ thống báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất, bao gồm: ▪ Báo cáo định kỳ tháng/quý/năm ▪ Báo cáo sự cố theo bộ tiêu chí xây dựng ▪ Báo cáo rủi ro mới nổi ảnh hưởng mang tính hệ thống ▪ Báo cáo đột xuất theo yêu cầu

6. Hoạt động Công nghệ

Công nghệ đang thay đổi và định hình lại cách thức doanh nghiệp vận hành, kinh doanh và phục vụ nhu cầu khách hàng. Ngành bảo hiểm cũng không là ngoại lệ trong xu hướng chung này. Hiện nay, các công ty bảo hiểm đề cao áp dụng ứng dụng công nghệ vào việc vận hành nội bộ cũng như một lợi thế cạnh tranh giúp gia tăng trải nghiệm khách hàng. PTI là một trong những công ty đi đầu về xu hướng này. Trong năm 2022, công nghệ PTI đã ghi nhận một số hoạt động tiêu biểu:

- **Đảm bảo hệ thống và an toàn thông tin:** hệ thống được kiểm soát chặt chẽ, không ghi nhận cuộc tấn công nào làm thất thoát dữ liệu khách hàng, ảnh hưởng đến uy tín của PTI và đảm bảo sự ổn định của đường truyền.
- **Vận hành nghiệp vụ:** PTI thành lập Trung tâm Vận hành tập trung, từ cấp đơn, thẩm định, bồi thường, đối soát, thanh toán,… trong đó việc *thực hiện số hoá các luồng giao dịch* giúp chuyên môn hóa các nghiệp vụ, tăng năng lực quản trị rủi ro và tối ưu nguồn lực.
- **Phát triển hệ thống bán hàng đa kênh (ommi-channel):** trong năm 2022, PTI kiện toàn và chuẩn hóa kết nối mở (API) giúp thuận tiện cấp đơn cũng như hoàn thiện các online

platform (website và app), cung cấp công cụ hộ trợ bán tối ưu cho lực lượng bán. Từ đó phát huy năng lực của hế thống mạng lưới kinh doanh và hợp tác nhiều tổ chức tạo kênh bán rộng khắp toàn quốc. Bên cạnh đó, thông tin quản lý đơn hàng, khách hàng được hệ thống hóa trên nền tảng hỗ trợ giúp người bán quản lý và phát triển khách hàng.

7. Hoạt động phát triển mạng lưới phân phối – kênh bán

*** Tỷ trọng doanh thu theo kênh phân phối giai đoạn: 2020 – 2022 như sau:**

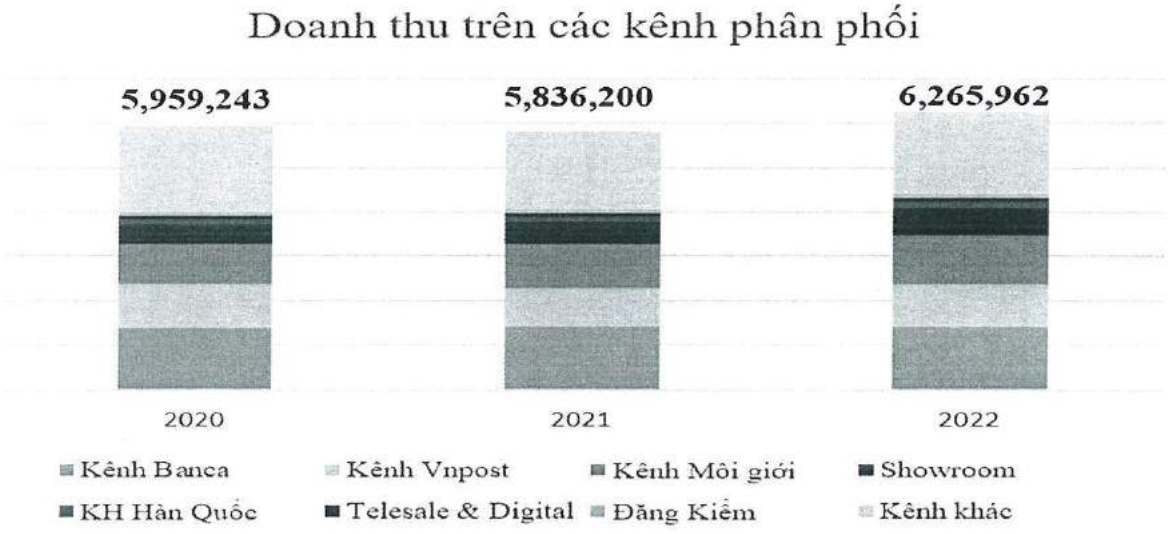

*** Về tăng trưởng theo từng kênh bán năm 2022:**

- Với quan hệ rộng với 16 định chế tài chính là ngân hàng và các tổ chức tín dụng tại Việt Nam, kênh BANCA vẫn là một trong những kênh quan trọng, với tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu năm 2022, xấp xỉ 22.7%.
- Với lợi thế khai thác lại các điểm thuộc hệ thống VNPOST, PTI phát triển kênh bán và chiếm 15.2% doanh thu 2022, tăng trưởng 9.3%. Sản phẩm chủ yếu thúc đẩy bao gồm bảo hiểm tài sản kỹ thuật và bảo hiểm con người.
- Kênh Môi giới chiếm 17.5% trong tổng doanh thu năm 2022, tăng trưởng 12.9% so với cùng kỳ, đây là mức tăng trưởng tốt trong khi tình hình Covid ảnh hưởng đến tình hình tài chính của các doanh nghiệp, dẫn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm bảo hiểm giảm. Với vị thế và độ tín nhiệm, sản phẩm bảo hiểm PTI vẫn được nhiều doanh nghiệp lực chọn
- Kênh Showroom tăng trưởng 24.4% nhờ năm 2022 Nhà nước có chính sách giảm lệ phí trước bạ 50% đến 31/5 nên số lượng Khách hàng mua xe mới nhiều (Tăng trưởng tháng 1- tháng 4 rất cao; từ tháng 5 bắt đầu khan hàng xe mới); ngoài ra PTI duy trì chính sách hàng đổi hàng; điều hành phí linh hoạt đối với điểm bán cũng thúc đẩy tăng trưởng doanh thu kênh Showroom.

*** Chiến lược phát triển của Tổng công ty cho các kênh phân phối chính thời gian tới:**

- Mở khả năng tiếp cận thị trường mục tiêu trên kênh đối tác
- Trở thành nền tảng phân phối các giải pháp bảo vệ toàn diện tới khách hàng cá nhân

- Xây dựng nền tảng dịch vụ số, trung tâm dịch vụ số để tối ưu chi phí vận hành kinh doanh và nghiệp vụ của PTI

8. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

8.1. Cổ phần

- Vốn điều lệ: 803.957.090.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 80.395.709 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ phiếu thường: 80.395.709 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 80.395.709 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 80.395.709 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

8.2. Cơ cấu cổ đông

- **Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tính đến thời điểm ngày 29/03/2022:**

TT	Đối tượng	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ (%)
1	**Cổ đông tổ chức**	**51.488.494**	**64,04%**
	Trong nước	20.685.856	25,73%
	Nước ngoài	30.802.638	38,31%
2	**Cổ đông cá nhân**	**28.907.215**	**35,96%**
	Trong nước	28.876.284	35,92%
	Nước ngoài	30.931	0,04%
3	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0,00%**
	Tổng cộng	**80.395.709**	**100,00%**

- **Danh sách cổ đông lớn của Tổng Công ty (tại ngày 29/3/2022):**

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ (%)
1	DB Insurance Co.,Ltd	30.000.000	37,32%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	13.216.055	16,44%
3	Hoàng Thị Minh Phương	7.950.000	9,89%
4	Vũ Thị Thư	7.950.000	9,89%

(Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tại ngày 29/03/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp)

8.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Ngày 01/02/2007, PTI được Bộ tài chính cấp phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 41A/GP/KDBH. Vốn điều lệ của PTI tại thời điểm được cấp phép này là 105 tỷ đồng.
- Ngày 25/01/2008, PTI thực hiện tăng vốn Điều lệ lên 300 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 283/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngàyvà được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh vốn số 41A/GPĐC1/KDBH ngày 21/4/2008.
- Ngày 30/03/2010, PTI thực hiện tăng vốn Điều lệ lên 450 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 481/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 24/12/2009 và được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh vốn số 41A/GPĐC2/KDBH.
- Ngày 06/08/2012, PTI được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 41A/GPĐC8/KDBH cho phép PTI được tăng vốn Điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 503.957.090.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 5.395.709 cổ phiếu.
- Ngày 16/6/2015, PTI được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 41A/GPĐC12/KDBH chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 503.975.090.000 đồng lên 803.957.000 đồng theo Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nước ngoài là Công ty Bảo hiểm Dongbu (Dongbu Insurance Co., ltd), theo đó, Dongbu Insurance – doanh nghiệp bảo hiểm đứng thứ 2 Hàn Quốc chính thức trở thành cổ đông chiến lược của PTI.
- Từ ngày 21/4/2015 đến nay, Tổng Công ty không thực hiện them bất kỳ đợt thay đổi vốn đầu tư của Chủ Sở hữu nào.

8.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại, Tổng công ty không có cổ phiếu quỹ. Trong năm 2022, Tổng Công ty không thực hiện bất kỳ giao dịch nào liên quan đến cổ phiếu quỹ.

8.5. Các chứng khoán khác:

Trong năm 2022, Tổng Công ty không phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.

9. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

9.1. Tác động lên môi trường và xã hội

- Bảo vệ môi trường

- Ứng dụng công nghệ số: Chúng tôi khuyến khích việc sử dụng các công cụ số như email và hệ thống quản lý tài liệu điện tử để giảm thiểu việc sử dụng giấy, giảm lượng chất thải và tiết kiệm nguồn tài nguyên.
- Tái chế và giảm chất thải: Chúng tôi đã đẩy mạnh việc tái chế giấy, nhựa và các vật liệu khác trong văn phòng, đồng thời giảm việc sử dụng đồ dùng nhựa dùng một lần.
- Chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức: Tổ chức các buổi đào tạo và chia sẻ kiến thức cho nhân viên về ý thức bảo vệ môi trường và tiêu dùng bền vững. Khuyến khích nhân viên tham gia các khóa học và chương trình đào tạo liên quan đến môi trường, bền vững và trách nhiệm xã hội.

- Trách nhiệm xã hội

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Chúng tôi cam kết đầu tư vào việc đào tạo, nâng cao năng lực nhân viên, tạo điều kiện thuận lợi để họ phát triển sự nghiệp và gắn bó lâu dài với công ty.

- Hỗ trợ cộng đồng địa phương: Tham gia các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ địa phương trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, giáo dục và y tế, nhằm góp phần cải thiện đời sống người dân.
- Hợp tác với các tổ chức phi lợi nhuận: Chúng tôi hợp tác với các tổ chức phi lợi nhuận để cùng thực hiện các dự án xã hội và môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

9.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tác động kinh tế: với vai trò là một trong số các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đứng đầu thị trường và tốc độ tăng trưởng cao liên tục qua từng năm, PTI đã góp phần thúc đẩy thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam liên tục phát triển và bền vững, đồng thời luôn đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước.

Tác động đối với môi trường và xã hội:

Trong năm 2022, PTI góp phần ổn định nền kinh tế xã hội, thể hiện rõ vai trò đồng hành với cộng đồng xã hội và doanh nghiệp thông qua việc bồi thường, chi trả tiền bảo hiểm đầy đủ và kịp thời cho Người được bảo hiểm theo đúng quy định, đồng thời trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn do đại dịch Covid-19, Công ty vẫn đảm bảo công việc và thu nhập ổn định cho hơn 2600 người lao động trên toàn hệ thống.

Bắt đầu từ năm 2022, PTI tái định vị thương hiệu, từ "Người bạn đích thực" thành "Giải pháp bảo hiểm cho mọi nhà", với định hướng cung cấp cơ hội tiếp cận các giải pháp bảo hiểm thiết yếu tới mọi người dân Việt Nam, bảo vệ họ trước các rủi ro trong cuộc sống, đặc biệt trong điều kiện khách hàng không có khả năng thanh toán, từ đó nâng cao ý thức sử dụng sản phẩm bảo hiểm như một biện pháp bảo vệ trước rủi ro cũng như đóng góp vào việc bảo vệ cộng đồng.

9.3. Tiêu thụ năng lượng

Công ty đã tích cực nỗ lực giảm thiểu tiêu thụ năng lượng thông qua việc ưu tiên sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, tối ưu hóa hệ thống chiếu sáng văn phòng, cài đặt chế độ nghỉ của máy tính và máy in khi không sử dụng. Ngoài ra, công ty cũng đẩy mạnh việc truyền thông nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm điện năng của toàn thể nhân viên.

9.4. Tiêu thụ nước

Công ty đã theo dõi mức tiêu thụ nước trong các hoạt động kinh doanh trong năm và triển khai các biện pháp giảm thiểu lãng phí nước. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra định kỳ các thiết bị vệ sinh, ống nước và hệ thống thoát nước để đảm bảo không có rò rỉ không cần thiết. Đồng thời, công ty đã tổ chức các chương trình tuyên truyền, nâng cao ý thức tiết kiệm nước của nhân viên và khuyến khích sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước.

9.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- **Chính sách về đào tạo**

- Năm 2022 tiếp tục là một năm sôi nổi dành cho các chương trình đào tạo trực tuyến trên toàn hệ thống 252 lớp đào tạo, 6.930 lượt đào tạo bao phủ các nội dung về kiến thức nghiệp vụ, quy trình, sản phẩm bảo hiểm, bồi thường, kế toán, đặc biệt tăng cường thêm các khóa kỹ năng mềm để thích nghi điều kiện kinh doanh mới, tổ chức các kỳ thi, đánh giá năng lực online: thi định kỳ giám định viên, bồi thường viên.

- Năm 2022, PTI đã chuyển hướng chủ yếu đào tạo trên các nền tảng số như cầu truyền hình, Zoom Meeting, Google Meeting, E-learning… với nội dung chương trình sát thực, hiệu quả, có tính ứng dụng cao để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên.
- Tiếp tục triển khai chương trình đào tạo tập dựa trên khung năng lực, dưới hình thức blended (kết hợp đào tạo online và đào tạo offline) nhằm nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự trên toàn hệ thống.
- Chương trình đào tạo tập trung và đào tạo trực tuyến được đẩy mạnh trên cơ sở đào tạo theo khung năng lực đối với các vị trí chức danh, nhằm đáp ứng mục tiêu kinh doanh của Tổng công ty và không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự theo hướng chuẩn hóa và chuyên nghiệp.

- **Chính sách tiền lương, phúc lợi:**

- Tiếp đảm bảo chính sách tiền lương nhằm đảm bảo thu nhập của người lao động.
- Tiếp tục duy trì, bổ sung các chính sách phúc lợi nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện chăm sóc sức khỏe thường xuyên và liên tục cho cán bộ nhân viên, như bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, các chương trình thăm

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của Tổng Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện 2022	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Tỷ lệ tăng trưởng so cùng kỳ
Doanh thu bảo hiểm gốc	6.250.000	6.265.962	100.3%	+7.4%
Lợi nhuận trước thuế	260,000	-343.574	-132,14%	-204,75%
Lợi nhuận sau thuế	208,500	-347.376	-166,61%	-234,91%
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%		0%

- - Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đạt 6,266 tỷ đồng, tăng trưởng 7.4%, hoàn thành 100.3% kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế âm, giảm nhiều so với năm trước do hệ quả của các nguyên nhân sau:

- Năm 2022, PTI phát sinh các chi phí liên quan đến chương trình bảo hiểm Vững tâm an số tiền 353.2 tỷ đồng. Tất cả Hợp đồng Bảo hiểm của chương trình Vững Tâm An sẽ hết hiệu lực vào ngày 22/03/2023. Do đó, năm 2023, chương trình Vững Tâm An sẽ không còn khả năng bồi thường cao và ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế.
- Chi phí bồi thường của PTI tăng mạnh so với cùng kỳ: Tổng chi bồi thường bảo hiểm năm 2022 tăng 28% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do năm 2022, Việt Nam đã duy trì trạng thái bình thường mới với dịch bệnh Covid 19 (không còn áp dụng chính sách giãn cách toàn xã hội như cùng kỳ năm trước) do đó người dân sẽ đi khám, chữa bệnh nhiều hơn dẫn đến chi phí bồi thường bảo hiểm chăm sóc sức khỏe tăng lên. Đặc biệt là chi phí bồi thường của dòng sản phẩm

chăm sóc sức khỏe. Chi phí bồi thường liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm Xe ô tô cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước (tình hình chung của thị trường do tích tụ sau dịch bệnh).

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Trong năm 2022, Công ty đã đạt được những tiến bộ như sau:

- PTI tiếp tục tăng trưởng và giữ vững vị trí thứ 3 về thị phần trong tổng số 31 Công ty bảo hiểm Phi nhân thọ trên thị trường năm 2022.
- Trong năm 2022, PTI tiếp tục được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính quốc tế AMBest xếp hạng tài chính mức B++ (Tốt), mức xếp hạng tín dụng dài hạn bbb và viễn cảnh mức xếp hạng tín dụng ổn định. A.M.Best đặc biệt đánh giá cao PTI thông qua kênh phân phối đa dạng, mạng lưới bán hàng và chăm sóc khách hàng toàn diện.
- Hoàn thành hệ thống đánh giá kết quả công việc KPIs và khung năng lực cho từng cán bộ tại đơn vị, phòng ban.
- Ban Điều hành xây dựng các chương trình thưởng để định hướng đơn vị thành viên, ban nghiệp vụ chú trọng tăng hiệu quả kinh doanh.
- Chủ động giảm đà tăng trưởng ở một số nghiệp vụ để kiểm soát tốt hơn bồi thường. Bên cạnh đó việc thành lập 02 Trung tâm bồi thường đã giúp PTI đẩy nhanh quy trình, tốc độ xử lý các hồ sơ bồi thường nghiệp vụ xe cơ giới.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của Tổng Công ty
- Đã hoàn thành việc xây dựng trụ sở Tổng Công ty và chuyển toàn bộ cán bộ nhân viên tại Hội sở về địa chỉ mới: 95 Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Thực hiện tập hợp và tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng tài sản của PTI đạt hơn 8,375 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với đầu năm. Trong đó, tiền và tương đương tiền đạt 239,7 tỷ đồng, tăng 57,19% so với đầu năm. Trong khi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đạt khá cao ở mức hơn 3.855 tỷ đồng, giảm 1,33% so với đầu năm. Đầu tư tài chính dài hạn cũng giảm 57,6%, còn 308 tỷ đồng

b) Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 6,563 tỷ đồng, tăng nhẹ gần 179 tỷ đồng so với đầu năm. Nợ phải trả chủ yếu là dự phòng nghiệp vụ gần 5,279 tỷ đồng, tăng 7,7% so với đầu năm. Nhìn chung cơ cấu Nợ trên tổng tài sản của Công ty luôn được duy trì ở mức ổn định và an toàn, thể hiện cam kết của Công ty khi luôn đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cổ đông và các đối tác khác.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tái cấu trúc lại toàn bộ cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa, thành lập các Ban lãnh đạo quản trị chiến lược (EXCO), Ban lãnh đạo quản trị tổ chức (BOM), Ban lãnh đạo vận hành (BOA) tham gia vào việc quản trị và điều hành các hoạt động của Tổng Công ty. Qua đó phát huy tối đa năng lực của các thành viên Ban lãnh đạo.

- Thành lập các Ban phòng chống trục lợi, Hội đồng đầu tư, Trung tâm giám định xe cơ giới, Trung tâm bồi thường xe cơ giới, thành lập Ban chuyển đổi tổ chức PTI, … hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục tăng trưởng về doanh thu, tổng tài sản và lợi nhuận của Tổng Công ty. Đảm bảo mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm.
- Cơ cấu lại toàn bộ khoản đầu tư của Tổng Công ty, đảm bảo an toàn nguồn vốn và mang lại hiệu quả đầu tư cao.
- Duy trì và phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty.
- Phát triển và mở rộng thêm các sản phẩm mới, đem lại doanh thu và lợi nhuận tốt cho Tổng Công ty.
- Nâng cao năng lực quản trị nguồn nhân lực và thu hút nhân tài cho điều kiện kinh doanh trong tương lai, trong đó chú trọng nâng cao năng lực đội nghĩ khai thác thị trường, đội ngũ nghiên cứu phát triển sản phẩm, năng lực cạnh tranh, năng lực đội ngũ vận hành,…
- Duy trì và phấn đấu nâng mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M. Best.
- Đầu tư trọng điểm cho Công nghệ thông tin theo mô hình quản lý ứng dụng lõi, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, phát triển hệ thống báo cáo phân tích hành vi tiêu dùng của khách hàng để đưa ra các định hướng kinh doanh hiệu quả.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)**

Trong năm qua, Công ty đã vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện sắp đặt cây xanh quanh nơi làm việc nhằm tạo thêm mảng xanh nơi làm việc, góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người lao động.

- **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Người lao động là một trong những yếu tố quyết định đến sự phát triển bền vững của Công ty. Ban lãnh đạo luôn tạo điều kiện để người lao động có thể phát huy hết khả năng trong một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cũng đưa vào các chương trình chia sẻ về mặt tâm thức cũng như xem xét cải cách chính sách lương thưởng, phúc lợi, để góp phần cải thiện và nâng cao đời sống tinh thần-vật chất cho người lao động.

- **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Bên cạnh mục tiêu hoạt động vì lợi nhuận, tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, Tổng Công ty còn quan tâm đến việc chia sẻ một phần lợi nhuận của mình vào sự phát triển chung của xã hội, cộng đồng người dân sinh sống trong địa bàn hoạt động của Công ty.

Ý thức trách nhiệm với môi trường và xã hội được thể hiện trong mọi hoạt động phát triển của Công ty, trong từng hoạt động cộng đồng của Công ty.

V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong năm 2022, cùng với sự khó khăn chung của thị trường tài chính, PTI cũng chịu sự ảnh hưởng không hề nhỏ, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản của PTI thay đổi giảm từ 8.564 tỷ đồng năm 2021 xuống chỉ còn 8.375 tỷ đồng (tương ứng giảm 189,9 tỷ đồng so với năm 2021).
- Kết quả kinh doanh năm 2022 cũng có những không hoàn thành kế hoạch đã đặt ra tại ĐHĐCĐ. Theo đó, Trong năm 2022, PTI lỗ sau thuế 347,4 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm 2021 vẫn lãi 257 tỷ đồng. Đây cũng là năm đầu tiên PTI thua lỗ kể từ khi niêm yết. Nguyên nhân chính là do Công ty phát sinh chi phí liên quan đến chương trình bảo hiểm "Vững Tâm An" với số tiền là 353 tỷ đồng. Mặt khác, cả nước duy trì tình trạng bình thường mới với dịch bệnh Covid nên đã khiến chi phí bồi thường của PTI tăng mạnh so với cùng kỳ, gây ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh. Tổng chi bồi thường cả năm 2022 tăng hơn 747 tỷ đồng (35%). Tuy nhiên, với những khó khăn như nêu trên, PTI vẫn duy trì được thị phần, giữ vững vị trí số 3 thị trường bảo hiểm Phi nhân thọ, riêng mảng bảo hiểm xe cơ giới PTI vẫn vững vàng ở vị trí số 1 thị trường.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức theo mô hình mà HĐQT đã xây dựng, mở rộng mạng lưới đơn vị trực thuộc, đẩy mạnh và phát triển kênh phân phối (Vnpost, Banca, bán hàng trực tuyến).
- Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện tái cơ cấu lại các khoản đầu tư nhằm đảm bảo khai thác vốn hiệu quả, mang lại lợi ích cho cổ đông.
- PTI vẫn luôn ý thức được trách nhiệm của Công ty cũng như cán bộ nhân viên làm việc tại Công ty liên quan đến môi trường và xã hội. Trong năm 2022, Công ty và người lao động của Công ty đã tham gia nhiều hoạt động liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội trên cả nước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- HĐQT thường xuyên giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu đề ra, thúc đẩy tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh năm và đưa ra định hướng chỉ đạo với Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành Tổng công ty,
- Chủ tịch HĐQT thường xuyên trao đổi công việc với các cán bộ lãnh đạo Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc, trực tiếp đưa ra những chỉ đạo trong công tác kinh doanh đối với các Ban và đơn vị trực thuộc, Thông qua việc này, HĐQT cũng nhận được những thông tin kịp thời và sát sao với tình hình của PTI để đưa ra những định hướng đúng đắn, phù hợp với đơn vị,
- Nhìn chung, Ban Tổng giám đốc đã triển khai các nhiệm vụ theo yêu cầu của HĐQT, thực hiện đúng theo các quy định của Tổng công ty và Pháp luật của Nhà nước.
- Năm 2022, HĐQT Công ty cũng đã có có những thay đổi, cải tiến trong Cơ cấu tổ chức, vận hành hoạt động của Tổng Công ty. Theo đó, HĐQT đã thành lập các Ban lãnh đạo chiến lược (EXCO), Ban lãnh đạo quản trị tổ chức (BOM), Ban lãnh đạo quản trị điều hành (BOA). Đồng thời, HĐQT cũng đã thực hiện phân bổ lại chức năng/nhiệm vụ của từng vị trí lãnh đạo để hoạt động vận hành của Tổng Công ty được trơn tru, chuyên môn hóa cao hơn theo thông lệ quản trị hiệu quả nhất.

Sau khi thay đổi, HĐQT thấy rằng Ban Giám đốc đã có thích nghi tốt với việc thay đổi và hoàn thành tốt những nhiệm vụ được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a. Kế hoạch, định hướng về mục tiêu quản trị tổ chức

- Kiện toàn bộ máy quản trị điều hành của PTI để nâng cao năng lực tổ chức và năng lực định hướng và quản trị chiến lược cho mục tiêu phát triển kinh doanh trong tương lai.
- Kiện toàn quy trình quản trị kinh doanh với các phân khúc khách hàng mục tiêu, quy trình quản trị sản phẩm, quy trình quản trị nguồn nhân lực và quy trình vận hành theo chuỗi giá trị hướng tới Khách hàng.
- Kiện toàn quy trình quản trị rủi ro hoạt động, giám sát tuân thủ và công tác kiểm soát kiệu quả

b. Kế hoạch, định hướng hoạt động Khối Khách hàng cá nhân

- Tiếp tục giữ vững vị thế kinh doanh và thị phần doanh số về bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm con người.
- Kiện toàn mô hình kinh doanh, xây dựng năng lực quản trị kênh phân phối theo mô hình khoán kinh doanh như hiện nay, và đầu tư mô hình phát triển kệnh phân phối trực tiếp qua kênh hợp tác chiến lược với VNPOST và mô hình phát tiển kênh bán qua đội ngũ tư vấn bán hàng (B2A và B2CA)
- Chuẩn hóa công tác tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kênh bán, đáp ứng tiêu chuẩn và định vị kinh doanh của PTI.
- Kiện toàn danh mục sản phẩm theo các phân khúc Khách hàng mục tiêu để thúc đẩy năng lực phát triển kênh bán trực tiếp, bổ sung thêm năng lực kênh bán theo mô hình khoán doanh số.
- Tiếp tục đầu tư nền tảng công nghệ và số hóa để kiện toàn hạ tầng dữ liệu, ứng dụng khai thác và bán hàng, hệ thống công nghệ thông tin cho phép cung cấp dữ liệu kinh doanh và dữ liệu phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển, quản trị rủi ro và quản lý hiệu suất lao động.

c. Kế hoạch, định hướng hoạt động khối khách hàng doanh nghiệp và khách hàng tổ chức

- Lựa chọn tiêu chí khách hàng mục tiêu phù hợp với năng lực và vị thế kinh doanh của PTI.
- Xây dựng và phát triển đội ngũ giám đốc khách hàng theo các phân khúc Khách hàng mục tiêu bao gồm Khách hàng định chế tài chính, khách hàng doanh nghiệp, khách hàng chiến lược, các đối tác đại lý môi giới và bảo hiểm trong và ngoài nước.
- Xây dựng và phát triển năng lực quan hệ với các nhà tái, năng lực thẩm định khách hàng và bản chào nghiệp vụ cho bảo hiểm tài sản, bảo hiểm khác.

d. Kế hoạch, định hướng liên quan đến đầu tư tài chính

- Hoạt động đầu tư đảm bảo an toàn và hiệu quả, tăng cường kiểm soát rủi ro.
- Tỷ suất sinh lời/vốn đầu tư dự kiến sẽ duy trì ở mức tối thiểu 6%/năm
- Triệt để xử lý các khoản đầu tư tài chính không hiệu quả còn tồn đọng.
- Chuyên nghiệp hóa hoạt động đầu tư và hoạt động kinh doanh bảo hiểm thông qua việc thành lập Công ty quản lý hoặc Công ty đầu tư.

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ/ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Tỷ lệ nắm giữ		Số lượng chức danh TV HĐQT tại tổ chức khác
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Đại diện	Cá nhân	
1.	Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT	10/3/2022		16,44	**0**	**04**
2.	Ông Kim, Kang Wook	Phó Chủ tịch HĐQT	22/04/2015		12,44	0	**0**
3.	Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	28/04/2009		4,42	0	**01**
4.	Bà Trần Thị Minh	Thành viên HĐQT độc lập	16/04/2014		0	0,01	**0**
5.	Ông Ko Young Joo	Thành viên HĐQT	23/04/2019		24,88	0	**0**
6.	Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT độc lập	10/03/2022		**0**	**0**	**0**
7.	Bà Vũ Nam Hương	Thành viên HĐQT	10/03/2022		**0**	**0**	**03**
8.	Ông Vũ Hoàng Hà	Phó chủ tịch HĐQT	28/04/2022		**0**	**0**	**04**
9.	Ông Park Ki Hyun	Thành viên HĐQT	28/04/2022		**0**	**0**	**0**
10.	Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch HĐQT	14/04/2016	10/03/2022		0,01	
11.	Bà Nguyễn Hồ Nga	Chủ tịch HĐQT	21/01/2022	10/03/2022			
12.	Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	24/06/2020	10/03/2022			

13.	Ông Ha Chan Ho	Thành viên HĐQT	29/04/2021	28/04/2022			
14.	Ông Bùi Xuân Thu	Thành viên HĐQT	22/04/2015	10/03/2022		0,06	

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Tổng Công ty hiện nay có các Tiểu ban giúp việc cho HĐQT cụ thể như sau:

- Tiểu Ban Chiến lược – Kế hoạch Kinh doanh – Công nghệ thông tin:
- Tiểu Ban Quản lý Tài sản và Kinh doanh Tài chính;
- Tiểu Ban Nhân sự – Tiền lương.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Nguyễn Minh Đức	1/3	33%	Miễn nhiệm ngày 10/03/2022
2.	Bà Nguyễn Hồ Nga	3/5	60%	Bổ nhiệm Chủ tịch từ ngày 18/01/2022, miễn nhiệm ngày 10/3/2022.
3.	Bà Phạm Minh Hương	4/5	80%	Bổ nhiệm ngày 10/03/2022
4.	Ông Kim, Kang Wook	5/5	100%	
5.	Ông Mai Xuân Dũng	5/5	100%	
6.	Ông Bùi Xuân Thu	1/5	20%	Miễn nhiệm ngày 10/03/2022
7.	Bà Trần Thị Minh	5/5	100%	
8.	Ông Ko Young Joo	5/5	100%	
9.	Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	1/5	20%	Miễn nhiệm ngày 10/03/2022
10.	Ông Ha Chan Ho	3/5	80%	Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022
11.	Bà Đỗ Thanh Hương	4/5	80%	Bổ nhiệm từ ngày 10/03/2022
12.	Bà Vũ Nam Hương	4/5	80%	Bổ nhiệm từ ngày 10/03/2022
13.	Ông Vũ Hoàng Hà	3/5	60%	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022
14.	Ông Park Ki Hyun	2/5	40%	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022

Ngoài các phiên họp nêu trên, khi có vấn đề phát sinh, để đảm bảo thực tiễn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, HĐQT Tổng công ty tổ chức họp qua teleconference hoặc các hình thức thảo luận và biểu quyết lấy ý kiến khác, 100% các thành viên HĐQT đều tham dự và tham gia biểu quyết. Theo đó, trong năm 2022, HĐQT Tổng Công ty đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định cụ thể như sau:

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	01-NQ-HDQT-TBH	14/01/2022	Phê duyệt chương trình TBH 2022	100%
2.	04/NQ- PTI - HĐQT	19/01/2022	Về việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với Ông Nguyễn Minh Đức và bầu Chủ tịch HĐQT đối với bà Nguyễn Hồ Nga.	100%
3.	05/NQ- PTI-HDQT	19/01/2022	Miễn nhiệm và bầu thay thế 03 thành viên HĐQT và 01 thành viên Ban kiểm soát.	100%
4.	06/NQ-PTI – HĐQT	19/01/2022	Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	100%
5.	07/NQ – PTI - HDQT	19/01/2022	Thông qua nội dung chương trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	100%
6.	12/NQ-PTI-HDQT	17/02/2022	Về việc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	100%
7.	17/NQ-PTI-HDQT	08/03/2022	Họp ĐHĐCĐ bất thường 2022	100%
8.	19/NQ-PTI - HĐQT	08/03/2022	Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022	100%
9.	22/NQ-PTI-HĐQT	10/03/2022	Về việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với bà Nguyễn Hồ Nga và bầu Chủ tịch HĐQT đối với bà Phạm Minh Hương	100%
10.	25/NQ-PTI-HDQT	05/04/2022	Thông qua báo cáo KQKD năm 2021 và định hướng KHKD năm 2022	100%

11.	26/NQ-PTI-HDQT	05/04/2022	Phê duyệt tổng dư nợ vay vốn tại các Tổ chức tín dụng	100%
12.	27/NQ-PTI-HDQT	05/04/2022	Phê duyệt tăng vốn của Công ty tại Công ty BĐS Bưu điện	100%
13.	28/NQ-PTI-HDQT	05/04/2022	Phê duyệt Hạn mức đầu tư tài chính năm 2022	100%
14.	35/QĐ-PTI-HĐQT	21/04/2022	Bổ nhiệm Ông Vũ Chí Huy giữ chức vụ CMO – Phó tổng giám đốc	100%
15.	36/QĐ-PTI-HĐQT	21/04/2022	Bổ nhiệm Ông Đoàn Kiên giữ chức vụ COO – Phó tổng giám đốc	100%
16.	37/QĐ-PTI-HĐQT	21/04/2022	Bổ nhiệm Ông Cao Bá Huy giữ chức vụ CBO – Phó tổng giám đốc	100%
17.	46/NQ-PTI-HDQT	06/05/2022	Phê duyệt phương án đầu tư trái phiếu MBBank	100%
18.	54/NQ-PTI-HDQT	28/06/2022	Bầu Phó chủ tịch HĐQT đối với Ông Kim Kang Wook và Vũ Hoàng Hà	66,67 %
19.	57/QĐ- PTI-HDQT	28/06/2022	Thành lập các tiểu ban HĐQT	100%
20.	58/QĐ- PTI-HDQT	28/06/2022	Ban hành mẫu quy chế Tổ chức và hoạt động của các tiểu ban	100%
21.	59/QĐ- PTI-HĐQT	11/07/2022	Quyết định về ban hành phân cấp Tổ chức nhân sự năm 2022	55,56 %
22.	65/NQ-PTI-HĐQT	21/07/2022	Nghị quyết về đăng ký thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
23.	73/NQ-PTI-HĐQT	16/08/2022	Nghị quyết hủy danh sách người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
24.	75/QĐ-PTI-HĐQT	17/08/2022	Ban hành Quy chế Quản lý Tài sản và Kinh doanh Tài chính	66,67 %
25.	79/NQ-PTI-HĐQT	24/08/2022	Nghị quyết về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022	100%

26.	83/QĐ-PTI-HĐQT	06/09/2022	Quyết định về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban Nhân sự Tiền lương	100%
27.	90/NQ-PTI-HĐQT	28/09/2022	Nghị quyết về thù lao, thưởng và lợi ích khác của Phó chủ tịch HĐQT Vũ Hoàng Hà	100%
28.	91/NQ-PTI-HĐQT	04/10/2022	Nghị quyết về việc thay đổi chức danh đối với các Phó Tổng giám đốc của PTI	66,67 %
29.	92/NQ-PTI-HĐQT	04/10/2022	Nghị quyết về việc phân công ủy quyền thực hiện công việc đối với các thành viên trong HĐQT, Ban lãnh đạo Quản trị chiến lược, Ban TGĐ, Ban lãnh đạo Quản trị Tổ chức PTI	66,67 %
30.	110/2022/NQ-PTI-HĐQT	24/10/2022	Nghị quyết về việc Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện ban hành quyết định phân công công việc	100%
31.	111/2022/NQ-PTI-HĐQT	24/10/2022	Nghị quyết về việc giao, phân quyền/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	66,67 %

d. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Tiểu ban là cơ quan giúp việc của Hội đồng quản trị, nằm trong cơ cấu của HĐQT, do HĐQT thành lập, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT.

Các Tiểu ban có trách nhiệm:

- Tư vấn cho HĐQT về chiến lược phát triển trong lĩnh vực phụ trách.
- Xây dựng kế hoạch, chương trình công tác của Tiểu ban, báo cáo HĐQT phê duyệt.
- Chịu trách nhiệm xem xét các phương án do Ban Tổng Giám đốc điều hành trình, tư vấn cho HĐQT trong việc ra quyết định.
- Hỗ trợ Ban điều hành trong quá trình triển khai các Nghị quyết của HĐQT thuộc lĩnh vực Tiểu ban phụ trách.
- Tiểu Ban được quyền quyết định một số vấn đề theo uỷ quyền của HĐQT.
- Thành lập "Tổ xây dựng chiến lược" trực thuộc Tiểu ban Chiến lược – Kế hoạch Kinh doanh – Công nghệ thông tin để hỗ trợ HĐQT xây dựng tầm nhìn, chiến lược đến năm 2025.

Kể từ thành lập, các Tiểu ban HĐQT đã hỗ trợ cho HĐQT trong việc chỉ đạo, phối hợp với Ban điều hành xây dựng, sửa đổi Điều lệ, Quy chế liên quan như: Quy chế Nội bộ về quản trị, Quy chế Tổ chức Nhân sự, … ; xây dựng các Quy trình như: Quy trình đầu tư trái phiếu chính phủ, Quy trình đầu tư Bất động sản, Quy trình đầu tư góp vốn mua cổ phần, … , qua đó đóng góp trực tiếp cho Ban điều hành về các công tác quản trị kinh doanh của Tổng Công ty

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ nắm giữ (%)	
					Đại diện	Cá nhân
1	Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngày không là Trưởng Ban kiểm soát 28/04/2022	Cử nhân Quản trị doanh nghiệp	0	0
2	Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngày bắt đầu là TV BKS 22/04/2015	Cử nhân Kinh tế	1,3	0
3	Ông Ki, Hyun Park	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngày không là TV BKS 28/04/2022	Cử nhân Kinh tế	0	0
4	Ông Bea, Taeg Soo	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngày không là TV BKS 28/04/2022	Cử nhân Quản trị kinh doanh	0	0
5	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngày bắt đầu là TV BKS 25/04/2013	Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị	0	0
6	Ông Bùi Văn Tới	Trưởng ban kiểm soát	Ngày bắt đầu là TV BKS 28/04/2022	Thạc sỹ Kế toán, kiểm toán và phân tích	0	0
7	Ông Park Han Woong	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngày bắt đầu là TV BKS 28/04/2022	Cử nhân Luật	0	0
8	Ông Lee Tae Hun	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngày bắt đầu là TV BKS 28/04/2022	Cử nhân Quản trị kinh doanh	0	0

b. Cuộc họp của BKS: Trong năm 2022, BKS Tổng Công ty đã tổ chức 02 cuộc họp với tỷ lệ tham gia của các thành viên như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Hữu Thắng	1/2	50%		Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022
2	Bà Bùi Thanh Hiền	2/2	100%	100%	
3	Ông Ki, Hyun Park	0/2	0%		Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022
4	Ông Bea, Taeg Soo	0/2	0%		Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022
5	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	2/2	100%	100%	
6	Ông Bùi Văn Tới	1/2	50%	100%	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022
7	Ông Park Han Woong	1/2	50%	100%	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022
8	Ông Lee Tae Hun	1/2	50%	100%	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022 Ủy quyền cho Ông Park Han Woong

c. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và trao đổi triển khai các nhiệm vụ công tác được giao; tham gia các cuộc họp HĐQT của PTI.
- Xem xét tính phù hợp việc ban hành các văn bản của Tổng công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, các quy chế quản trị nội bộ để đảm bảo hoạt động của Tổng công ty được minh bạch, hiệu quả; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cá nhân phụ trách, của từng đơn vị.
- Xem xét các khoản đầu tư, việc sử dụng nguồn vốn đầu tư của Tổng công ty theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt,
- Thẩm tra chọn mẫu các số liệu báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
- Mọi số liệu báo cáo tài chính đều được báo cáo công khai trước cổ đông tại các Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

d. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc, tại các cuộc họp HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát tham gia có ý kiến với những vấn đề được trình bày, xin chủ trương, định hướng để đưa ra những quyết định đem lại hiệu quả cao nhất cho Tổng công ty,
- Đối với các cán bộ quản lý khác: Trong quá trình làm việc, Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với bộ phận tài chính kế toán, kế hoạch và pháp chế - kiểm soát nội bộ để đảm bảo hoạt động quản lý của PTI đang diễn ra theo đúng pháp luật, đúng quy trình và định hướng của Nhà nước.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	18.145.813.629
2	Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2.276.472.490
Tổng cộng		20.422.286.119

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số cổ phiếu	*Tỷ lệ (%)*	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Thị Quý	Người có liên quan của Phó Tổng Giám đốc	7.076	0,0088%	0	0%	Bán cổ phiếu
2	Công đoàn Tổng Công ty bảo hiểm bưu điện		130.602	0,162%	0	0%	Bán cổ phiếu
3	Lưu Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	7.450	0,0089%	0	0	Bán cổ phiếu
4	Nghiêm Xuân Thung	Người có liên quan của Phó TGĐ	4.536	0,006%	1.036	0,001%	Bán cổ phiếu

5	Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA	Người có liên quan của cổ đông lớn	2.589.341	3,22	0	0%	Bán cổ phiếu

c. **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

d. **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** PTI nghiêm túc trong việc thực hiện các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước về quản trị Công ty. Ngoài ra, toàn bộ các báo cáo/CBTT có liên quan đến quản trị Công ty đều được gửi đúng hạn, đảm bảo tính chính xác và kịp thời về nội dung báo cáo.

VII. CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH 2023

1. Dự báo thị trường tài chính – bảo hiểm 2023

Năm 2023 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn cho nền kinh tế thế giới do tác động của chính sách tiền tệ bị thắt chặt. Quỹ tiền tệ quốc tế IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm từ mức 3,4% trong 2022 về còn 2,9% trong 2023. Lạm phát toàn cầu sẽ giảm từ 8,8% trong 2022 về 6,6% trong 2023, tuy nhiên vẫn cao hơn rất nhiều so với mức trung bình trước dịch 2017-19 khoảng 3,5%. Tương tự, nền kinh tế Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức như hoạt động xuất khẩu chậm lại, môi trường lãi suất cao, thanh khoản thị trường tài chính bị thắt chặt, và lĩnh vực bất động sản khó khăn. Hiện Quốc Hội đã giao cho Chính Phủ kế hoạch tăng trưởng GDP 6,5% và lạm phát 4,5% cho 2023.

Mặc dù tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có thể giảm tốc trong năm nay, ngành bảo hiểm phi nhân thọ vẫn được kỳ vọng sẽ đạt mức tăng trưởng phí ổn định ở khoảng 10-12%. Tuy nhiên, sẽ có sự phân hóa giữa các dòng sản phẩm. Cụ thể, các dòng sản phẩm bán lẻ như bảo hiểm sức khỏe hay bảo hiểm xe cơ giới có thể tăng trưởng chậm lại do nền kinh tế yếu đang ảnh hưởng xấu đến thu nhập của người tiêu dùng. Ngược lại, một số dòng sản phẩm bảo hiểm công nghiệp như bảo hiểm tài sản, kỹ thuật có thể hưởng lợi và tăng tốc từ hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh. Về hiệu quả kinh doanh, khả năng cao các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải đối mặt với áp lực tỷ lệ bồi thường tăng so với năm ngoái, đặc biệt ở mảng bán lẻ do yếu tố lạm phát và nền thấp do quý 1 năm 2022 vẫn bị ảnh hưởng bởi bệnh dịch.

Ở khía cạnh đầu tư, năm 2023 sẽ là một năm thuận lợi hơn cho ngành bảo hiểm. Lãi suất tiền gửi ở nền cao sẽ là động lực chính giúp các doanh nghiệp có thể cải thiện lợi suất đầu tư. Thị trường chứng khoán dường như cũng đã tìm được nền vững chắc hơn sau khi đã thu hút rất mạnh dòng vốn ngoại trong những tháng gần đây. Tuy nhiên, thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp vẫn đang gặp nhiều khó khăn dẫn đến rủi ro nhiều doanh nghiệp ở lĩnh vực bất động sản không trả được nợ và lãi đúng hạn. Hoạt động phát hành mới gần như đã đóng băng cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng tái đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm sau khi các trái phiếu cũ đáo hạn.

Luật kinh doanh bảo hiểm mới đã có hiệu lực từ đầu năm 2023. Theo Cục quản lý, giám sát bảo hiểm, luật mới đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật liên quan. Đặc biệt, luật mới quy định cho phép doanh nghiệp bảo hiểm chủ động trong việc thiết

kế, xây dựng sản phẩm bảo hiểm và chỉ phải đăng ký với Bộ Tài Chính phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới. Một số thủ tục hành chính chính cũng sẽ được giảm thiểu ví dụ như việc phê duyệt lập chi nhánh bảo hiểm. Việc quy định rõ nhà đầu tư nước ngoài có thể sở hữu 100% vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm cũng là một điểm đáng chú ý khác. Hiện tại vẫn chưa có thông tư và nghị định cụ thể nào để hướng dẫn các doanh nghiệp bảo hiểm áp dụng luật mới.

2. Các xu hướng ảnh hưởng tới chiến lược PTI

Trong năm 2022, một số xu hướng ngành phổ biến đã có ảnh hưởng tới chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm nói chung và của PTI nói riêng, bao gồm:

- Sản phẩm bảo hiểm cá nhân tiếp tục là dòng sản phẩm chủ lực của thị trường trước những chuyển biến chung của nền kinh tế;
- Nhiều sản phẩm bảo hiểm mới tiếp tục được tung ra thị trường;
- Số hóa sản phẩm bảo hiểm tiếp tục là xu hướng nổi bật với các sản phẩm được thiết kế và phân phối trên nền tảng số;
- Tình hình tổn thất có thể tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, đặc biệt trước rủi ro thiên tai, dịch bệnh phát sinh hiện nay;

Các quy định pháp lý về kinh doanh bảo hiểm tiếp tục được hoàn thiện, là một trong những động lực quan trọng để thị trường phát triển ổn định

3. Mục tiêu, định hướng kinh doanh 2023

Bám sát chiến lược phát triển trung và dài hạn, trong năm 2023 PTI hướng tới việc kinh doanh đảm bảo có lợi nhuận, tập trung chuyên sâu vào những sản phẩm, dịch vụ, kênh bán và khách hàng có hiệu quả, thông qua các giải pháp:

- Chuẩn hóa và triển khai chính sách, mô hình kinh doanh mới nhằm tối đa hóa nguồn lực
- Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, chuyển đổi từ người bán hàng thuần túy (Sales) sang Chuyên gia tư vấn bảo hiểm cho khách hàng (CA).
- Xây dựng nền tảng dịch vụ số để tối ưu chi phí vận hành kinh doanh và nghiệp vụ của PTI, nâng cao khả năng tiếp cận trực tiếp tới khách hàng.

VIII. Báo cáo tài chính

Báo cáo Tài chính kiểm toán của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện được đính kèm theo Báo cáo này.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

NGUYỄN KIM LÂN

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	12 - 13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	14 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022) Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022 đến ngày 10 tháng 3 năm 2022)
Bà Nguyễn Hồ Nga	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2022, miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022) Thành viên (miễn nhiệm 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2022)
Ông Kim Kang Wook	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hoàng Hà	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Ko Young Joo	Thành viên
Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Minh	Thành viên
Ông Park Ki Hyun	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Bà Vũ Nam Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022)
Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022)
Ông Bùi Xuân Thu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022)
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022)
Ông Ha Chan Ho	Thành viên (miễn nhiệm 28 tháng 4 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2023) Thành viên (đến ngày 07 tháng 02 năm 2023)
Ông Bùi Văn Tới	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022, miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2023)
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên
Ông Park Han Woong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Lee Tae Hun	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Bae Taeg Soo	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Park Ki Hyun	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Kim Lân	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 10 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Bùi Xuân Thu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 10 năm 2022)
Bà Lưu Phương Lan	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Điêu Ngọc Tuấn	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2022)
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Đoàn Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Nghiêm Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Hoàng Mạnh Huyên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022, miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Đỗ Phúc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022, miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Vũ Chí Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022, miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Cao Bá Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022, miễn nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

S.G.P: 41A - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Kim Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 0167 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng.
Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

Nguyễn Khương Duy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5063-2020-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 3 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)**	**100**		**7.466.558.158.786**	**7.327.979.031.849**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**239.722.746.305**	**152.508.587.674**
1.	Tiền	111		139.722.746.305	152.508.587.674
2.	Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	-
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**6**	**3.855.151.414.695**	**3.906.867.564.585**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	14.236.657.070
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.855.151.414.695	3.892.630.907.515
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(26.695.000)
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**972.978.212.189**	**894.390.955.179**
1.	Phải thu của khách hàng	131	7	564.988.288.392	508.216.985.965
1.1.	*Phải thu về hợp đồng bảo hiểm*	*131.1*		*564.988.288.392*	*505.026.777.965*
1.2.	*Phải thu khác của khách hàng*	*131.2*		-	*3.190.208.000*
2.	Trả trước cho người bán	132	8	175.319.757.286	160.911.002.969
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	134		34.570.000.000	6.570.000.000
4.	Các khoản phải thu khác	135	9	320.977.089.488	330.026.784.765
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(122.876.922.977)	(111.333.818.520)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**1.524.510.711**	**1.861.097.801**
1.	Hàng tồn kho	141		1.524.510.711	1.861.097.801
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**742.782.771.028**	**671.509.644.130**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	698.660.011.292	645.710.200.393
1.1.	*Chi phí hoa hồng chưa phân bổ*	*151.1*		*416.369.417.375*	*390.719.147.172*
1.2.	*Chi phí trả trước ngắn hạn khác*	*151.2*		*282.290.593.917*	*254.991.053.221*
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.343.014.729	25.097.573.421
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	17	22.779.745.007	701.870.316
VI.	**Tài sản tái bảo hiểm**	**190**	**20**	**1.654.398.503.858**	**1.700.867.877.480**
1.	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		1.012.892.798.778	1.065.833.353.023
2.	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		641.505.705.080	635.034.524.457
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)**	**200**		**908.326.496.247**	**1.236.780.529.754**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**16.393.554.269**	**18.089.886.286**
1.	Phải thu dài hạn khác	218	9	16.393.554.269	18.089.886.286
1.1.	*Ký quỹ bảo hiểm*	*218.1*		*8.000.000.000*	*8.000.000.000*
1.2.	*Phải thu dài hạn khác*	*218.2*		*8.393.554.269*	*10.089.886.286*
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**389.404.597.323**	**110.136.553.369**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	365.217.892.772	85.177.014.058
	- Nguyên giá	*222*		*497.336.970.923*	*197.874.597.399*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(132.119.078.151)*	*(112.697.583.341)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	24.186.704.551	24.959.539.311
	- Nguyên giá	*228*		*36.932.176.605*	*38.685.603.304*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(12.745.472.054)*	*(13.726.063.993)*
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	56.410.813.123	19.604.709.679
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**	**14**	**113.037.206.698**	**324.719.731.259**
	- Nguyên giá	*241*		*132.477.569.642*	*346.058.942.494*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*242*		*(19.440.362.944)*	*(21.339.211.235)*
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**6**	**308.040.413.585**	**725.766.284.005**
1.	Đầu tư vào công ty liên kết	252		25.761.467.200	24.301.408.015
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.129.400.000	30.129.400.000
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.194.453.615)	(14.969.035.338)
4.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		273.344.000.000	686.304.511.328
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**25.039.911.249**	**38.463.365.156**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	25.039.911.249	38.463.365.156
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**8.374.884.655.033**	**8.564.759.561.603**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**		**6.563.341.929.821**	**6.384.536.626.829**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**6.558.209.760.936**	**6.378.842.217.489**
1.	Phải trả cho người bán	312	16	513.806.169.050	538.684.318.279
1.1.	*Phải trả về hợp đồng bảo hiểm*	*312.1*		507.749.368.014	515.439.391.359
1.2.	*Phải trả khác cho người bán*	*312.2*		6.056.801.036	23.244.926.920
2.	Người mua trả tiền trước	313		8.029.027.569	6.899.172.213
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	32.521.190.497	74.451.733.263
4.	Phải trả người lao động	315		65.019.279.017	116.671.147.696
5.	Chi phí phải trả	316		41.072.102.565	17.454.785.143
6.	Doanh thu chưa thực hiện	318	18	214.929.260.307	133.432.368.564
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	106.166.315.170	107.378.375.323
8.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	19	297.994.436.198	345.133.359.458
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	136.800.000.000
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		43.513.466	26.838.138
11.	Dự phòng nghiệp vụ	329	20	5.278.628.467.097	4.901.910.119.412
11.1.	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		3.631.789.735.305	3.366.993.634.760
11.2.	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		1.515.268.210.444	1.450.296.486.631
11.3.	Dự phòng dao động lớn	329.3		131.570.521.348	84.619.998.021
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**5.132.168.885**	**5.694.409.340**
1.	Phải trả dài hạn khác	333	19	1.898.381.843	2.390.697.343
2.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		3.233.787.042	3.303.711.997
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)**	**400**		**1.811.542.725.212**	**2.180.222.934.774**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**21**	**1.811.542.725.212**	**2.180.222.934.774**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		*803.957.090.000*	*803.957.090.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		827.943.052.804	827.943.052.804
3.	Quỹ đầu tư phát triển	417		28.642.118.155	26.019.645.665
4.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419		80.395.709.000	80.395.709.000
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.671.645.783	438.388.382.483
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*414.047.860.842*	*193.504.792.915*
	- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*(347.376.215.059)*	*244.883.589.568*
6.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		3.933.109.470	3.519.054.822
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**8.374.884.655.033**	**8.564.759.561.603**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	226.244.910.515	178.104.873.414
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ	USD	398.478,80	513.029,43
- Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	2.583,70	119.430,93
- Bảng Anh	GBP	308,33	314,93

Lê Trọng Hiệp	Lê Xuân Bách	Nguyễn Kim Lân
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TỔNG HỢP

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1.	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	5.152.967.384.633	4.963.702.478.265
2.	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ khác	11	13.643.402.370	39.664.063.873
3.	Doanh thu hoạt động tài chính	12	156.030.993.767	189.489.763.019
4.	Thu nhập khác	13	5.889.363.905	3.994.315.067
5.	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	5.353.406.361.482	4.558.193.742.149
6.	Giá vốn bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ khác	21	7.768.035.372	20.496.114.733
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	55.531.464.135	37.093.385.293
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	252.912.046.281	245.880.930.383
9.	Chi phí khác	24	4.787.746.782	463.737.260
10.	Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết	27	2.300.730.770	(6.718.569.678)
11.	**Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+11+12+13-20-21-22-23-24+27)**	**50**	**(343.573.778.607)**	**328.004.140.728**
12.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.872.361.407	70.991.890.393
13.	(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	(69.924.955)	(470.494.145)
14.	**(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**	**(347.376.215.059)**	**257.482.744.480**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1.	**Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)**	**01**	**23**	**6.105.621.475.455**	**5.704.229.551.151**
	- Phí bảo hiểm gốc	01.1		6.265.961.552.698	5.836.199.674.337
	- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		104.456.023.302	108.719.404.440
	- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		264.796.100.545	240.689.527.626
2.	**Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)**	**02**	**24**	**1.728.305.797.560**	**1.562.274.134.038**
	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.675.365.243.315	1.733.551.920.761
	- (Giảm)/tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(52.940.554.245)	171.277.786.723
3.	**Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)**	**03**		**4.377.315.677.895**	**4.141.955.417.113**
4.	**Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)**	**04**		**775.651.706.738**	**821.747.061.152**
	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		542.541.404.555	586.417.287.875
	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		233.110.302.183	235.329.773.277
5.	**Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)**	**10**		**5.152.967.384.633**	**4.963.702.478.265**
6.	**Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)**	**11**	**25**	**2.901.283.639.616**	**2.154.152.125.034**
	- Tổng chi bồi thường	11.1		2.930.580.025.754	2.167.860.066.789
	- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		29.296.386.138	13.707.941.755
7.	**Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**12**	**25**	**697.502.010.599**	**515.151.160.071**
8.	**Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm**	**13**	**25**	**64.971.723.813**	**247.109.647.100**
9.	**Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**14**	**25**	**6.471.180.623**	**113.779.060.823**
10.	**Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)**	**15**		**2.262.282.172.207**	**1.772.331.551.240**
11.	**Tăng dự phòng dao động lớn**	**16**		**46.950.523.327**	**42.113.671.580**
12.	**Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)**	**17**	**26**	**3.044.173.665.948**	**2.743.748.519.329**
	- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		658.150.628.466	658.480.727.819
	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		2.386.023.037.482	2.085.267.791.510
13.	**Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)**	**18**		**5.353.406.361.482**	**4.558.193.742.149**
14.	**(Lỗ)/lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)**	**19**		**(200.438.976.849)**	**405.508.736.116**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
15.	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	27	13.643.402.370	39.664.063.873
16.	Giá vốn bất động sản đầu tư	21	28	7.768.035.372	20.496.114.733
17.	**Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)**	**22**		**5.875.366.998**	**19.167.949.140**
18.	Doanh thu hoạt động tài chính	23	29	156.030.993.767	189.489.763.019
19.	Chi phí hoạt động tài chính	24	30	55.531.464.135	37.093.385.293
20.	**Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)**	**25**		**100.499.529.632**	**152.396.377.726**
21.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	252.912.046.281	245.880.930.383
22.	Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết	27		2.300.730.770	(6.718.569.678)
23.	**(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 22 + 25 - 26 + 27)**	**30**		**(344.675.395.730)**	**324.473.562.921**
24.	Thu nhập khác	31		5.889.363.905	3.994.315.067
25.	Chi phí khác	32		4.787.746.782	463.737.260
26.	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**		**1.101.617.123**	**3.530.577.807**
27.	**Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**(343.573.778.607)**	**328.004.140.728**
28.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	3.872.361.407	70.991.890.393
29.	(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		(69.924.955)	(470.494.145)
30.	**(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)**	**60**		**(347.376.215.059)**	**257.482.744.480**
30.1.	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	61		(347.394.511.589)	257.367.260.979
30.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		18.296.530	115.483.501
31.	(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	(4.321)	2.937

Lê Trọng Hiệp	Lê Xuân Bách	Nguyễn Kim Lân
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***(343.573.778.607)***	***328.004.140.728***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	28.906.097.107	26.605.200.713
	Các khoản dự phòng	03	304.129.549.041	279.819.402.923
	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	77.613.747	590.237.355
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(315.891.694.256)	(315.312.460.006)
	Chi phí lãi vay	06	9.847.289.553	8.743.826.504
3.	***(Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***(316.504.923.415)***	***328.450.348.217***
	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(117.127.821.706)	10.099.804.711
	Giảm hàng tồn kho	10	336.587.090	164.403.918
	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(27.249.308.399)	54.087.253.441
	Tăng chi phí trả trước	12	(39.526.356.992)	(55.892.468.498)
	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh	13	14.236.657.070	(8.463.442.212)
	Tiền lãi vay đã trả	14	(9.847.289.553)	(8.743.826.504)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(57.474.844.751)	(59.640.179.255)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(553.157.300.656)***	***260.061.893.818***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(133.598.249.440)	(91.603.510.535)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(411.648.570)	11.537.866.199
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.585.315.423.731)	(2.785.609.805.451)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.034.295.368.694	2.274.792.506.859
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	326.177.230.705	265.827.555.628
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***641.147.277.658***	***(325.055.387.300)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	492.100.000.000	266.637.910.506
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(492.100.000.000)	(266.637.910.506)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(930.971.267)	(79.926.579.686)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(930.971.267)***	***(79.926.579.686)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**87.059.005.735**	**(144.920.073.168)**
	Tiền đầu năm	**60**	**152.508.587.674**	**298.018.898.197**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	155.152.896	(590.237.355)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**239.722.746.305**	**152.508.587.674**

Lê Trọng Hiệp	**Lê Xuân Bách**	**Nguyễn Kim Lân**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 3633/GP-UB do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 8 năm 1998, Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 41A/GPĐC32/KDBH ngày 05 tháng 01 năm 2022.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.605 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.539 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và kinh doanh dịch vụ tài chính.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ;
- Kinh doanh tái bảo hiểm;
- Hoạt động đầu tư tài chính;
- Và các hoạt động khác theo đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Tăng vốn đầu tư vào Công ty con

Theo Nghị quyết số 27/NQ-PTI-HĐQT ngày 05 tháng 4 năm 2022, Tổng Công ty đã hoàn tất thủ tục góp thêm 88.200.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện – Công ty con của Tổng Công ty tại ngày 21 tháng 4 năm 2022. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện tăng từ 95,32% lên 97,60% kể từ ngày này.

Vững Tâm An

Trong năm 2022, Tổng Công ty có phát sinh chi phí liên quan đến chương trình bảo hiểm "Vững Tâm An" với số tiền làm tròn là 353,2 tỷ VND, dẫn tới kết quả hoạt động kinh doanh sụt giảm mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có Văn phòng chính tại số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; 03 văn phòng đại diện Giám định bồi thường tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hải Phòng; 01 văn phòng đại diện khu vực phía Nam và 52 công ty trực thuộc trong cả nước.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Công ty con/Công ty liên kết	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Hà Nội	97,6	97,6	Đầu tư bất động sản, đầu tư tài chính
Công ty liên kết				
Công ty Bảo hiểm đại chúng Lanexang	Vientian, Lào	50	50	Kinh doanh bảo hiểm
Công ty Cổ phần Kasati	Hồ Chí Minh	21,3	21,3	Viễn thông, tin học và thiết bị điện tử

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trong năm, Ban Điều hành đã quyết định thay đổi việc ghi nhận một số khoản mục chi phí từ chi phí quản lý sang chi phí kinh doanh bảo hiểm để phù hợp với mô hình kinh doanh và quản lý chi phí của Tổng Công ty. Theo đó, một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay.

Chi tiết các số liệu được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước (Số liệu đã báo cáo)	Số điều chỉnh	Năm trước (Trình bày lại)
		VND	VND	VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	1.737.051.894.784	348.215.896.726	2.085.267.791.510
Chi phí hoạt động tài chính	24	47.643.308.000	(10.549.922.707)	37.093.385.293
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	583.546.904.402	(337.665.974.019)	245.880.930.383

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. QUY ĐỊNH PHÁP LÝ MỚI BAN HÀNH TRONG NĂM NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quốc hội đã ban hành Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ("Luật số 08") quy định về tổ chức và hoạt động kinh doanh bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm; quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Luật số 08 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, trừ một số trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 156 của Luật này. Theo đó, một số điều khoản chuyển tiếp cần lưu ý như sau:

- Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày Luật 08 có hiệu lực và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với Luật này và để áp dụng quy định của Luật này.

- Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

- Doanh nghiệp bảo hiểm dừng trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Theo đó, toàn bộ số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được Bộ Tài chính quản lý để sử dụng cho mục đích bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán hoặc phá sản. Chính phủ quy định chi tiết về quản lý và sử dụng số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.

- Doanh nghiệp bảo hiểm không được kinh doanh bất động sản từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo

về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Tổng Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của các khoản phải thu bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của chứng khoán đã niêm yết được xác định theo giá giao dịch bình quân trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Giá trị hợp lý của chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính. Đối với các chứng khoán không có giao dịch trong 30 ngày liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính, giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do thời gian đáo hạn ngắn.

- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, đầu tư vào trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

d) Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư được thực hiện nếu doanh nghiệp mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc trong trường hợp giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn. Theo quy định hiện hành, Tổng Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, và nhà cửa vật kiến trúc thuộc sở hữu của Tổng Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong 20 - 50 năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp sau:

- Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu sử dụng khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này;
- Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng chờ phân bổ, khoản trả trước về chi phí kinh doanh và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí kinh doanh của nghiệp vụ bảo hiểm bảo an tín dụng và một số nghiệp vụ khác được phân bổ tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng của nghiệp vụ bảo hiểm này.

Chính sách kế toán đối với các chi phí trả trước về hoa hồng bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phần "Ghi nhận chi phí".

Các khoản chi phí trả trước khác là giá trị công cụ, dụng cụ, tiền thuê văn phòng, chi phí phát triển đại lý, các phí dịch vụ trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận như khoản nợ phải trả của Tổng Công ty cho khách hàng khi Tổng Công ty đã nhận tiền của khách hàng nhưng dịch vụ chưa được cung cấp cho khách hàng.

Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được trích lập theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 ("Thông tư 50") và Công văn phê duyệt số 3281/BTC-QLBH ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính. Chi tiết như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí

Dự phòng phí được Tổng Công ty trích lập theo hệ số thời hạn hợp đồng bảo hiểm, trong đó:

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 01 năm trở xuống, dự phòng phí được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể như sau:
  - Đối với bảo hiểm hàng hóa, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
  - Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm, dự phòng phí được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR") hoặc chưa yêu cầu bồi thường, dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Ban Điều hành tin tưởng dự phòng IBNR đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ.

Dự phòng dao động lớn

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định tại Thông tư 50, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 1% phí bảo hiểm giữ lại trong năm.

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được trích lập theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng phí

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, dự phòng phí được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại.

Dự phòng bồi thường

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR"), dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng dự phòng IBNR đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại trong năm và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau:

(1) Hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm;

(2) Bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên bán bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm

a) Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

b) Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như doanh thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm, doanh thu bán bất động sản đầu tư, cho thuê nhà, lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu và cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

Tổng Công ty phân bổ thu nhập từ hoạt động đầu tư sử dụng nguồn vốn dự phòng nghiệp vụ cho hoạt động bảo hiểm theo các nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí chung liên quan đến quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 7034/BTC-QLBH ngày 14 tháng 6 năm 2018. Trong năm, thu nhập từ việc đầu tư sử dụng nguồn vốn dự phòng nghiệp vụ được Tổng Công ty phân bổ cho doanh thu hoạt động bảo hiểm là 168,18 tỷ VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 146,69 tỷ VND).

Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư 50 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định khoản chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Tổng Công ty phân bổ chi phí dùng chung cho hoạt động đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong năm. Nguyên tắc phân bổ này đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 7034/BTC-QLBH ngày 14 tháng 6 năm 2018. Trong năm, chi phí dùng chung được Tổng Công ty phân bổ cho hoạt động đầu tư là 5,8 tỷ VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 7,7 tỷ VND).

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.291.877.651	6.724.197.319
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	115.590.694.901	145.319.890.355
Tiền đang chuyển	21.840.173.753	464.500.000
Các khoản tương đương tiền (i)	100.000.000.000	-
	239.722.746.305	**152.508.587.674**

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và hưởng mức lãi suất 6,0%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
			VND			VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	**-**	**-**	**-**	**14.236.657.070**	**15.492.750.000**	**(26.695.000)**
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	-	14.236.657.070	15.492.750.000	(26.695.000)
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPB)	-	-	-	*5.384.064.000*	*5.575.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (DPR)	-	-	-	*4.093.991.790*	*4.110.750.000*	-
+ Khác	-	-	-	*4.758.601.280*	*5.807.000.000*	*(26.695.000)*
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**4.128.495.414.695**	**4.121.151.414.695**	**(7.344.000.000)**	**4.578.935.418.843**	**4.571.591.418.843**	**(7.344.000.000)**
Ngắn hạn	**3.855.151.414.695**	**3.855.151.414.695**	**-**	**3.892.630.907.515**	**3.892.630.907.515**	**-**
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.189.142.787.645	3.189.142.787.645	-	3.792.630.907.515	3.792.630.907.515	-
- Trái phiếu (ii)	415.823.182.550	415.823.182.550	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-
- Chứng chỉ tiền gửi (iii)	250.185.444.500	250.185.444.500	-	-	-	-
Dài hạn	**273.344.000.000**	**266.000.000.000**	**(7.344.000.000)**	**686.304.511.328**	**678.960.511.328**	**(7.344.000.000)**
- Tiền gửi có kỳ hạn (iv)	54.000.000.000	54.000.000.000	-	291.726.211.328	291.726.211.328	-
- Trái phiếu (v)	212.000.000.000	212.000.000.000	-	387.234.300.000	387.234.300.000	-
- Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	7.344.000.000	-	(7.344.000.000)	7.344.000.000	-	(7.344.000.000)
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**30.129.400.000**	**21.196.956.846**	**(13.850.453.615)**	**30.129.400.000**	**24.218.632.479**	**(7.625.035.338)**
+ Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15.000.000.000	1.149.546.385	(13.850.453.615)	15.000.000.000	7.374.964.662	(7.625.035.338)
+ Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2.940.000.000	2.940.000.000	-	2.940.000.000	3.020.991.491	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5.699.400.000	9.403.075.254	-	5.699.400.000	6.111.011.082	-
+ Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5.800.000.000	6.906.395.883	-	5.800.000.000	6.906.395.883	-
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65.000.000	65.000.000	-	65.000.000	65.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	732.939.324	-	625.000.000	740.269.361	-

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng trong nước với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính với lãi suất trong khoảng 4,4 – 11,6%/năm.

(ii) Thể hiện các khoản đầu tư trái phiếu có thời hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cụ thể như sau:
- 1.500.000 trái phiếu do Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa phát hành, mệnh giá 150.000.000.000 VND, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2021, lãi suất 10,22%/năm. Trái phiếu này sẽ được bán lại cho đối tác trong năm 2023 theo thỏa thuận đã được ký kết.
- 950.000 trái phiếu do Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành, mệnh giá 95.000.000.000 VND, kỳ hạn 3 năm kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2020, lãi suất 9%/năm.
- 80 trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công phát hành, mệnh giá 80.000.000.000 VND, kỳ hạn 02 năm kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2021, lãi suất 10,5%/năm.
- 540.000 trái phiếu do Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành, mệnh giá 54.000.000.000 VND, kỳ hạn 3 năm kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2020, lãi suất 9%/năm.
- 337.343 phiếu nhỏ lẻ khác do các doanh nghiệp kinh tế trong nước phát hành, với mệnh giá 33.734.300.000 VND, lãi suất trong khoảng 10,5 - 11,8%/năm.

(iii) Thể hiện các chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính với lãi suất 4,4%/năm.

(iv) Thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính với lãi suất trong khoảng 5,1 - 5,7%/năm.

(v) Thể hiện các khoản đầu tư trái phiếu có thời hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cụ thể như sau:
- 250.000 trái phiếu do Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc phát hành, mệnh giá 25.000.000.000 VND, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2021. Lãi suất thả nổi theo quy định của hợp đồng.
- 1.000 trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 phát hành, mệnh giá 100.000.000.000 VND, kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2022. Lãi suất thả nổi theo quy định của hợp đồng.
- 37 trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, mệnh giá 37.000.000.000 VND, kỳ hạn 08 năm kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2022, lãi suất 6,48%/năm.
- 50 trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành, mệnh giá 50.000.000.000 VND, kỳ hạn 08 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2022, lãi suất 7,325%/năm.

Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang (Lanexang)	20.152.200.000	10.255.293.908	20.152.200.000	10.101.972.509
Công ty Cổ phần Kasati (Kasati)	14.292.700.000	15.506.173.292	14.292.700.000	14.199.435.506
	34.444.900.000	**25.761.467.200**	**34.444.900.000**	**24.301.408.015**

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	Kasati	Lanexang	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	**14.199.435.506**	**10.101.972.509**	**24.301.408.015**
Lãi từ hoạt động kinh doanh	2.147.409.371	153.321.399	2.300.730.770
Phân phối quỹ	(51.916.618)	-	(51.916.618)
Cổ tức nhận trong năm	(786.126.880)	-	(786.126.880)
Điều chỉnh khác	(2.628.087)		(2.628.087)
Số dư cuối năm	**15.506.173.292**	**10.255.293.908**	**25.761.467.200**

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang (Lanexang)	Hoạt động kinh doanh lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty Cổ phần Kasati (Kasati)	Hoạt động kinh doanh lãi	Hoạt động kinh doanh lãi

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	299.791.764.878	330.775.955.361
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	*165.449.125.430*	*175.402.149.576*
- Phải thu của đại lý, nhà môi giới bảo hiểm	*102.070.835.811*	*116.239.022.015*
- Phải thu nhà đồng bảo hiểm về phí bảo hiểm gốc	*32.267.165.201*	*39.130.145.334*
- Phải thu khác về hoạt động bảo hiểm gốc	*4.638.436*	*4.638.436*
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	40.241.446.669	46.490.743.163
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	224.955.076.845	127.760.079.441
	564.988.288.392	**505.026.777.965**
b) Phải thu khác của khách hàng	**-**	**3.190.208.000**
	564.988.288.392	**508.216.985.965**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	138.929.183.610	123.625.392.746
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	1.107.372.514	2.145.266.420
Trả trước cho nhà cung cấp khác	35.283.201.162	35.140.343.803
	175.319.757.286	**160.911.002.969**

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác		
Lãi dự thu hoạt động tài chính, cổ tức	214.846.575.437	224.942.701.464
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Tuệ - Dự án biệt thự Đà Lạt (i)	55.514.920.773	55.514.920.773
Tạm ứng hoa hồng đại lý	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản phải thu khác	12.153.236.253	8.039.157.189
Tạm ứng kinh doanh	10.822.380.983	15.237.725.009
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.639.976.042	8.292.280.330
	320.977.089.488	**330.026.784.765**
b) Phải thu dài hạn khác		
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	16.393.554.269	18.089.886.286
	16.393.554.269	**18.089.886.286**

(i) Thể hiện khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Dự án biệt thự Đà Lạt để xây khu du lịch tại Hồ Tuyền Lâm do Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Tuệ làm chủ đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản phải thu này đã được trích lập dự phòng 100%.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
			VND			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	**281.666.557.220**	**(122.876.922.977)**	**158.789.634.243**	**344.543.435.561**	**(111.333.818.520)**	**233.209.617.041**
+ Phải thu bảo hiểm gốc	189.883.617.956	(31.093.983.713)	158.789.634.243	260.060.496.298	(31.313.543.489)	228.746.952.809
+ Phải thu tái bảo hiểm	5.121.738.717	(5.121.738.717)	-	2.706.938.219	(2.706.938.219)	-
+ Phải thu từ hoạt động đầu tư	63.694.920.774	(63.694.920.774)	-	55.514.920.773	(51.052.256.541)	4.462.664.232
+ Phải thu khác	22.966.279.773	(22.966.279.773)	-	26.261.080.271	(26.261.080.271)	-

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	416.369.417.375	390.719.147.172
Chi phí kinh doanh chờ phân bổ (i)	282.080.871.517	254.774.661.621
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	209.722.400	216.391.600
	698.660.011.292	**645.710.200.393**
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.151.230.608	5.615.637.228
Chi phí thuê văn phòng	4.035.683.247	5.895.718.621
Chi phí phát triển đại lý	1.270.709.515	1.260.582.489
Các khoản chi phí khác	11.582.287.879	25.691.426.818
	25.039.911.249	**38.463.365.156**

(i) Thể hiện khoản phí kinh doanh phát sinh từ nghiệp vụ Bảo hiểm bảo an tín dụng và một số nghiệp vụ khác chưa phân bổ trong năm. Chi phí kinh doanh này được ghi nhận và phân bổ tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng theo từng loại hình nghiệp vụ bảo hiểm tương ứng.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	21.995.579.410	49.323.264.864	126.555.753.125	197.874.597.399
Mua sắm mới	-	2.424.134.647	4.244.871.773	6.669.006.420
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	80.283.115.773	-	2.436.666.969	82.719.782.742
Chuyển từ bất động sản đầu tư	218.040.372.852	-	-	218.040.372.852
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.411.082.635)	(4.555.705.855)	(7.966.788.490)
Số dư cuối năm	**320.319.068.035**	**48.336.316.876**	**128.681.586.012**	**497.336.970.923**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	4.709.784.094	32.835.611.908	75.152.187.339	112.697.583.341
Khấu hao trong năm	6.486.680.061	6.874.727.308	9.156.593.002	22.518.000.371
Chuyển từ bất động sản đầu tư	4.758.817.657	-	-	4.758.817.657
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.299.617.363)	(4.555.705.855)	(7.855.323.218)
Số dư cuối năm	**15.955.281.812**	**36.410.721.853**	**79.753.074.486**	**132.119.078.151**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	**17.285.795.316**	**16.250.382.956**	**51.640.835.786**	**85.177.014.058**
Tại ngày cuối năm	**304.363.786.223**	**11.688.325.023**	**49.165.781.526**	**365.217.892.772**

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do chuyển từ bất động sản đầu tư là giá trị tòa nhà 95 Trần Thái Tông và các tài sản đi kèm từ việc cho thuê thành Trụ sở chính của Tổng Công ty từ 01 tháng 01 năm 2022.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 60.516.829.760 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 55.674.563.192 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	19.181.218.618	19.504.384.686	38.685.603.304
Tăng trong năm	-	2.944.356.834	2.944.356.834
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.697.783.533)	(4.697.783.533)
Số dư cuối năm	**19.181.218.618**	**17.750.957.987**	**36.932.176.605**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	13.726.063.993	13.726.063.993
Khấu hao trong năm	-	3.528.127.370	3.528.127.370
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.508.719.309)	(4.508.719.309)
Số dư cuối năm	**-**	**12.745.472.054**	**12.745.472.054**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**19.181.218.618**	**5.778.320.693**	**24.959.539.311**
Tại ngày cuối năm	**19.181.218.618**	**5.005.485.933**	**24.186.704.551**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 7.325.449.153 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.660.382.686 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	346.058.942.494
Tăng trong năm	4.459.000.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(218.040.372.852)
Số dư cuối năm	**132.477.569.642**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	21.339.211.235
Trích khấu hao trong năm	2.859.969.366
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.758.817.657)
Số dư cuối năm	**19.440.362.944**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	**324.719.731.259**
Tại ngày cuối năm	**113.037.206.698**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Mộc Châu	38.682.911.412	-
Dự án Apex Tower	9.119.679.171	9.119.679.171
Trụ sở PTI Nghệ An	8.383.222.540	8.321.600.000
Khác	225.000.000	2.163.430.508
	56.410.813.123	**19.604.709.679**

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	170.105.102.804	170.105.102.804	172.946.212.173	172.946.212.173
- Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	*67.282.300.068*	*67.282.300.068*	*54.349.619.247*	*54.349.619.247*
- Phải trả về hoa hồng, môi giới bảo hiểm gốc	*94.963.134.880*	*94.963.134.880*	*112.710.325.251*	*112.710.325.251*
- Phải thu khác về hoạt động bảo hiểm gốc	*7.859.667.856*	*7.859.667.856*	*5.886.267.675*	*5.886.267.675*
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	301.687.461.017	301.687.461.017	317.085.177.202	317.085.177.202
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	35.956.804.193	35.956.804.193	25.408.001.984	25.408.001.984
Phải trả cho nhà cung cấp khác	6.056.801.036	6.056.801.036	23.244.926.920	23.244.926.920
	513.806.169.050	**513.806.169.050**	**538.684.318.279**	**538.684.318.279**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng hóa dịch vụ bán nội địa	-	30.776.883.277	223.797.317.460	230.652.263.991	126.281.157	24.048.217.903
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	31.867.284.111	3.872.361.407	57.474.844.751	21.735.199.233	-
Thuế thu nhập cá nhân	693.567.013	10.521.081.885	64.494.285.119	66.832.459.255	914.748.756	8.404.089.492
Thuế, phí phải nộp khác	8.303.303	1.286.483.990	1.590.060.869	2.802.874.315	3.515.861	68.883.102
	701.870.316	**74.451.733.263**	**293.754.024.855**	**357.762.442.312**	**22.779.745.007**	**32.521.190.497**

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	214.929.260.307	133.411.668.563
Doanh thu nhận trước từ hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	-	20.700.001
	214.929.260.307	**133.432.368.564**

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
Số dư đầu năm	345.133.359.458	353.365.193.200
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	495.402.481.295	578.185.454.133
Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(542.541.404.555)	(586.417.287.875)
Số dư cuối năm	**297.994.436.198**	**345.133.359.458**
b) Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	259.090.908	249.894.318
Kinh phí công đoàn	15.842.245.143	6.691.240.294
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.847.204.282	10.778.175.549
Thuế nhà thầu tạm giữ	357.677.118	185.610.396
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	12.293.701.572	17.982.670.765
Thu phí bảo hiểm chưa đối chiếu	22.260.953.450	30.532.118.496
Các khoản phải trả, phải nộp khác	45.255.442.697	40.908.665.505
	106.166.315.170	**107.378.375.323**
c) Phải trả khác dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.898.381.843	2.390.697.343
	1.898.381.843	**2.390.697.343**

20. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
1. Dự phòng phí chưa được hưởng	**3.631.789.735.305**	**1.012.892.798.778**	**2.618.896.936.527**	**3.366.993.634.760**	**1.065.833.353.023**	**2.301.160.281.737**
2. Dự phòng bồi thường	**1.515.268.210.444**	**641.505.705.080**	**873.762.505.364**	**1.450.296.486.631**	**635.034.524.457**	**815.261.962.174**
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1.379.882.074.318	606.485.518.814	773.396.555.504	1.321.665.718.525	597.554.745.600	724.110.972.925
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	135.386.136.126	35.020.186.266	100.365.949.860	128.630.768.106	37.479.778.857	91.150.989.249
Cộng	**5.147.057.945.749**	**1.654.398.503.858**	**3.492.659.441.891**	**4.817.290.121.391**	**1.700.867.877.480**	**3.116.422.243.911**

Trong đó chi tiết:

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm thuần	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	3.366.993.634.760	1.065.833.353.023	2.301.160.281.737	3.126.304.107.134	894.555.566.300	2.231.748.540.834
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	264.796.100.545	(52.940.554.245)	317.736.654.790	240.689.527.626	171.277.786.723	69.411.740.903
Số dư cuối năm	**3.631.789.735.305**	**1.012.892.798.778**	**2.618.896.936.527**	**3.366.993.634.760**	**1.065.833.353.023**	**2.301.160.281.737**

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm thuần	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
2. Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1.450.296.486.631	635.034.524.457	815.261.962.174	1.203.186.839.531	521.255.463.634	681.931.375.897
Số trích lập trong năm	64.971.723.813	6.471.180.623	58.500.543.190	247.109.647.100	113.779.060.823	133.330.586.277
Số dư cuối năm	**1.515.268.210.444**	**641.505.705.080**	**873.762.505.364**	**1.450.296.486.631**	**635.034.524.457**	**815.261.962.174**

Dự phòng dao động lớn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số dư đầu năm	**84.619.998.021**	**42.506.326.441**
Số trích lập thêm trong năm	46.950.523.327	42.113.671.580
Số dư cuối năm	**131.570.521.348**	**84.619.998.021**

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**803.957.090.000**	**827.943.052.804**	**23.517.729.849**	**67.912.037.589**	**294.419.361.506**	**3.403.565.045**	**2.021.152.836.793**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	257.367.260.979	115.483.501	257.482.744.480
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.501.915.816	12.483.671.411	(14.985.587.227)	-	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(5.003.831.631)	-	(5.003.831.631)
Chi thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.501.915.817)	-	(2.501.915.817)
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(5.003.831.631)	-	(5.003.831.631)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(80.395.709.000)	-	(80.395.709.000)
Giảm do Công ty liên kết phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(111.051.995)	-	(111.051.995)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(5.396.312.701)	6.276	(5.396.306.425)
Số dư đầu năm nay	**803.957.090.000**	**827.943.052.804**	**26.019.645.665**	**80.395.709.000**	**438.388.382.483**	**3.519.054.822**	**2.180.222.934.774**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(347.394.511.589)	18.296.530	(347.376.215.059)
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (i)	-	-	2.622.472.490	-	(2.622.472.490)	-	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng (i)	-	-	-	-	(5.244.944.980)	-	(5.244.944.980)
Chi thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	-	(5.334.834.939)	-	(5.334.834.939)
Trích thưởng Ban lãnh đạo (i)	-	-	-	-	(10.669.669.879)	-	(10.669.669.879)
Giảm do Công ty liên kết phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(51.916.618)	-	(51.916.618)
Thay đổi do góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	(395.758.118)	395.758.118	-
Giảm khác	-	-	-	-	(2.628.087)	-	(2.628.087)
Số dư cuối năm nay	**803.957.090.000**	**827.943.052.804**	**28.642.118.155**	**80.395.709.000**	**66.671.645.783**	**3.933.109.470**	**1.811.542.725.212**

(i) Tổng Công ty thực hiện trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 44/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Số cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
b) Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
c) Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Chi tiết cổ đông và tỷ lệ nắm giữ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu	30.000.000	37,32	30.000.000	37,32
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	13.216.055	16,44	13.216.055	16,44
Vũ Thị Thư	7.950.000	9,89	7.950.000	9,89
Hoàng Thị Minh Phương	7.950.000	9,89	7.950.000	9,89
Cổ đông khác	21.279.654	26,46	21.279.654	26,46
	80.395.709	**100**	**80.395.709**	**100**

Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức chưa trả đầu năm	**10.778.175.549**	**10.309.046.235**
Chia cổ tức trong năm	-	80.395.709.000
Cổ tức đã trả trong năm	(930.971.267)	(79.926.579.686)
Cổ tức chưa trả cuối năm	**9.847.204.282**	**10.778.175.549**

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được xây dựng theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

1 - Bộ phận Kinh doanh bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

2 - Bộ phận khác: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực cho thuê bất động sản đầu tư, đầu tư bất động sản và các hoạt động khác.

Việc ra các quyết định quản lý của Tổng Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tổng Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Tổng Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy, báo cáo chính yếu của Tổng Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin về Kết quả kinh doanh theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	Lĩnh vực kinh doanh khác	Tổng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.152.967.384.633	13.643.402.370	5.166.610.787.003
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(443.802.484.479)	(3.673.171.653)	(447.475.656.132)
3. Doanh thu hoạt động tài chính	147.568.342.894	8.462.650.873	156.030.993.767
4. Chi phí hoạt động tài chính	(55.531.464.135)	-	(55.531.464.135)
5. Phần lãi trong công ty liên kết	2.300.730.770	-	2.300.730.770
6. Thu nhập khác	5.889.363.905	-	5.889.363.905
7.Chi phí khác	(4.787.746.782)	-	(4.787.746.782)
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.872.361.407)
9. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			69.924.955
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(347.376.215.059)

Thông tin về Tài sản/ Nợ phải trả theo bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	Lĩnh vực kinh doanh khác	Loại trừ	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	8.120.580.092.704	279.894.909.551	(25.590.347.222)	8.374.884.655.033
Nợ phải trả bộ phận	6.562.831.058.448	26.101.218.595	(25.590.347.222)	6.563.341.929.821

Thông tin về Kết quả kinh doanh theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	Lĩnh vực kinh doanh khác	Tổng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.963.702.478.265	39.664.063.873	5.003.366.542.138
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	160.629.813.356	18.165.941.517	178.795.754.873
3. Doanh thu hoạt động tài chính	186.019.635.366	3.470.127.653	189.489.763.019
4. Chi phí hoạt động tài chính	(37.093.385.293)	-	(37.093.385.293)
5. Phần (lỗ) trong công ty liên kết	(6.718.569.678)	-	(6.718.569.678)
6. Thu nhập khác	3.994.315.067	-	3.994.315.067
7.Chi phí khác	(463.737.260)	-	(463.737.260)
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(70.991.890.393)
9. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			470.494.145
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			257.482.744.480

Thông tin về Tài sản/ Nợ phải trả theo bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	Lĩnh vực kinh doanh khác	Loại trừ	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	8.183.227.015.603	407.122.893.222	(25.590.347.222)	8.564.759.561.603
Nợ phải trả bộ phận	6.383.975.616.925	26.151.357.126	(25.590.347.222)	6.384.536.626.829

23. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí bảo hiểm gốc	**6.265.961.552.698**	**5.836.199.674.337**
Bảo hiểm xe cơ giới	2.759.330.559.290	2.498.303.672.747
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người khác	1.745.706.634.315	1.408.778.172.747
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	623.021.192.709	648.205.278.078
Bảo hiểm bảo an tín dụng	423.913.700.381	654.070.207.620
Bảo hiểm cháy nổ	365.859.435.848	289.218.985.598
Bảo hiểm hàng hóa	144.977.530.069	148.463.261.924
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	107.610.643.822	115.196.197.599
Bảo hiểm trách nhiệm chung	64.269.158.647	54.923.092.060
Bảo hiểm hàng không	13.698.947.087	16.259.741.321
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	17.187.573.454	2.622.670.712
Bảo hiểm nông nghiệp	386.177.076	158.393.931
Phí nhận tái bảo hiểm	**104.456.023.302**	**108.719.404.440**
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	90.027.904.144	93.461.109.473
Bảo hiểm hàng hóa	5.310.554.371	5.556.568.018
Bảo hiểm xe cơ giới	1.846.102.543	1.425.447.131
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	3.784.653.614	2.994.794.781
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người khác	786.986.094	1.715.761.384
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1.570.009.452	1.527.684.262
Bảo hiểm cháy nổ	1.045.097.711	1.928.543.500
Bảo hiểm nông nghiệp	84.715.373	109.495.891
(Tăng) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	**(264.796.100.545)**	**(240.689.527.626)**
	6.105.621.475.455	**5.704.229.551.151**

24. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	**1.675.365.243.315**	**1.733.551.920.761**
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người	650.109.028.612	571.662.772.576
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	411.641.310.046	434.677.727.556
Bảo hiểm cháy nổ	379.993.226.295	326.440.657.599
Bảo hiểm bảo an tín dụng	110.827.271.800	272.908.714.915
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	39.181.702.190	48.863.903.699
Bảo hiểm hàng hóa	59.652.315.172	57.883.984.469
Bảo hiểm trách nhiệm chung	14.568.180.583	9.805.015.275
Bảo hiểm hàng không	8.198.870.732	11.060.962.856
Bảo hiểm xe cơ giới	547.251.710	248.181.816
Bảo hiểm nông nghiệp	646.086.175	-
Giảm/(tăng) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	**52.940.554.245**	**(171.277.786.723)**
	1.728.305.797.560	**1.562.274.134.038**

25. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng chi bồi thường	**2.930.580.025.754**	**2.167.860.066.789**
Bảo hiểm xe cơ giới	1.413.933.804.617	1.084.111.070.180
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người	1.049.175.304.774	723.042.989.054
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	256.607.770.233	147.969.760.440
Bảo hiểm hàng hóa	41.100.718.258	45.800.340.785
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	60.879.716.422	95.285.067.787
Bảo hiểm cháy nổ	94.721.362.542	57.503.274.238
Bảo hiểm trách nhiệm chung	14.161.348.908	4.821.412.030
Bảo hiểm hàng không	-	9.326.152.275
Các khoản thu giảm chi	**(29.296.386.138)**	**(13.707.941.755)**
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	**(697.502.010.599)**	**(515.151.160.071)**
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	**64.971.723.813**	**247.109.647.100**
(Tăng) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	**(6.471.180.623)**	**(113.779.060.823)**
	2.262.282.172.207	**1.772.331.551.240**

26. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí trực tiếp bộ phận khai thác bảo hiểm	1.320.033.428.168	1.429.544.898.410
Chi hoa hồng bảo hiểm	658.150.628.466	658.480.727.819
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	589.731.489.870	531.407.665.840
Chi quảng cáo, tiếp thị	372.838.169.415	22.983.117.255
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	16.625.871.253	17.394.403.512
Chi các quỹ bảo hiểm	6.420.322.300	8.017.982.373
Chi phí khác	80.373.756.476	75.919.724.120
	3.044.173.665.948	**2.743.748.519.329**

27. DOANH THU KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cho thuê bất động sản đầu tư	9.125.910.370	27.630.617.327
Bán bất động sản đầu tư	4.517.492.000	12.033.446.546
	13.643.402.370	**39.664.063.873**

28. GIÁ VỐN BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cho thuê bất động sản đầu tư	5.118.035.372	8.958.248.534
Bán bất động sản đầu tư	2.650.000.000	11.537.866.199
	7.768.035.372	**20.496.114.733**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	113.581.116.157	130.936.816.137
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	158.503.767	156.188.191
Lãi kinh doanh chứng khoán	3.669.957.461	19.155.864.197
Cổ tức, lợi nhuận được chia	157.750.000	2.367.414.720
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.473.541.143	3.938.840.177
Lãi mua bán trái phiếu, đầu tư dài hạn	34.159.249.915	32.894.339.486
Chi phí tài chính khác	830.875.324	40.300.111
	156.030.993.767	**189.489.763.019**

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.847.289.553	8.743.826.504
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.963.074.810	4.768.389.155
Lỗ kinh doanh chứng khoán	22.399.253.731	21.867.090.166
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.198.723.277	1.652.326.593
Chi phí khác	1.123.122.765	61.752.875
	55.531.464.135	**37.093.385.293**

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	140.937.124.645	140.092.171.533
Chi phí dụng cụ quản lý	3.986.679.660	9.187.971.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.947.663.046	10.356.020.481
Thuế, phí và lệ phí	2.942.777.248	2.649.024.114
Trích lập chi phí dự phòng	12.220.651.405	12.125.859.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.905.834.880	29.356.860.886
Chi phí khác	46.971.315.398	42.113.022.350
	252.912.046.281	**245.880.930.383**

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG, SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.033.372.933.314	3.128.648.843.739
Chi phí nhân viên	714.177.568.090	935.309.893.529
Chi phí văn phòng	48.722.601.590	57.576.261.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.906.097.107	18.942.814.219
Trích lập chi phí dự phòng	52.793.834.293	54.026.125.844
Thuế, phí và lệ phí	12.220.651.405	12.125.859.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.561.664.191	146.044.646.102
Chi phí khác bằng tiền	566.331.093.146	471.896.343.392
	5.614.086.443.135	**4.824.570.787.265**

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	**(343.573.778.607)**	**328.004.140.728**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Thu nhập chịu thuế bổ sung	**259.024.210**	**16.289.756.082**
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	**6.503.765.367**	**2.367.414.720**
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*943.876.880*	*2.367.414.720*
- Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư không được trừ	*5.559.888.487*	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	**369.180.326.799**	**13.032.969.873**
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ VND	*1.146.729.992*	*1.060.364.378*
- Chi phí không được khấu trừ khác	*364.402.366.857*	*7.822.359.850*
- Ảnh hưởng của bút toán điều chỉnh hợp nhất	*3.631.229.950*	*4.150.245.645*
Thu nhập chịu thuế	**19.361.807.036**	**354.959.451.963**
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**3.872.361.407**	**70.991.890.393**

34. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**(347.394.511.589)**	**257.367.260.979**
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	(21.249.449.798)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	*(5.244.944.980)*
- Chi thù lao HĐQT, BKS	-	*(5.334.834.939)*
- Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo	-	*(10.669.669.879)*
(Lỗ)/Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(347.394.511.589)**	**236.117.811.181**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	80.395.709	80.395.709
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(4.321)**	**2.937**

Tổng Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng khách hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bằng 2% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 44/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại như sau:

	Năm trước (Trình bày lại) VND	Năm trước (Đã báo cáo) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**257.367.260.979**	**257.367.260.979**
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(21.249.449.798)	(12.868.363.050)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Trích quỹ khen thưởng khách hàng	*(5.244.944.980)*	*(5.147.345.220)*
- Chi thù lao HĐQT, BKS	*(5.334.834.939)*	*(2.573.672.610)*
- Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo	*(10.669.669.879)*	*(5.147.345.220)*
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**236.117.811.181**	**244.498.897.929**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	80.395.709	80.395.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.937**	**3.041**

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty như sau:

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.390.763.353.396	1.173.763.083.171	118%
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.788.355.802.737	1.052.841.789.504	170%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	239.722.746.305	239.722.746.305	152.508.587.674	152.508.587.674
Phải thu khách hàng và phải thu khác	795.229.628.189	795.229.628.189	728.332.113.487	728.332.113.487
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.855.151.414.695	3.855.151.414.695	3.906.867.564.585	3.908.123.657.515
Đầu tư tài chính dài hạn	282.278.946.385	287.196.956.846	701.464.875.990	703.179.143.807
	5.172.382.735.574	**5.177.300.746.035**	**5.489.173.141.736**	**5.492.143.502.483**
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	583.508.576.562	583.508.576.562	610.980.137.837	610.980.137.837
Chi phí phải trả	41.072.102.565	41.072.102.565	17.454.785.143	17.454.785.143
	624.580.679.127	**624.580.679.127**	**628.434.922.980**	**628.434.922.980**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Tổng Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản ngắn hạn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn hoặc không xác định.

- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản phải thu khách hàng. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các khách hàng đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	239.722.746.305	-	239.722.746.305
Phải thu khách hàng và phải thu khác	786.836.073.920	8.393.554.269	795.229.628.189
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.855.151.414.695	-	3.855.151.414.695
Đầu tư tài chính dài hạn	-	282.278.946.385	282.278.946.385
	4.881.710.234.920	**290.672.500.654**	**5.172.382.735.574**
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	581.610.194.719	1.898.381.843	583.508.576.562
Chi phí phải trả	41.072.102.565	-	41.072.102.565
	622.682.297.284	**1.898.381.843**	**624.580.679.127**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**4.259.027.937.636**	**288.774.118.811**	**4.547.802.056.447**

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.508.587.674	-	152.508.587.674
Phải thu khách hàng và phải thu khác	718.242.227.201	10.089.886.286	728.332.113.487
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.906.867.564.585	-	3.906.867.564.585
Đầu tư tài chính dài hạn	-	701.464.875.990	701.464.875.990
	4.777.618.379.460	**711.554.762.276**	**5.489.173.141.736**
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	608.589.440.494	2.390.697.343	610.980.137.837
Chi phí phải trả	17.454.785.143	-	17.454.785.143
	626.044.225.637	**2.390.697.343**	**628.434.922.980**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**4.151.574.153.823**	**709.164.064.933**	**4.860.738.218.756**

Ban Điều hành đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Điều hành tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm, Tổng Công ty đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, Tổng Công ty đã thực hiện đa dạng hóa các loại hình nghiệp vụ, sản phẩm bảo hiểm cũng như các khu vực khai thác khác nhau để giảm thiểu rủi ro tích tụ bảo hiểm. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng áp dụng các tiêu chí khác nhau trong việc lựa chọn rủi ro, thực hiện nhiều biện pháp khác nhau trong việc đánh giá rủi ro để xây dựng mức phí phù hợp. Tổng Công ty không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ trục lợi cao.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã xác định lại tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên thống kê về tổn thất trong quá khứ và dự báo xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh ngành và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Với các nhóm rủi ro có tỷ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Tổng Công ty chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn lại phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường;

- Với các nhóm rủi ro có tỷ lệ tổn thất tăng nhưng vẫn ở trong mức chấp nhận và vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Tổng Công ty chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, đồng thời tận dụng được luồng tiền thu được từ phí bảo hiểm để phục vụ cho hoạt động đầu tư.

Tổng Công ty cũng thực hiện một cách triệt để, chặt chẽ các biện pháp để chuyển giao rủi ro bảo hiểm với các công ty bảo hiểm khác nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra nhưng cũng đảm bảo mục tiêu hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm thông qua xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm và đồng bảo hiểm một cách hợp lý.

Tổng Công ty luôn thực hiện chủ trương đẩy nhanh tốc độ giám định tổn thất và giải quyết bồi thường để hạn chế tối đa các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định bồi thường như: rủi ro tỷ giá, rủi ro lạm phát, rủi ro tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức,... Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường tại Tổng Công ty được thực hiện theo 02 cấp độ khác nhau phụ thuộc vào mức độ phức tạp và tính chất của tổn thất:

- Đối với những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp được giám định tổn thất và xử lý bồi thường tập trung tại văn phòng Tổng Công ty;

- Đối với những vụ tổn thất nhỏ mà các công ty thành viên đã có kinh nghiệm, có đủ nguồn lực để thực hiện sẽ được xử lý tại các công ty thành viên.

36. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Công ty con
Công ty Cổ phần Kasati	Công ty liên kết
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA	Công ty có cùng thành viên chủ chốt

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu tái bảo hiểm		
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu	1.517.658.296	574.529.544
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang	-	1.121.270.779
	1.517.658.296	**1.695.800.323**
Phải trả tái bảo hiểm		
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu	10.063.614.655	2.291.450.573
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang	-	6.163.563.645
	10.063.614.655	**8.455.014.218**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang		
Nhượng tái bảo hiểm		
Phí nhượng tái bảo hiểm	13.910.198.109	34.010.476.373
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	14.233.777.744	23.811.634.776
Thu khác kinh doanh bảo hiểm	5.095.573.297	5.778.085.157
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	64.477.654	3.479.474.896
Nhận tái bảo hiểm		
Phí nhận tái bảo hiểm	14.381.748.839	21.349.507.824
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	3.098.701.501	4.270.321.443
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	640.623.362	1.362.637.925
Công ty Cổ phần Kasati		
Cổ tức ghi nhận trong năm	786.126.880	1.084.753.000
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu		
Phí nhượng tái bảo hiểm	19.966.752.233	15.540.650.522
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	6.444.482.480	4.855.964.521
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	2.507.527.203	2.604.200.364
Cổ tức năm trước được hưởng	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect		
Cổ tức năm trước được hưởng	-	13.216.055.000

Thu nhập của Ban Điều hành và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập Ban Điều hành	18.145.813.629	20.806.627.302
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	2.276.472.490	2.315.242.285
	20.422.286.119	**23.121.869.587**

Lê Trọng Hiệp	**Lê Xuân Bách**	**Nguyễn Kim Lân**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	9 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	12 - 13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	14 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022) Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022 đến ngày 10 tháng 3 năm 2022)
Bà Nguyễn Hồ Nga	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2022, miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022) Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2022)
Ông Kim Kang Wook	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hoàng Hà	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Ko Young Joo	Thành viên
Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Minh	Thành viên
Ông Park Ki Hyun	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Bà Vũ Nam Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022)
Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022)
Ông Bùi Xuân Thu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022)
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2022)
Ông Ha Chan Ho	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2023) Thành viên (đến ngày 07 tháng 02 năm 2023)
Ông Bùi Văn Tới	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022, miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2023)
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên
Ông Park Han Woong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Lee Tae Hun	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Bae Taeg Soo	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Park Ki Hyun	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Kim Lân	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 10 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Bùi Xuân Thu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 10 năm 2022)
Bà Lưu Phương Lan	Giám đốc Điều hành (bổ nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Điêu Ngọc Tuấn	Giám đốc Điều hành (bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2022)
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Đoàn Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Nghiêm Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Hoàng Mạnh Huyên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022, miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Đỗ Phúc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022, miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Vũ Chí Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022, miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2022)
Ông Cao Bá Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022, miễn nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

Nguyễn Kim Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 0760 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng.
Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM - Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

Nguyễn Khương Duy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5063-2020-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 3 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)**	**100**		**7.372.403.393.738**	**7.302.507.743.231**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**239.693.397.353**	**151.424.045.640**
1.	Tiền	111		139.693.397.353	151.424.045.640
2.	Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**6**	**3.794.418.742.145**	**3.900.840.869.585**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	14.236.657.070
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.794.418.742.145	3.886.630.907.515
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(26.695.000)
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**942.787.957.074**	**876.020.440.187**
1.	Phải thu của khách hàng	131		564.988.288.392	505.026.777.965
1.1.	*Phải thu về hợp đồng bảo hiểm*	*131.1*	*7*	*564.988.288.392*	*505.026.777.965*
2.	Trả trước cho người bán	132	8	175.319.757.286	156.411.002.969
3.	Các khoản phải thu khác	135	9	295.007.808.261	302.867.451.661
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(92.527.896.865)	(88.284.792.408)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**1.524.510.711**	**1.861.097.801**
1.	Hàng tồn kho	141		1.524.510.711	1.861.097.801
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**739.580.282.597**	**671.493.412.538**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	698.660.011.292	645.710.200.393
1.1.	*Chi phí hoa hồng chưa phân bổ*	*151.1*		*416.369.417.375*	*390.719.147.172*
1.2.	*Chi phí trả trước ngắn hạn khác*	*151.2*		*282.290.593.917*	*254.991.053.221*
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.140.526.298	25.081.341.829
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	16	22.779.745.007	701.870.316
VI.	**Tài sản tái bảo hiểm**	**190**	**19**	**1.654.398.503.858**	**1.700.867.877.480**
1.	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		1.012.892.798.778	1.065.833.353.023
2.	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		641.505.705.080	635.034.524.457
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)**	**200**		**1.005.673.281.446**	**1.261.707.925.343**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**16.383.554.269**	**18.079.886.286**
1.	Phải thu dài hạn khác	218		16.383.554.269	18.079.886.286
1.1.	*Ký quỹ bảo hiểm*	*218.1*		*8.000.000.000*	*8.000.000.000*
1.2.	*Phải thu dài hạn khác*	*218.2*		*8.383.554.269*	*10.079.886.286*
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**398.012.819.863**	**119.944.036.929**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	365.217.892.772	85.177.014.058
	Nguyên giá	*222*		*496.442.427.468*	*196.980.053.944*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(131.224.534.696)*	*(111.803.039.886)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	24.186.704.551	24.959.539.311
	Nguyên giá	*228*		*36.932.176.605*	*38.685.603.304*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(12.745.472.054)*	*(13.726.063.993)*
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		8.608.222.540	9.807.483.560
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**	**14**	**89.629.516.698**	**305.771.041.259**
	Nguyên giá	*241*		*109.069.879.642*	*327.110.252.494*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*242*		*(19.440.362.944)*	*(21.339.211.235)*
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**6**	**476.607.479.367**	**779.449.595.713**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		176.400.000.000	88.200.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết	252		34.444.900.000	34.444.900.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.129.400.000	30.129.400.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(38.366.820.633)	(38.050.915.615)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		274.000.000.000	664.726.211.328
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**25.039.911.249**	**38.463.365.156**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	25.039.911.249	38.463.365.156
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**8.378.076.675.184**	**8.564.215.668.574**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**		**6.559.553.271.405**	**6.380.627.904.934**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**6.557.654.889.562**	**6.378.237.207.591**
1.	Phải trả cho người bán	312	15	513.806.169.050	538.684.318.279
1.1.	*Phải trả về hợp đồng bảo hiểm*	*312.1*		*507.749.368.014*	*515.439.391.359*
1.2.	*Phải trả khác cho người bán*	*312.2*		*6.056.801.036*	*23.244.926.920*
2.	Người mua trả tiền trước	313		8.029.027.569	6.899.172.213
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	32.509.112.804	74.444.964.952
4.	Phải trả người lao động	315		65.019.279.017	116.591.266.323
5.	Chi phí phải trả	316		41.072.102.565	17.454.785.143
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	214.929.260.307	133.432.368.564
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	105.667.034.955	106.886.853.247
8.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	18	297.994.436.198	345.133.359.458
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	136.800.000.000
10.	Dự phòng nghiệp vụ	329	19	5.278.628.467.097	4.901.910.119.412
10.1	*Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm*	*329.1*		*3.631.789.735.305*	*3.366.993.634.760*
10.2	*Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm*	*329.2*		*1.515.268.210.444*	*1.450.296.486.631*
10.3	*Dự phòng dao động lớn*	*329.3*		*131.570.521.348*	*84.619.998.021*
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**1.898.381.843**	**2.390.697.343**
1.	Phải trả dài hạn khác	333		1.898.381.843	2.390.697.343
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)**	**400**		**1.818.523.403.779**	**2.183.587.763.640**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**20**	**1.818.523.403.779**	**2.183.587.763.640**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		803.957.090.000	803.957.090.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		827.943.052.804	827.943.052.804
3.	Quỹ đầu tư phát triển	417		28.642.118.155	26.019.645.665
4.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419		80.395.709.000	80.395.709.000
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.585.433.820	445.272.266.171
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*421.400.343.883*	*195.508.688.597*
	- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*(343.814.910.063)*	*249.763.577.574*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**8.378.076.675.184**	**8.564.215.668.574**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	226.244.910.515	178.104.873.414
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ	USD	398.478,80	513.029,43
- Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	2.583,70	119.430,93
- Bảng Anh	GBP	308,33	314,93

Lê Trọng Hiệp	Lê Xuân Bách	Nguyễn Kim Lân
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1.	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	5.152.967.384.633	4.963.702.478.265
2.	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	9.125.910.370	39.664.063.873
3.	Doanh thu hoạt động tài chính	12	148.354.469.774	187.104.388.366
4.	Thu nhập khác	13	5.616.636.632	3.994.315.067
5.	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	5.353.406.361.482	4.558.193.742.149
6.	Giá vốn bất động sản đầu tư	21	5.118.035.372	20.496.114.733
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	49.331.298.802	37.193.882.921
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	243.363.507.630	244.878.922.760
9.	Chi phí khác	24	4.787.746.779	463.443.630
10.	**Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+11+12+13-20-21-22-23-24)**	**50**	**(339.942.548.656)**	**333.239.139.378**
11.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.872.361.407	70.991.890.393
12.	**(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)**	**60**	**(343.814.910.063)**	**262.247.248.985**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1.	**Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)**	**01**	**21**	**6.105.621.475.455**	**5.704.229.551.151**
	- Phí bảo hiểm gốc	01.1		6.265.961.552.698	5.836.199.674.337
	- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		104.456.023.302	108.719.404.440
	- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		264.796.100.545	240.689.527.626
2.	**Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)**	**02**	**22**	**1.728.305.797.560**	**1.562.274.134.038**
	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.675.365.243.315	1.733.551.920.761
	- (Giảm)/Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(52.940.554.245)	171.277.786.723
3.	**Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)**	**03**		**4.377.315.677.895**	**4.141.955.417.113**
4.	**Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)**	**04**		**775.651.706.738**	**821.747.061.152**
	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		542.541.404.555	586.417.287.875
	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		233.110.302.183	235.329.773.277
5.	**Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)**	**10**		**5.152.967.384.633**	**4.963.702.478.265**
6.	**Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)**	**11**	**23**	**2.901.283.639.616**	**2.154.152.125.034**
	- Tổng chi bồi thường	11.1		2.930.580.025.754	2.167.860.066.789
	- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		29.296.386.138	13.707.941.755
7.	**Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**12**	**23**	**697.502.010.599**	**515.151.160.071**
8.	**Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm**	**13**	**23**	**64.971.723.813**	**247.109.647.100**
9.	**Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**14**	**23**	**6.471.180.623**	**113.779.060.823**
10.	**Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)**	**15**	**23**	**2.262.282.172.207**	**1.772.331.551.240**
11.	**Tăng dự phòng dao động lớn**	**16**		**46.950.523.327**	**42.113.671.580**
	Trong đó: Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn			-	-
12.	**Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)**	**17**	**24**	**3.044.173.665.948**	**2.743.748.519.329**
	- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		658.150.628.466	658.480.727.819
	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		2.386.023.037.482	2.085.267.791.510
13.	**Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)**	**18**		**5.353.406.361.482**	**4.558.193.742.149**
14.	**(Lỗ)/Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)**	**19**		**(200.438.976.849)**	**405.508.736.116**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
15.	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	25	9.125.910.370	39.664.063.873
16.	Giá vốn bất động sản đầu tư	21	26	5.118.035.372	20.496.114.733
17.	**Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)**	**22**		**4.007.874.998**	**19.167.949.140**
18.	Doanh thu hoạt động tài chính	23	27	148.354.469.774	187.104.388.366
19.	Chi phí hoạt động tài chính	24	28	49.331.298.802	37.193.882.921
20.	**Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)**	**25**		**99.023.170.972**	**149.910.505.445**
21.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	243.363.507.630	244.878.922.760
22.	**(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 22 + 25 - 26)**	**30**		**(340.771.438.509)**	**329.708.267.941**
23.	Thu nhập khác	31		5.616.636.632	3.994.315.067
24.	Chi phí khác	32		4.787.746.779	463.443.630
25.	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**		**828.889.853**	**3.530.871.437**
26.	**Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**		**(339.942.548.656)**	**333.239.139.378**
27.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.872.361.407	70.991.890.393
28.	**(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)**	**60**		**(343.814.910.063)**	**262.247.248.985**

Lê Trọng Hiệp	Lê Xuân Bách	Nguyễn Kim Lân
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***(339.942.548.656)***	***333.239.139.378***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	28.906.097.107	26.605.200.713
	Các khoản dự phòng	03	290.920.035.782	279.919.900.551
	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	77.613.747	590.237.355
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(308.215.170.263)	(312.927.085.353)
	Chi phí lãi vay	06	9.847.289.553	8.743.826.504
3.	***(Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***(318.406.682.730)***	***336.171.219.148***
	Tăng các khoản phải thu	09	(96.881.772.863)	(27.384.066.469)
	Giảm hàng tồn kho	10	336.587.090	164.403.918
	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(27.144.625.170)	53.731.912.279
	Tăng chi phí trả trước	12	(39.526.356.992)	(55.913.113.611)
	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh	13	14.236.657.070	(8.463.442.212)
	Tiền lãi vay đã trả	14	(9.847.289.553)	(8.743.826.504)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(57.474.844.751)	(59.640.179.255)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(534.708.327.899)***	***229.922.907.294***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(91.133.884.976)	(72.654.820.535)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(411.648.570)	11.537.866.199
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.551.356.991.996)	(2.749.134.280.988)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.034.295.368.694	2.218.941.831.892
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(88.200.000.000)	-
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	320.560.654.831	296.266.980.364
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***623.753.497.983***	***(295.042.423.068)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	492.100.000.000	266.637.910.506
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(492.100.000.000)	(266.637.910.506)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(930.971.267)	(79.926.579.686)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(930.971.267)***	***(79.926.579.686)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**88.114.198.817**	**(145.046.095.460)**
	Tiền đầu năm	**60**	**151.424.045.640**	**297.060.378.455**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	155.152.896	(590.237.355)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**239.693.397.353**	**151.424.045.640**

Lê Trọng Hiệp	**Lê Xuân Bách**	**Nguyễn Kim Lân**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 3633/GP-UB do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 8 năm 1998, Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 41A/GPĐC32/KDBH ngày 05 tháng 01 năm 2022.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.603 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.535 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và kinh doanh dịch vụ tài chính.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ;
- Kinh doanh tái bảo hiểm;
- Hoạt động đầu tư tài chính;
- Và các hoạt động khác theo đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Tăng vốn đầu tư vào Công ty con

Theo Nghị quyết số 27/NQ-PTI-HĐQT ngày 05 tháng 4 năm 2022, Tổng Công ty đã hoàn tất thủ tục góp thêm 88.200.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện – Công ty con của Tổng Công ty tại ngày 21 tháng 4 năm 2022. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện tăng từ 95,32% lên 97,60% kể từ ngày này.

Vững Tâm An

Trong năm 2022, Tổng Công ty có phát sinh chi phí liên quan đến chương trình bảo hiểm "Vững Tâm An" với số tiền làm tròn là 353,2 tỷ VND, dẫn tới kết quả hoạt động kinh doanh sụt giảm mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có Văn phòng chính tại số 95 phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; 03 văn phòng đại diện Giám định bồi thường tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hải Phòng; 01 văn phòng đại diện khu vực phía Nam và 52 công ty trực thuộc trong cả nước.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
- Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Hà Nội	97,60	97,60	Đầu tư bất động sản, đầu tư tài chính
Công ty liên kết				
- Công ty Bảo hiểm đại chúng Lanexang	Vientian, Lào	50	50	Kinh doanh bảo hiểm
- Công ty Cổ phần Kasati	Hồ Chí Minh	21,3	21,3	Viễn thông, tin học và thiết bị điện tử

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trong năm, Ban Điều hành đã quyết định thay đổi việc ghi nhận một số khoản mục chi phí từ chi phí quản lý sang chi phí kinh doanh bảo hiểm để phù hợp với mô hình kinh doanh và quản lý chi phí của Tổng Công ty. Theo đó, một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay.

Chi tiết các số liệu được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng				
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	1.737.051.894.784	348.215.896.726	2.085.267.791.510
Chi phí tài chính	24	47.743.805.628	(10.549.922.707)	37.193.882.921
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	582.544.896.779	(337.665.974.019)	244.878.922.760

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. QUY ĐỊNH PHÁP LÝ MỚI BAN HÀNH TRONG NĂM NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quốc hội đã ban hành Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ("Luật số 08") quy định về tổ chức và hoạt động kinh doanh bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm; quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Luật số 08 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, trừ một số trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 156 của Luật này. Theo đó, một số điều khoản chuyển tiếp cần lưu ý như sau:

- Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày Luật 08 có hiệu lực và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với Luật này và để áp dụng quy định của Luật này.

- Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

- Doanh nghiệp bảo hiểm dừng trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Theo đó, toàn bộ số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được Bộ Tài chính quản lý để sử dụng cho mục đích bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán hoặc phá sản. Chính phủ quy định chi tiết về quản lý và sử dụng số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.

- Doanh nghiệp bảo hiểm không được kinh doanh bất động sản từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của các khoản phải thu bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của chứng khoán đã niêm yết được xác định theo giá giao dịch bình quân trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Giá trị hợp lý của chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính. Đối với các chứng khoán không có giao dịch trong 30 ngày liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính, giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do thời gian đáo hạn ngắn.

- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, đầu tư vào trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c) Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

e) Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu doanh nghiệp mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc trường hợp giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn. Theo quy định hiện hành, Tổng Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc của Tổng Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong 20 - 50 năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp sau:

- Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu sử dụng khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này;

- Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng chờ phân bổ, khoản trả trước về chi phí kinh doanh và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí kinh doanh của nghiệp vụ bảo hiểm bảo an tín dụng và một số nghiệp vụ khác được phân bổ tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng của nghiệp vụ bảo hiểm này.

Chính sách kế toán đối với các chi phí trả trước về hoa hồng bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phần "Ghi nhận chi phí".

Các khoản chi phí trả trước khác là giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, tiền thuê văn phòng, chi phí phát triển đại lý, các phí dịch vụ trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận như khoản nợ phải trả của Tổng Công ty cho khách hàng khi Tổng Công ty đã nhận tiền của khách hàng nhưng dịch vụ chưa được cung cấp cho khách hàng.

Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được trích lập theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 ("Thông tư 50") và Công văn phê duyệt số 3281/BTC-QLBH ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính. Chi tiết như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí

Dự phòng phí được Tổng Công ty trích lập theo hệ số thời hạn hợp đồng bảo hiểm.

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 01 năm trở xuống, dự phòng phí được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể như sau:
  - Đối với bảo hiểm hàng hóa, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
  - Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm, dự phòng phí được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR") hoặc chưa yêu cầu bồi thường, dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng dự phòng IBNR đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ.

Dự phòng dao động lớn

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định tại Thông tư 50, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 1% phí bảo hiểm giữ lại trong năm.

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được trích lập theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng phí

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, dự phòng phí được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại.

Dự phòng bồi thường

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR"), dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng dự phòng IBNR đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại trong năm và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán riêng, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau:

(1) Hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm;

(2) Bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên bán bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm

a) Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

b) Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như doanh thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm, doanh thu bán bất động sản đầu tư, cho thuê nhà, lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu và cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

Tổng Công ty phân bổ thu nhập từ hoạt động đầu tư sử dụng nguồn vốn dự phòng nghiệp vụ cho hoạt động bảo hiểm theo các nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí chung liên quan đến quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 7034/BTC-QLBH ngày 14 tháng 6 năm 2018. Trong năm, thu nhập từ việc đầu tư sử dụng nguồn vốn dự phòng nghiệp vụ được Tổng Công ty phân bổ cho doanh thu hoạt động bảo hiểm là 168,18 tỷ VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 146,69 tỷ VND).

Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư 50 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định khoản chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Tổng Công ty phân bổ chi phí dùng chung cho hoạt động đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong năm. Nguyên tắc phân bổ này đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 7034/BTC-QLBH ngày 14 tháng 6 năm 2018. Trong năm, chi phí dùng chung được Tổng Công ty phân bổ cho hoạt động đầu tư là 5,8 tỷ VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 7,7 tỷ VND).

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.291.564.723	6.143.629.858
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	115.561.658.877	144.815.915.782
Tiền đang chuyển	21.840.173.753	464.500.000
Các khoản tương đương tiền (i)	100.000.000.000	-
	239.693.397.353	**151.424.045.640**

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và hưởng mức lãi suất 6,0%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	**-**	**-**	**-**	**14.236.657.070**	**15.492.750.000**	**(26.695.000)**
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	-	14.236.657.070	15.492.750.000	(26.695.000)
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPB)	-	-	-	*5.384.064.000*	*5.575.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (DPR)	-	-	-	*4.093.991.790*	*4.110.750.000*	-
+ Khác	-	-	-	*4.758.601.280*	*5.807.000.000*	*(26.695.000)*
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**4.068.418.742.145**	**4.061.074.742.145**	**(7.344.000.000)**	**4.551.357.118.843**	**4.544.013.118.843**	**(7.344.000.000)**
b1) Ngắn hạn	***3.794.418.742.145***	***3.794.418.742.145***	**-**	***3.886.630.907.515***	***3.886.630.907.515***	**-**
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	3.162.542.787.645	3.162.542.787.645	-	3.786.630.907.515	3.786.630.907.515	-
- Trái phiếu (ii)	381.690.510.000	381.690.510.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-
- Chứng chỉ tiền gửi (iii)	250.185.444.500	250.185.444.500	-	-	-	-
b2) Dài hạn	***274.000.000.000***	***266.656.000.000***	***(7.344.000.000)***	***664.726.211.328***	***657.382.211.328***	***(7.344.000.000)***
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (iv)	54.000.000.000	54.000.000.000	-	291.726.211.328	291.726.211.328	-
- Trái phiếu (v)	212.000.000.000	212.000.000.000	-	365.000.000.000	365.000.000.000	-
- Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	8.000.000.000	656.000.000	(7.344.000.000)	8.000.000.000	656.000.000	(7.344.000.000)
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**240.974.300.000**	**217.805.219.829**	**(31.022.820.633)**	**152.774.300.000**	**123.781.652.202**	**(30.706.915.615)**
- Đầu tư vào công ty con	176.400.000.000	160.231.064.787	(16.168.935.213)	88.200.000.000	71.681.440.015	(16.518.559.985)
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	*176.400.000.000*	*160.231.064.787*	*(16.168.935.213)*	*88.200.000.000*	*71.681.440.015*	*(16.518.559.985)*
- Đầu tư vào công ty liên kết	34.444.900.000	36.377.198.195	(1.003.431.805)	34.444.900.000	27.881.579.708	(6.563.320.292)
+ Công ty Bảo hiểm đại chúng Lanexang	*20.152.200.000*	*19.148.768.195*	*(1.003.431.805)*	*20.152.200.000*	*13.588.879.708*	*(6.563.320.292)*
+ Công ty Cổ phần Kasati	*14.292.700.000*	*17.228.430.000*	-	*14.292.700.000*	*14.292.700.000*	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	30.129.400.000	21.196.956.847	(13.850.453.615)	30.129.400.000	24.218.632.479	(7.625.035.338)
+ Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	*15.000.000.000*	*1.149.546.385*	*(13.850.453.615)*	*15.000.000.000*	*7.374.964.662*	*(7.625.035.338)*
+ Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	*2.940.000.000*	*2.940.000.000*	-	*2.940.000.000*	*3.020.991.491*	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	*5.699.400.000*	*9.403.075.254*	-	*5.699.400.000*	*6.111.011.082*	-
+ Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	*5.800.000.000*	*6.906.395.883*	-	*5.800.000.000*	*6.906.395.883*	-
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	*65.000.000*	*65.000.000*	-	*65.000.000*	*65.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	*625.000.000*	*732.939.324*	-	*625.000.000*	*740.269.361*	-

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng trong nước với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và hưởng mức lãi suất từ 4,4% đến 11,6%/năm.

(ii) Thể hiện các khoản đầu tư trái phiếu có thời hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cụ thể như sau:

- 1.500.000 trái phiếu do Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa phát hành, mệnh giá 150.000.000.000 VND, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2021, lãi suất 10,22%/năm. Trái phiếu này sẽ được bán lại cho đối tác trong năm 2023 theo thỏa thuận đã được ký kết.

- 950.000 trái phiếu do Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành, mệnh giá 95.000.000.000 VND, kỳ hạn 3 năm kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2020, lãi suất 9%/năm.

- 80 trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công phát hành, mệnh giá 80.000.000.000 VND, kỳ hạn 02 năm kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2021, lãi suất 10,5%/năm.

- 540.000 trái phiếu do Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành, mệnh giá 54.000.000.000 VND, kỳ hạn 3 năm kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2020, lãi suất 9%/năm.

(iii) Thể hiện các chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính với lãi suất 4,4%/năm.

(iv) Thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và hưởng lãi suất từ 5,1% đến 5,7%/năm.

(v) Thể hiện các khoản đầu tư trái phiếu có thời hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cụ thể như sau:

- 250.000 trái phiếu do Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc phát hành, mệnh giá 25.000.000.000 VND, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2021. Lãi suất thả nổi theo quy định của hợp đồng.

- 1.000 trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 phát hành, mệnh giá 100.000.000.000 VND, kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2022. Lãi suất thả nổi theo quy định của hợp đồng.

- 37 trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, mệnh giá 37.000.000.000 VND, kỳ hạn 08 năm kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2022, lãi suất 6,48%/năm.

- 50 trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành, mệnh giá 50.000.000.000 VND, kỳ hạn 08 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2022, lãi suất 7,325%/năm.

7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu phí bảo hiểm gốc	299.791.764.878	330.775.955.361
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	*165.449.125.430*	*175.402.149.576*
- Phải thu của đại lý bảo hiểm	*102.070.835.811*	*116.239.022.015*
- Phải thu nhà đồng bảo hiểm về phí bảo hiểm gốc	*32.267.165.201*	*39.130.145.334*
- Phải thu khác về hoạt động bảo hiểm gốc	*4.638.436*	*4.638.436*
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	40.241.446.669	46.490.743.163
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	224.955.076.845	127.760.079.441
	564.988.288.392	**505.026.777.965**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	138.929.183.610	123.625.392.746
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	1.107.372.514	2.145.266.420
Trả trước cho nhà cung cấp khác	35.283.201.162	30.640.343.803
	175.319.757.286	**156.411.002.969**

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi dự thu hoạt động tài chính, cổ tức	212.282.994.046	224.439.068.192
Tạm ứng hoa hồng đại lý	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản phải thu khác	44.262.457.190	37.498.378.130
Tạm ứng kinh doanh	10.822.380.983	15.237.725.009
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.639.976.042	7.692.280.330
	295.007.808.261	**302.867.451.661**

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	**251.317.531.107**	**158.789.634.242**	**92.527.896.865**	**321.494.409.449**	**233.209.617.041**	**88.284.792.408**
+ Phải thu bảo hiểm gốc	*189.883.617.956*	*158.789.634.242*	*31.093.983.714*	*260.060.496.298*	*228.746.952.809*	*31.313.543.489*
+ Phải thu tái bảo hiểm	*5.121.738.717*	-	*5.121.738.717*	*2.706.938.219*	-	*2.706.938.219*
+ Phải thu từ hoạt động đầu tư	*33.345.894.661*	-	*33.345.894.661*	*32.465.894.661*	*4.462.664.232*	*28.003.230.429*
+ Phải thu khác	*22.966.279.773*	-	*22.966.279.773*	*26.261.080.271*	-	*26.261.080.271*

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	416.369.417.375	390.719.147.172
- Chi phí kinh doanh chờ phân bổ (i)	282.080.871.517	254.774.661.621
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	209.722.400	216.391.600
	698.660.011.292	**645.710.200.393**
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	8.151.230.608	5.615.637.228
- Chi phí thuê văn phòng	4.035.683.247	5.895.718.621
- Chi phí phát triển đại lý	1.270.709.515	1.260.582.489
- Các khoản chi phí khác	11.582.287.879	25.691.426.818
	25.039.911.249	**38.463.365.156**

(i) Thể hiện khoản phí kinh doanh phát sinh từ nghiệp vụ Bảo hiểm bảo an tín dụng và một số nghiệp vụ khác chưa phân bổ trong năm. Chi phí kinh doanh này được ghi nhận và phân bổ tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng theo từng loại hình nghiệp vụ bảo hiểm tương ứng.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	**21.995.579.410**	**125.661.209.670**	**49.323.264.864**	**196.980.053.944**
Mua sắm mới	-	4.244.871.773	2.424.134.647	6.669.006.420
Xây dựng cơ bản hoàn thành	80.283.115.773	2.436.666.969	-	82.719.782.742
Chuyển từ bất động sản đầu tư	218.040.372.852	-	-	218.040.372.852
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.555.705.855)	(3.411.082.635)	(7.966.788.490)
Số dư cuối năm	**320.319.068.035**	**127.787.042.557**	**48.336.316.876**	**496.442.427.468**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	**4.709.784.094**	**74.257.643.884**	**32.835.611.908**	**111.803.039.886**
Khấu hao trong năm	6.486.680.061	9.156.593.002	6.874.727.308	22.518.000.371
Chuyển từ bất động sản đầu tư	4.758.817.657	-	-	4.758.817.657
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.555.705.855)	(3.299.617.363)	(7.855.323.218)
Số dư cuối năm	**15.955.281.812**	**78.858.531.031**	**36.410.721.853**	**131.224.534.696**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	**17.285.795.316**	**51.403.565.786**	**16.487.652.956**	**85.177.014.058**
Tại ngày cuối năm	**304.363.786.223**	**48.928.511.526**	**11.925.595.023**	**365.217.892.772**

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do chuyển từ bất động sản đầu tư là giá trị tòa nhà số 95 Trần Thái Tông và các tài sản đi kèm khác từ việc cho thuê thành Trụ sở chính của Tổng Công ty từ 01 tháng 01 năm 2022.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 59.622.286.305 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 54.780.019.737 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	**VND**	**VND**	**VND**
Số dư đầu năm	**19.181.218.618**	**19.504.384.686**	**38.685.603.304**
Tăng do mua sắm	-	2.944.356.834	2.944.356.834
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.697.783.533)	(4.697.783.533)
Số dư cuối năm	**19.181.218.618**	**17.750.957.987**	**36.932.176.605**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	**-**	**13.726.063.993**	**13.726.063.993**
Trích khấu hao	-	3.528.127.370	3.528.127.370
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.508.719.309)	(4.508.719.309)
Số dư cuối năm	**-**	**12.745.472.054**	**12.745.472.054**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**19.181.218.618**	**5.778.320.693**	**24.959.539.311**
Tại ngày cuối năm	**19.181.218.618**	**5.005.485.933**	**24.186.704.551**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 7.325.449.153 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.660.382.686 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	**327.110.252.494**
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(218.040.372.852)
Số dư cuối năm	**109.069.879.642**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	**21.339.211.235**
Trích khấu hao trong năm	2.859.969.366
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.758.817.657)
Số dư cuối năm	**19.440.362.944**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	**305.771.041.259**
Tại ngày cuối năm	**89.629.516.698**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	170.105.102.804	172.946.212.173
- Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	*67.282.300.068*	*54.349.619.247*
- Phải trả về hoa hồng, môi giới bảo hiểm gốc	*94.963.134.880*	*112.710.325.251*
- Phải thu khác về hoạt động bảo hiểm gốc	*7.859.667.856*	*5.886.267.675*
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	301.687.461.017	317.085.177.202
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	35.956.804.193	25.408.001.984
Phải trả cho nhà cung cấp khác	6.056.801.036	23.244.926.920
	513.806.169.050	**538.684.318.279**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng hóa dịch vụ bán nội địa	-	30.776.883.277	223.797.317.460	230.652.263.991	126.281.157	24.048.217.903
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	31.867.284.111	3.872.361.407	57.474.844.751	21.735.199.233	-
Thuế thu nhập cá nhân	693.567.013	10.514.313.574	64.488.975.737	66.832.459.255	914.748.756	8.392.011.799
Thuế, phí phải nộp khác	8.303.303	1.286.483.990	1.590.060.869	2.802.874.315	3.515.861	68.883.102
	701.870.316	**74.444.964.952**	**293.748.715.473**	**357.762.442.312**	**22.779.745.007**	**32.509.112.804**

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu nhận trước từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	214.929.260.307	133.411.668.563
Doanh thu nhận trước từ hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	-	20.700.001
	214.929.260.307	**133.432.368.564**

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
Số dư đầu năm	**345.133.359.458**	**353.365.193.200**
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	495.402.481.295	578.185.454.133
Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(542.541.404.555)	(586.417.287.875)
Số dư cuối năm	**297.994.436.198**	**345.133.359.458**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
b) Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	259.090.908	249.894.318
Kinh phí công đoàn	15.842.245.143	6.652.763.191
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.847.204.282	10.778.175.549
Thuế nhà thầu tạm giữ	357.677.118	185.610.396
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	12.293.701.572	17.982.670.765
Thu phí bảo hiểm chưa đối chiếu	22.260.953.450	30.532.118.496
Các khoản khác	44.756.162.482	40.455.620.532
	105.667.034.955	**106.886.853.247**

19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng:

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần
1. Dự phòng phí chưa được hưởng	**3.631.789.735.305**	**1.012.892.798.778**	**2.618.896.936.527**	**3.366.993.634.760**	**1.065.833.353.023**	**2.301.160.281.737**
2. Dự phòng bồi thường	**1.515.268.210.444**	**641.505.705.080**	**873.762.505.364**	**1.450.296.486.631**	**635.034.524.457**	**815.261.962.174**
Trong đó:						
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1.379.882.074.317	606.485.518.814	773.396.555.503	1.321.665.718.525	597.554.745.600	724.110.972.925
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	135.386.136.127	35.020.186.266	100.365.949.861	128.630.768.106	37.479.778.857	91.150.989.249
Cộng	**5.147.057.945.749**	**1.654.398.503.858**	**3.492.659.441.891**	**4.817.290.121.391**	**1.700.867.877.480**	**3.116.422.243.911**

Trong đó chi tiết:

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm thuần	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm thuần
1. Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	3.366.993.634.760	1.065.833.353.023	2.301.160.281.737	3.126.304.107.134	894.555.566.300	2.231.748.540.834
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	264.796.100.545	(52.940.554.245)	317.736.654.790	240.689.527.626	171.277.786.723	69.411.740.903
Số dư cuối năm	**3.631.789.735.305**	**1.012.892.798.778**	**2.618.896.936.527**	**3.366.993.634.760**	**1.065.833.353.023**	**2.301.160.281.737**

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm thuần	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm thuần
2. Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1.450.296.486.631	635.034.524.457	815.261.962.174	1.203.186.839.531	521.255.463.634	681.931.375.897
Số trích lập thêm trong năm	64.971.723.813	6.471.180.623	58.500.543.190	247.109.647.100	113.779.060.823	133.330.586.277
Số dư cuối năm	**1.515.268.210.444**	**641.505.705.080**	**873.762.505.364**	**1.450.296.486.631**	**635.034.524.457**	**815.261.962.174**

Dự phòng dao động lớn:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	**84.619.998.021**	**42.506.326.441**
Số trích lập thêm trong năm	46.950.523.327	42.113.671.580
Số dư cuối năm	**131.570.521.348**	**84.619.998.021**

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	**803.957.090.000**	**827.943.052.804**	**23.517.729.849**	**67.912.037.589**	**290.915.892.492**	**2.014.245.802.734**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	262.247.248.985	262.247.248.985
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.501.915.816	12.483.671.411	(14.985.587.227)	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(5.003.831.631)	(5.003.831.631)
Chi thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.501.915.817)	(2.501.915.817)
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(5.003.831.631)	(5.003.831.631)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(80.395.709.000)	(80.395.709.000)
Tại ngày đầu năm nay	**803.957.090.000**	**827.943.052.804**	**26.019.645.665**	**80.395.709.000**	**445.272.266.171**	**2.183.587.763.640**
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(343.814.910.063)	(343.814.910.063)
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (i)	-	-	2.622.472.490	-	(2.622.472.490)	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng (i)	-	-	-	-	(5.244.944.980)	(5.244.944.980)
Chi thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	-	(5.334.834.939)	(5.334.834.939)
Trích thưởng Ban lãnh đạo (i)	-	-	-	-	(10.669.669.879)	(10.669.669.879)
Tại ngày cuối năm nay	**803.957.090.000**	**827.943.052.804**	**28.642.118.155**	**80.395.709.000**	**77.585.433.820**	**1.818.523.403.779**

(i) Tổng Công ty trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 44/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Số cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
b) Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
c) Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Chi tiết cổ đông và tỷ lệ nắm giữ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu	30.000.000	37,32	30.000.000	37,32
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	13.216.055	16,44	13.216.055	16,44
Vũ Thị Thư	7.950.000	9,89	7.950.000	9,89
Hoàng Thị Minh Phương	7.950.000	9,89	7.950.000	9,89
Cổ đông khác	21.279.654	26,46	21.279.654	26,46
	80.395.709	**100**	**80.395.709**	**100**

Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức chưa trả đầu năm	**10.778.175.549**	**10.309.046.235**
Chia cổ tức trong năm	-	80.395.709.000
Cổ tức đã trả trong năm	(930.971.267)	(79.926.579.686)
Cổ tức chưa trả cuối năm	**9.847.204.282**	**10.778.175.549**

21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	**6.265.961.552.698**	**5.836.199.674.337**
Bảo hiểm xe cơ giới	2.759.330.559.290	2.498.303.672.747
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người khác	1.745.706.634.315	1.408.778.172.747
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	623.021.192.708	648.205.278.078
Bảo hiểm bảo an tín dụng	423.913.700.381	654.070.207.620
Bảo hiểm cháy nổ	365.859.435.848	289.218.985.598
Bảo hiểm hàng hóa	144.977.530.069	148.463.261.924
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	107.610.643.822	115.196.197.599
Bảo hiểm trách nhiệm chung	64.269.158.647	54.923.092.060
Bảo hiểm hàng không	13.698.947.087	16.259.741.321
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	17.187.573.454	2.622.670.712
Bảo hiểm nông nghiệp	386.177.077	158.393.931
Phí nhận tái bảo hiểm	**104.456.023.302**	**108.719.404.440**
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	90.027.904.144	93.461.109.473
Bảo hiểm hàng hóa	5.310.554.371	5.556.568.018
Bảo hiểm xe cơ giới	1.846.102.543	1.425.447.131
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	3.784.653.614	2.994.794.781
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người khác	786.986.094	1.715.761.384
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1.570.009.452	1.527.684.262
Bảo hiểm cháy nổ	1.045.097.711	1.928.543.500
Bảo hiểm nông nghiệp	84.715.373	109.495.891
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	**(264.796.100.545)**	**(240.689.527.626)**
	6.105.621.475.455	**5.704.229.551.151**

22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	**1.675.365.243.315**	**1.733.551.920.761**
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người	650.109.028.612	571.662.772.576
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	411.641.310.045	434.677.727.556
Bảo hiểm cháy nổ	379.993.226.295	326.440.657.599
Bảo hiểm bảo an tín dụng	110.827.271.800	272.908.714.915
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	39.181.702.189	48.863.903.699
Bảo hiểm hàng hóa	59.652.315.172	57.883.984.469
Bảo hiểm trách nhiệm chung	14.568.180.583	9.805.015.275
Bảo hiểm hàng không	8.198.870.732	11.060.962.856
Bảo hiểm xe cơ giới	547.251.710	248.181.816
Bảo hiểm nông nghiệp	646.086.177	-
(Giảm)/tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	**52.940.554.245**	**(171.277.786.723)**
	1.728.305.797.560	**1.562.274.134.038**

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	**2.930.580.025.754**	**2.167.860.066.789**
Bảo hiểm xe cơ giới	1.413.933.804.617	1.084.111.070.180
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người	1.049.175.304.774	723.042.989.054
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	256.607.770.233	147.969.760.440
Bảo hiểm hàng hóa	41.100.718.258	45.800.340.785
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	60.879.716.422	95.285.067.787
Bảo hiểm cháy nổ	94.721.362.542	57.503.274.238
Bảo hiểm trách nhiệm chung	14.161.348.908	4.821.412.030
Bảo hiểm hàng không	-	9.326.152.275
Các khoản thu giảm trừ	**(29.296.386.138)**	**(13.707.941.755)**
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	**(697.502.010.599)**	**(515.151.160.071)**
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	**64.971.723.813**	**247.109.647.100**
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	**(6.471.180.623)**	**(113.779.060.823)**
	2.262.282.172.207	**1.772.331.551.240**

24. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí trực tiếp bộ phận khai thác bảo hiểm	1.320.033.428.168	1.429.544.898.410
Chi hoa hồng bảo hiểm	658.150.628.466	658.480.727.819
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	589.731.489.870	531.407.665.840
Chi quảng cáo, tiếp thị	372.838.169.415	22.983.117.255
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	16.625.871.253	17.394.403.512
Chi các quỹ bảo hiểm	6.420.322.300	8.017.982.373
Chi phí khác	80.373.756.476	75.919.724.120
	3.044.173.665.948	**2.743.748.519.329**

25. DOANH THU KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cho thuê bất động sản đầu tư	9.125.910.370	27.630.617.327
Bán bất động sản đầu tư	-	12.033.446.546
	9.125.910.370	**39.664.063.873**

26. GIÁ VỐN KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cho thuê bất động sản đầu tư	5.118.035.372	8.958.248.534
Bán bất động sản đầu tư	-	11.537.866.199
	5.118.035.372	**20.496.114.733**

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	105.118.465.284	127.466.688.484
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	158.503.767	156.188.191
Lãi kinh doanh chứng khoán	3.669.957.461	19.155.864.197
Cổ tức, lợi nhuận được chia	943.876.880	3.452.167.720
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.473.541.143	3.938.840.177
Lãi mua bán trái phiếu, đầu tư dài hạn	34.159.249.915	32.894.339.486
Các khoản khác	830.875.324	40.300.111
	148.354.469.774	**187.104.388.366**

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.847.289.553	8.743.826.504
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.963.074.810	4.768.389.155
Lỗ kinh doanh chứng khoán	22.399.253.731	21.867.090.166
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	289.210.018	1.752.824.221
Chi phí khác	832.470.691	61.752.875
	49.331.298.802	**37.193.882.921**

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	139.672.330.216	139.304.465.607
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.735.899.163	7.804.353.072
Chi phí dụng cụ quản lý	2.247.280.497	1.360.401.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.947.663.046	10.356.020.481
Thuế, phí và lệ phí	2.938.777.248	2.645.024.114
Trích lập chi phí dự phòng	4.243.104.457	12.125.859.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.695.756.703	29.227.713.568
Chi phí khác	46.882.696.301	42.055.084.909
	243.363.507.630	**244.878.922.760**

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG, SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.033.372.933.314	3.128.648.843.739
Chi phí nhân viên	712.912.773.661	934.522.187.603
Chi phí văn phòng	48.719.101.590	57.553.044.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	28.906.097.107	26.605.200.713
Thuế, phí và lệ phí	52.789.834.293	54.022.125.844
Chi phí dự phòng	4.243.104.457	12.125.859.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.351.586.014	145.915.498.784
Chi phí khác	563.592.474.049	464.176.019.457
	5.601.887.904.484	**4.823.568.779.642**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	**(339.942.548.656)**	**333.239.139.378**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Thu nhập chịu thuế bổ sung	**259.024.210**	**16.289.756.082**
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	**6.503.765.367**	**3.452.167.720**
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*943.876.880*	*3.452.167.720*
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đã loại trừ chi phí năm trước	*5.559.888.487*	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	**365.549.096.844**	**8.882.724.228**
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ VND	*1.146.729.987*	*1.060.364.378*
- Chi phí không được khấu trừ khác	*364.402.366.857*	*7.822.359.850*
Thu nhập chịu thuế	**19.361.807.032**	**354.959.451.968**
Thuế suất thông thường	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**3.872.361.407**	**70.991.890.393**

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp và các quỹ dự trữ).

Biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị: VND

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh tóa
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.372.391.964.854	1.173.763.083.171	117%
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.772.932.135.275	1.052.841.789.504	168%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	239.693.397.353	239.693.397.353	151.424.045.640	151.424.045.640
Phải thu khách hàng và phải thu khác	765.029.373.074	765.029.373.074	714.451.598.495	714.451.598.495
Đầu tư ngắn hạn	3.794.418.742.145	3.794.418.742.145	3.900.840.869.585	3.902.123.657.515
Đầu tư dài hạn	282.934.946.385	287.852.956.847	679.886.575.990	681.600.843.807
Tổng cộng	**5.082.076.458.957**	**5.086.994.469.419**	**5.446.603.089.710**	**5.449.600.145.457**
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	581.110.914.504	581.110.914.504	608.136.395.521	608.136.395.521
Công nợ tài chính khác	42.970.484.408	42.970.484.408	19.845.482.486	19.845.482.486
Tổng cộng	**624.081.398.912**	**624.081.398.912**	**627.981.878.007**	**627.981.878.007**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Tổng Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản ngắn hạn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn hoặc không xác định.

- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản phải thu khách hàng. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các khách hàng đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	**VND**	**VND**	**VND**
Tiền và tương đương tiền	239.693.397.353	-	239.693.397.353
Phải thu khách hàng và phải thu khác	756.645.818.805	8.383.554.269	765.029.373.074
Đầu tư ngắn hạn	3.794.418.742.145	-	3.794.418.742.145
Đầu tư dài hạn	-	282.934.946.385	282.934.946.385
Tổng cộng	**4.790.757.958.303**	**291.318.500.654**	**5.082.076.458.957**
Phải trả người bán và phải trả khác	581.110.914.504	-	581.110.914.504
Công nợ tài chính khác	41.072.102.565	1.898.381.843	42.970.484.408
Tổng cộng	**622.183.017.069**	**1.898.381.843**	**624.081.398.912**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**4.168.574.941.234**	**289.420.118.811**	**4.457.995.060.045**

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số đầu năm	**VND**	**VND**	**VND**
Tiền	151.424.045.640	-	151.424.045.640
Phải thu khách hàng và phải thu khác	704.371.712.209	10.079.886.286	714.451.598.495
Đầu tư ngắn hạn	3.900.840.869.585	-	3.900.840.869.585
Đầu tư dài hạn	-	679.886.575.990	679.886.575.990
Tổng cộng	**4.756.636.627.434**	**689.966.462.276**	**5.446.603.089.710**
Phải trả người bán và phải trả khác	608.136.395.521	-	608.136.395.521
Công nợ tài chính khác	17.454.785.143	2.390.697.343	19.845.482.486
Tổng cộng	**625.591.180.664**	**2.390.697.343**	**627.981.878.007**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**4.131.045.446.770**	**687.575.764.933**	**4.818.621.211.703**

Ban Điều hành đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Điều hành tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm, Tổng Công ty đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, Tổng Công ty đã thực hiện đa dạng hóa các loại hình nghiệp vụ, sản phẩm bảo hiểm cũng như các khu vực khai thác khác nhau để giảm thiểu rủi ro tích tụ bảo hiểm. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng áp dụng các tiêu chí khác nhau trong việc lựa chọn rủi ro, thực hiện nhiều biện pháp khác nhau trong việc đánh giá rủi ro để xây dựng mức phí phù hợp. Tổng Công ty không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ trục lợi cao.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã xác định lại tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên thống kê về tổn thất trong quá khứ và dự báo xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh ngành và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Với các nhóm rủi ro có tỷ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Tổng Công ty chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn lại phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường;

- Với các nhóm rủi ro có tỷ lệ tổn thất tăng nhưng vẫn ở trong mức chấp nhận và vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Tổng Công ty chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, đồng thời tận dụng được luồng tiền thu được từ phí bảo hiểm để phục vụ cho hoạt động đầu tư.

Tổng Công ty cũng thực hiện một cách triệt để, chặt chẽ các biện pháp để chuyển giao rủi ro bảo hiểm với các công ty bảo hiểm khác nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra nhưng cũng đảm bảo mục tiêu hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm thông qua xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm và đồng bảo hiểm một cách hợp lý.

Tổng Công ty luôn thực hiện chủ trương đẩy nhanh tốc độ giám định tổn thất và giải quyết bồi thường để hạn chế tối đa các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định bồi thường như: rủi ro tỷ giá, rủi ro lạm phát, rủi ro tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức,... Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường tại Tổng Công ty được thực hiện theo 02 cấp độ khác nhau phụ thuộc vào mức độ phức tạp và tính chất của tổn thất:

- Đối với những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp được giám định tổn thất và xử lý bồi thường tập trung tại văn phòng Tổng Công ty;

- Đối với những vụ tổn thất nhỏ mà các công ty thành viên đã có kinh nghiệm, có đủ nguồn lực để thực hiện sẽ được xử lý tại các công ty thành viên.

33. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Công ty con
Công ty Cổ phần Kasati	Công ty liên kết
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang	Công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện		
- Góp vốn	88.200.000.000	-
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang		
Nhượng tái bảo hiểm		
- Phí nhượng tái bảo hiểm	13.910.198.109	34.010.476.373
- Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	14.233.777.744	23.811.634.776
- Thu khác kinh doanh bảo hiểm	5.095.573.297	5.778.085.157
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	64.477.654	3.479.474.896
Nhận tái bảo hiểm		
- Phí nhận tái bảo hiểm	14.381.748.839	21.349.507.824
- Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	3.098.701.501	4.270.321.443
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	640.623.362	1.362.637.925
Công ty Cổ phần Kasati		
- Cổ tức ghi nhận trong năm	786.126.880	1.084.753.000
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu		
- Phí nhượng tái bảo hiểm	19.966.752.233	15.540.650.522
- Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	6.444.482.480	4.855.964.521
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	2.507.527.203	2.604.200.364
- Cổ tức năm trước được hưởng	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
- Cổ tức năm trước được hưởng	-	13.216.055.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ủy thác đầu tư dài hạn		
- Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	8.000.000.000	8.000.000.000
	8.000.000.000	**8.000.000.000**
Phải thu tái bảo hiểm		
- Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu	1.517.658.296	574.529.544
- Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang	-	1.121.270.779
	1.517.658.296	**1.695.800.323**
Phải thu ngắn hạn khác		
- Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	32.822.568.385	32.822.568.385
	32.822.568.385	**32.822.568.385**
Phải trả tái bảo hiểm		
- Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu	10.063.614.655	2.291.450.573
- Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang	-	6.163.563.645
	10.063.614.655	**8.455.014.218**

Thu nhập của Ban Điều hành và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập Ban Điều hành	18.145.813.629	20.806.627.302
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	2.276.472.490	2.315.242.285
	20.422.286.119	**23.121.869.587**

Lê Trọng Hiệp	Lê Xuân Bách	Nguyễn Kim Lân
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

PHẠM THỊ THÚY HẰNG

Digitally signed by PHẠM THỊ THÚY HẰNG
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Huyện Phúc Thọ, ou=TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN, title=Giám đốc Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ, cn=PHẠM THỊ THÚY HẰNG, 0.9.2342.19200300.100.1.1=CCCD:001176018511
Date: 2023.04.19 17:44:32 +07'00'